

# ALFRED HITCHCOCK

tuyển chọn

## 'TIẾNG GỌI trong đêm

truyện  
kinh dị



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

isach.info

# Tiếng Gọi Trong Đêm

*Tác giả: Alfred Hitchcock*

*Thể loại: Tập Truyện Ngắn*

*Dịch giả: Trịnh Huy Hóa*

*Biên tập: Bach Ly Bang*

*Bìa: Lý Mai An*

*Created by: <http://isach.info>*

*Date: 08-December-2015*



*Kho ebook online*  
*<http://isach.info>*

## Q. PATRIC - MỐI TÌNH ĐẦU CỦA LUCY

Họ ngồi quanh chiếc bàn tròn ăn sáng, khoác đen vắt hồ hững ngang vai theo kiểu của khách du lịch đến Mêhicô. Họ có vẻ bề ngoài đúng như bản thân họ - ba quý bà ở độ tuổi trung niên đến từ một trong những vùng ngoại ô danh giá nhất của Philadelphia.

"Mas cafe", Miss Ellen Yarnell ra lệnh cho cô hầu bàn khùng khinh quay lại. Miss Ellen trước đây đã từng đi du lịch ở nước ngoài, vì thế bà biết cách xử sự trong những trường hợp khó chịu như thế này.

"Và mas caliente nóng cho tôi", Mrs. Vera Truegood, người già nhất trong số các quý bà nói thêm, bà ta cảm thấy lạnh trong không khí buổi sáng ở Mexico City.

Miss Lucy Bram không nói gì. Bà nhìn đồng hồ xem đã tới giờ Mariô đến chưa.

Cô hầu bàn đặt phịch xuống bàn cái bình cà phê bằng thiếc chỉ hơi âm ỉm.

"Cô có cho là bảo Mariô đến sớm là một ý hay không, Lucy? Cậu ta có thể đưa chúng mình đi đâu đó và ta sẽ có bữa sáng nóng sốt tử tế hơn đây".

"Mariô đã làm đủ thứ cho chúng ta rồi". Miss Lucy hơi đỏ mặt khi nói đến chàng trai hướng dẫn người Mêhicô. Bà đỏ mặt vì các bà bạn hay trêu chọc bà về chuyện chàng trai, và bởi vì bà chợt nghĩ đến đôi chân cứng cáp, thậm chí gân guốc của cậu ta mà bà đã nhìn thấy hôm qua khi cậu dắt các bà đi qua những khu vườn nổi ở Xochimilco.

Bà Lucy có lẽ chưa từng bao giờ tư tưởng đến một cặp đùi đàn ông trong suốt cuộc đời 52 năm của một bà cô chưa chồng theo đạo Quaker [1]. Đó lại là một dấu hiệu đáng lo ngại khác về sự thay đổi đã xảy ra trong con người bà từ khi bà đến Mêhicô một tháng trước. Thực ra sự thay đổi này có lẽ đã diễn ra sớm hơn, từ khi cái chết của ông bố ốm yếu khiến cho bà bất ngờ trở nên giàu có, cả về tín phiếu lẫn tài sản cầm cố. Nhưng chỉ sau này, chỉ ở đây - ở Mêhicô - bà Lucy mới ý thức được rõ ràng về sự thay đổi đó, vào cái ngày bà gặp Mariô ở Taxco.

Đó là một ngày đầy sự kiện với Miss Lucy, có lẽ là nhiều sự kiện nhất trong những ngày đầu ở Mêhicô. Cảm giác về tự do, dù vẫn kèm với cú sốc đau thương, đã thức tỉnh cùng với bà trong căn phòng ngủ ở cái khách sạn đầy ánh nắng. Nó bay lượn trên đầu bà khi ngồi ăn sáng ngoài hiên cùng với hai bà bạn

đồng hành (mà chi phí cho họ do bà ngầm trả). Nó đi nhanh chóng dĩ nhiên không phải vì những lời phàn nàn không ngớt của Vera về không khí lạnh lẽo vùng núi, cũng không phải vì những nhận xét trưởng giả hợm hĩnh của Ellen rằng Taxco quả thật dễ thương, mà là vì phong cảnh đẹp như tranh vẽ của những thị trấn vùng Tuscany.

Với Miss Lucy, người cả đời chỉ quanh quẩn ở Philadelphia và hội quán Harbor, thì những mái nhà lợp ngói đỏ và nhà thờ với các tháp chuông nhô cao màu hồng quả là một giấc mơ tưởng chừng không có thực.

Cảm giác hài lòng vì là một "bà ngoại quốc" được người ta chiều chuộng ra mặt, là bà chủ của chính mình đã lên đến đỉnh điểm khi bà nhìn thấy Chiếc Nhẫn.

Bà nhìn thấy nó ở một trong những hiệu kim hoàn phía dưới cái quảng trường nhỏ phủ đầy bóng cây. Nó khiến bà chú ý trong khi Vera và Ellen đang mặc cả với ông chủ hiệu về một cái trâm cài đầu. Nó không phải là một cái nhẫn quý. Với con mắt của một người Quake như bà, vốn được dạy dỗ nghiêm khắc chống lại mọi sự khoa trương, thì cái nhẫn quá lòe loẹt đến độ tầm thường. Một viên saphia to màu trắng gắn trên cái vòng bạc mỏng mảnh. Nhưng có một cái gì đó bám dính trong cái vẻ lóng lánh phô trương của nó. Bà thử đeo nó vào ngón tay và nó phản chiếu ánh nắng mặt trời vào bà. Nó làm cho cái nhẫn hứa hôn đứng đắn của mẹ bà, mà giá trị chắc chắn gấp năm mươi lần hơn, cũng phải mờ nhạt đi. Miss Lucy cảm thấy rất vui thích, nhưng rồi bà chợt tỉnh táo lại. Liếc nhìn tấm lưng đứng đắn của Hellen, bà cô gỡ nó ra khỏi ngón tay.

Nhưng không ăn thua. Và trong khi bà còn đang cố tháo thì Vera và Hellen đã đến với bà. Họ ngắm nghía cái nhẫn mà kêu lên với vẻ khâm phục ngưỡng mộ.

"Ôi, Lucy, dễ thương quá!"

"Xinh như chiếc nhẫn hứa hôn ấy!"

Miss Lucy đỏ mặt. "Đừng trêu tôi nữa. Nó quá trẻ đối với tôi. Tôi chỉ muốn đeo thử một tý thôi. Hình như tôi không thể...". Bà lại cố rút cái nhẫn ra. Còn cái ông Mêhicô chủ hiệu cứ xoắn lấy bà, tuôn ra những lời tâng bốc.

"Tới đi, Lucy", Ellen làm ra vẻ táo tợn "Mua nó đi".

"Thật bức mình quá. Nhưng có vẻ tôi không tháo nó ra được mất, tôi... có lẽ tôi phải...".

Miss Lucy mua chiếc nhẫn saphia trắng với cái giá cao hơn giá trị thật của nó,

nhưng cũng chẳng đáng gì đối với bà. Trong khi Ellen, người chuyên xử lý những vấn đề tài chính của chuyến đi, vì bà ta "quá rành" những chuyện này, tính tiền với ông chủ hiệu thì Miss Lucy nói với Vera, "Về khách sạn tôi sẽ tháo nó ra bằng xà phòng".

Nhưng rồi bà cũng không tháo nó ra. Vì sao đó, một niềm hạnh phúc mới mẻ xao động trong bà mỗi khi bà ngắm nghía nó.

Ở Taxco, Miss Lucy cảm thấy mình tràn trề sức lực. Chiều hôm đó, trước khi ăn tối, trong khi Vera và Ellen đang cho những cặp chân đau được nghỉ ngơi trong phòng, thì bà quyết định đến thăm nhà thờ Santa Prisca ở chỗ quảng trường công cộng một lần nữa. Lần tham quan đầu tiên của bà đã bị phá hỏng vì những lời chỉ dẫn liến thoắng theo sách của hai bà bạn. Bà muốn ở một mình trong nội thất mênh mông mát lạnh của ngôi thánh đường, để cố cảm nhận được bầu không khí của nó, cảm nhận sự khác biệt với nhà họp đạo Quaker thành kính chân phương ở quê hương bà.

Khi bà bước chân qua cánh cửa gỗ trang hoàng lộng lẫy, cái bệ thờ Churriqueresque kỳ lạ đầy những bông hoa dát vàng với các tượng hài đồng và thiên sứ làm bà lóa cả mắt. Một bà nông dân cổ lỗ, bao kín người trong bộ đồ đen, đang dâng một cây nến cháy chập chờn cho bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh. Một con chó lai chạy ngang qua bà vào trong nhà thờ, nhìn quanh rồi lại chạy ra. Trong khung cảnh đó, sự tương phản giữa vẻ hoành tráng kỳ vĩ của bệ thờ với cái con người nhỏ nhoi đáng thương tác động một cách kỳ lạ lên Miss Lucy. Nó đứng đó như là hiện thân của Thiên Chúa giáo với một sức mạnh xa lạ và dường như nó còn đang kêu gọi bà. Bởi một sự thôi thúc mà bà chỉ hiểu lơ mờ, bà khụy xuống quỳ trên đầu gối, viên ngọc saphia trên ngón tay cũng lóe sáng một cách lạ kỳ tương ứng với sự kỳ diệu của chính ngôi thánh đường.

Miss Lucy chỉ quỳ một chốc, nhưng trước khi đứng dậy, bà ý thức được sự hiện hữu của một ai đó phía bên phải bà. Bà liếc mắt nhìn sang và thấy một chàng trai trẻ Mêhicô bận bộ đồ trắng tinh vừa đi vào nhà thờ và quỳ xuống cách bà vài mét, mái tóc đen rậm ánh lên trên cái đầu cúi thấp sùng kính của chàng trai. Khi bà đứng dậy, ánh mắt của cậu bắt gặp ánh mắt của bà. Chỉ là một cái nhìn thoáng qua, nhưng bà vẫn giữ được cái ấn tượng sống động trên khuôn mặt cậu ta. Nước da nâu như mật ong và đôi mắt - đặc biệt là đôi mắt - đen và nhẵn nạy với một vẻ đẹp dịu dàng, thụ động. Vì sao đó mà sự tiếp xúc ngắn ngủi này đem lại cho bà một cảm nhận sâu lắng hơn trong tâm linh với cái thành phố xa lạ và những con người xa lạ này. Nghĩ đến anh ta, bà lại thấy cái

việc quỳ gối không bình thường của bà dường như là một việc làm đúng. Không, tất nhiên là bà sẽ chẳng bao giờ nói chuyện đó với Vera và Ellen.

Bà rời nhà thờ, rất vui vẻ và sẵn sàng đi ăn bữa tối. Dưới ánh đèn nhợt nhạt, bà đi qua phố Xocalo đông đúc, và khi bà rẽ qua con đường vắng vẻ dẫn đến khách sạn thì trời đã tối hẳn. Tiếng bước chân của bà vang lên một cách khác thường trên những tảng đá lát đường gồ ghề. Tiếng động như làm tăng thêm sự cô độc của bà. Một bóng đàn ông đơn độc, hơi lão đảo, xuất hiện nơi đỉnh đồi và tiến đến phía bà. Miss Lucy không phải là người nhát gan, nhưng với một linh tính cảnh giác mơ hồ, bà nhận thấy người đó đang say. Bà nhìn quanh. Xung quanh chẳng có lấy một bóng người. Bà cảm thấy một sự thôi thúc yếu ớt giục bà quay lại đường Xocalo, nhưng bà đã đè nén được nó. Rốt cục, bà là một người Mỹ không ai có thể làm gì gây hại cho bà được. Bà lại tiếp tục bước nhanh.

Nhưng cái mầm sợ hãi vẫn còn đó, và khi bà đi ngang qua người đàn ông, ông ta nhìn lom lom vào bà và lao đến chỗ bà. Ông ta để râu, ăn mặc tồi tàn, hơi thở nồng nặc mùi rượu tequila. Ông ta tuôn ra một tràng tiếng Tây Ban Nha mà bà không thể hiểu lấy một chữ. Bà biết ông ta đang xin xỏ, nhưng vốn được dạy dỗ làm các việc từ thiện có tổ chức, Miss Lucy không cảm thông được với những người ăn mày trên hè phố. Bà lắc đầu một cách cương quyết và định đi tiếp. Nhưng bàn tay bẩn thỉu đã tóm lấy ống tay áo của bà, và những lời than vãn lại tiếp tục. Bà giằng tay ra, một cách quyết liệt hơn là bà muốn. Một tia giận dữ lóe lên trong mắt gã. Hắn ta giơ tay với về phần nộ.

Dù rõ ràng hắn không định đánh thật, nhưng Miss Lucy bước lui lại theo bản năng, và khi làm như thế, gót giày cao của bà bị mắc vào một phiến đá lát đường và bà ngã xuống mặt đất trong một tư thế khá kỳ cục. Bà nằm đó, cổ chân gập dưới thân người trong khi hắn ta dường như chồm lên người bà về đe dọa.

Trong một thoáng, Miss Lucy cảm thấy hoảng loạn - một nỗi sợ hãi quá lớn không thể hiểu nổi, không thể giải thích chỉ bằng tình huống lố bịch như thế này.

Lúc đó từ trong bóng tối, một người đàn ông khác xuất hiện. Một người mảnh mai mặc bộ đồ trắng. Miss Lucy không nhìn rõ mặt anh ta nhưng bà biết đó chính là chàng trai trẻ ở nhà thờ. Bà nhận thấy cánh tay áo trắng của chàng trai vung lên về phía gã ăn mày và đuổi hắn đi.

Bà nhìn thấy gã ăn mày bước lui về phía sau, lí nhí và lê bước bỏ đi. Rồi bà

thấy một khuôn mặt trẻ trung kề sát mặt bà, rồi một cánh tay khỏe mạnh đỡ bà đứng lên. Bà không thể hiểu được tất cả những lời mà chàng trai ân nhân cứu bà đã nói, nhưng giọng cậu ta thật êm ái và đầy quan tâm.

“Qué malo (đồ lưu manh)”, cậu ta nói, nghe rằng khinh bỉ về phía gã ăn mày đang bỏ đi. “Malo Mexicano (một gã Mêhicô xấu)”. Hàm răng lóe sáng dưới ánh trắng. “Tôi Mariô, từ nhà thờ, nhớ không? Để tôi giúp senora (quý bà), được không?”

Cậu ta gần như phải dìu Miss Lucy đi, hai cổ chân bà bị trầy xước rất đau. Họ đi về khách sạn và lên thẳng phòng bà, ở đó bà được hai bà bạn Vera và Ellen rồi rít chăm sóc.

Vì Mariô cứ lượn xung quanh một cách lo âu, Ellen vớ lấy cái túi xách và thì thầm “Bao nhiêu, Lucy?”.

Nhưng trong chuyện này thì Miss Lucy thể hiện ý chí của chính bà: “Không. Cho tiền có lẽ sẽ xúc phạm cậu ấy đấy”.

Và Mariô, dường như hiểu câu chuyện, liền nói “Gracias, Senora”. (Cám ơn, thưa bà). Và sau vài câu, mà trong đó Miss Lucy chỉ hiểu mỗi một từ “madre” (bà chủ), cậu nâng bàn tay trái của Miss Lucy lên hôn - bàn tay đeo chiếc nhẫn saphia mới mua - rồi tươi cười bước ra.

Mariô bước vào cuộc sống của họ như thế đấy. Và khi đã bước vào rồi thì rõ ràng là cậu ta định ở lại đó. Sáng hôm sau, cậu ta đến khách sạn và đòi gặp Miss Lucy, và bà lần đầu tiên mới nhìn rõ mặt cậu. Cậu ta không thật đẹp trai. Cặp mắt có đuôi dài có lẽ nằm quá gần nhau. Bộ ria mép lún phún trên đôi môi dày có lẽ quá dài. Nhưng thân hình cậu, dù mảnh mai, nhưng đầy sức lực. Và có cái gì đó trong con người cậu gợi lên vẻ dễ mến và đáng tin cậy.

Cậu bảo cậu là một sinh viên đang lo kiếm ít tiền nhân dịp nghỉ hè. Cậu muốn làm người hướng dẫn cho các Senora, và vì Miss Lucy không thể nào đi bộ với cái cổ chân bị đau, cậu đề nghị thuê một chiếc xe và cậu sẽ là người lái xe cho họ. Thù lao mà cậu yêu cầu ít một cách buồn cười và cậu khẳng khẳng từ chối nhận thêm.

Ngày hôm sau cậu thuê một chiếc xe giá rẻ đến nỗi ngay cả Miss Ellen khó tính riết róng cũng phải vừa lòng, và từ lúc đó cậu lái xe chở các bà đi vòng quanh các nơi danh thắng với sự quan tâm và ân cần cứ như họ thực sự là ba “madre” của cậu vậy.

Sự xuất hiện hàng ngày của cậu, luôn luôn trong bộ đồ trắng tinh, trở thành

một niềm vui thường xuyên đối với Miss Lucy - và dĩ nhiên với cả ba người bọn họ. Cậu ta có vô số kế hoạch cho họ giải trí. Một hôm, cậu lái xe đưa họ đi vòng quanh chân núi Popocatepetl, và vài giờ sau họ đã có thể hào hứng trầm trồ về ngọn núi chắc chắn là một trong những ngọn núi đẹp nhất và bí hiểm nhất trên thế giới. Và trong một thoáng khi họ còn lại một mình bên nhau, bàng hoàng ngắm nhìn cái đỉnh núi bí ẩn phủ đầy tuyết trắng, Miss Lucy cảm thấy bàn tay nâu khỏe của Mariô đang cầm tay bà và nắm nhẹ nhàng.

Rõ ràng đó là cái cách cậu ta nói với bà, mặc dù có trở ngại vì ngôn ngữ bất đồng, rằng họ đang hưởng những ngày tuyệt vời ở Mêhicô, và cậu rất mừng là họ chia sẻ nó cùng với nhau. Sự đụng chạm của cậu làm viên ngọc saphia ép vào ngón tay bà hơi đau, nhưng một cảm giác lạ, khác với sự đau đớn, đã trỗi dậy bên trong con người bà.

Sau chuyến đi vòng quanh núi Popocatepetl, Miss Lucy quyết định rằng đã đến lúc phải rời Taxco và trở về nơi trú ngụ của họ ở Mexico City.

Bà chỉ thị cho Ellen làm việc với Mariô - đưa thêm cho cậu ta một trăm pêsô phụ trội ngoài tiền công, và báo cho cậu ta, nhã nhặn nhưng cương quyết, rằng công việc của cậu đến đây là chấm dứt. Nhưng Ellen có lẽ đã làm một việc giống như chuyển núi Popocatepetl hay ra lệnh cho nó biến thành biển vậy. Mariô chỉ cười vào mặt bà ta, quảng trả năm tiền một trăm pêsô và đòi tự mình phải nói chuyện trực tiếp với Miss Lucy. Ở Mexico City có rất nhiều những tên Mêhicô bất lương. Cậu có những cánh tay mạnh khỏe, lương thiện. Cậu sẽ có thể chăm sóc cho họ. Không, không quan trọng chuyện tiền bạc của Senora Ellen - hai bà này luôn luôn là senora đối với cậu, chỉ mỗi mình Miss Lucy là senorita (quý cô). Điều quan trọng là cậu cần chỉ dẫn cho họ mọi thứ. Hai cánh tay khỏe mạnh của cậu dang ra như để ôm mặt trời, mặt trăng, núi non và tất cả đất nước Mêhicô. Và cặp mắt tối sẫm với hàng mi dày rậm cũng như ôm lấy Miss Lucy nữa.

Và Miss Lucy, trái với bản năng sâu thẳm mơ hồ mách bảo, đã chịu đầu hàng.

Mariô đi cùng với họ đến Mexico City.

o O o

Đó là tuần lễ thứ hai họ ở lại Mexico City và họ quyết định đi một chuyến đến thăm các Kim tự tháp ở Teotihuacan. Như thường lệ, Miss Lucy ngồi đằng trước với Mariô. Cậu là người lái xe tài ba và bà thích nhìn bộ mặt cậu trông nghiêng khi cậu tập trung vào con đường; thích cái cách cậu lăm bắm với mình khi có

điều gì đó làm cậu phật ý hay vừa lòng. Bà không thích lắm khi cậu quay sang nhìn bà, ánh mắt đen như vuốt ve trườn mẫn lên khuôn mặt và chuyển dần xuống ngực bà.

Cái nhìn của cậu khiến bà bối rối, và hôm nay không hiểu có điều gì xúi giục mà bà nói với cậu bằng tiếng Anh, "Mariô, cậu là cái thứ người mà ở Mỹ người ta gọi là sát gái. Tôi nghĩ cậu phải quen rất nhiều cô gái ở Mêhicô này đấy".

Thoạt đầu cậu dường như không hiểu lời nhận xét của bà. Sau đó cậu bùng ra, "Con gái - muchachas. Para tôi, không". Tay cậu thò vào túi áo ngực và lấy ra một tấm ảnh đã cũ mờ. "Mi muchacha. Cô gái của tôi, mi unica muchacha... Una sola..." (người phụ nữ duy nhất... độc nhất...)

Miss Lucy cầm lấy tấm ảnh. Đó là một người phụ nữ còn già hơn cả bà với mái tóc xám và cặp mắt to buồn rầu. Có những nét lo buồn và ốm yếu trên khuôn mặt bà ta.

"Mẹ cậu phải không?" Miss Lucy âu yếm hỏi. "Kể cho tôi nghe về bà ấy đi".

Mariô nói huyên thiên, không phải bằng thứ tiếng Tây Ban Nha chậm rãi cẩn thận mà cậu thường nói với các quý bà, mà là một màn độc thoại rất nhanh mà Miss Lucy chỉ hiểu lờ mờ. Bà chấp nhận và hiểu rằng mẹ của Mariô rất đáng thương, rằng bà ta đã dành cả cuộc đời trong cái làng Guereros heo hút khổ nhọc để nuôi nấng những đứa con không cha, bà là một bà thánh trên mặt đất này. Rõ ràng là Mariô có một tình yêu gần như sự tôn thờ đối với mẹ cậu, một điều cũng thường gặp ở những người đàn ông Mehicô trẻ tuổi.

Trong khi cậu đang nói với vẻ kích động thì Miss Lucy đã đi đến một quyết định. Bằng cách nào đó, trước khi kỳ nghỉ kết thúc, bà sẽ lấy được từ Mariô địa chỉ của mẹ cậu; bà sẽ viết thư và gửi tiền cho bà ta, một số tiền đủ để cho Mariô học xong Đại học. Một người mẹ chắc chắn sẽ nhận số tiền đó cho dù con trai bà có lẽ không chấp nhận vì quá tự trọng.

"Kia có phải là Kim tự tháp không?" giọng nói đầy thất vọng của Ellen đã cắt ngang luồng suy nghĩ của Miss Lucy. "Ôi dào, thế này thì làm sao mà sánh được với Kim tự tháp Ai Cập!".

Tuy vậy, Miss Lucy thật sự xúc động trước các Kim tự tháp Mặt trời và Kim tự tháp Mặt trăng. Rồi khi bà nhìn thấy những chiếc nón sombre trên đầu họ, nhìn vẻ lộng lẫy huy hoàng cổ xưa của các kim tự tháp, bà lại cảm thấy cái cảm giác phẫn chấn lạ lùng bên trong mà bà đã từng có khi quỳ gối trong ngôi thánh đường ở Taxco.

“Tôi chẳng trèo lên những cái bậc gập gềnh này đâu” Ellen cúi kính nói “Tôi già quá rồi mà trời lại nóng quá thế”.

Còn Vera, dù không quá nóng nhưng lại còn già hơn. Bà ta đứng ở chân kim tự tháp. Cái áo choàng khoác hờ hững qua vai, điều thuốc lá muôn thuở giữa những ngón tay cong queo như chân chim. “Cô đi đi, Lucy - cô còn trẻ mà lại hăng hái nữa”.

Thế là Lucy đi.

Với sự giúp sức của Mariô, bà trèo lên Kim tự tháp Mặt trời và hầu như nghẹt thở khi lên đến đỉnh, cảm giác phấn khích huyền bí trong bà mới thật tuyệt vời làm sao.

Họ một mình ngồi sát bên nhau trên đỉnh Kim tự tháp, người phụ nữ vẫn minh đã quá ngũ tuần có địa vị đáng trọng ở Bryn Mawr, và một cậu trai hầu như ngây thơ xuất thân từ túp lều đất rách nát trong một ngôi làng heo hút ở Guerreros. Họ nhìn xuống quang cảnh mênh mông của cái quảng trường, nơi đã từng có những ngôi làng cổ xưa với ngôi đền Quetzacoatl, thờ Rắn thần lông chim đang nhìn xuống Con đường Tử thần dẫn từ ngôi đền đến Kim tự tháp Mặt trăng.

Mariô bắt đầu kể cho bà nghe những nghi thức hiến tế trong ngày lễ Toxcatl thời xưa, được tổ chức mỗi năm một lần.

Khi cậu đang kể, Miss Lucy mắt lim dim tưởng tượng ra quang cảnh lúc đó: những đám đông dân chúng xô đẩy chen lấn nhau trên cái quảng trường khổng lồ dưới kia; các pháp sư, mỗi người theo vị trí của mình đứng trên một bậc thang của Kim tự tháp; còn chàng thanh niên trông sạch sẽ được hiến tế cho Thần linh kia, dĩ nhiên, là Mariô.

Và bởi vì Mariô là người sẽ bị hiến tế trong suy tư của bà, bị hiến tế cho sự vô nghĩa lý của cuộc đời và sắc đẹp, nên bất giác bà cảm thấy một nỗi thương xót rất người đối với cậu và bất giác bàn tay bà -bàn tay có chiếc nhẫn saphia không tháo ra được - giơ ra tìm tay cậu, và ngay lập tức đã nắm gọn trong những ngón tay nâu ấm và cứng cộp của cậu.

Miss Lucy hầu như không ý thức được chuyện đó khi hai cánh tay Mariô ôm choàng lấy bà, và mái đầu đen nhánh của cậu ngả vào ngực bà. Bà cứ ngỡ gần như thế cho đến khi cảm thấy cái mùi vị nâu râm ngọt ngào trên làn da của cậu, ngửi thấy mùi nước hoa mà cậu đã bôi lên tóc. Rồi toàn bộ Philadelphia đổ xô đến đằng sau. Bà vội nhảy dựng lên - một bước nhảy vượt

qua nhiều thế kỷ, từ buổi lễ hiến tế trở về với khoảnh khắc thực tại, khi mà hai bà bạn có lẽ còn đang chờ bà dưới chân kim tự tháp, bụng đói cồn cào chờ bữa ăn trưa - và thế là bao nhiêu bậc thang lại đi qua khi họ cùng bước xuống.

Trên đường về, Miss Lucy quyết định bà sẽ cùng Vera ngồi ở băng sau, để cho Ellen ngồi phía trước cãi nhau với anh chàng Mariô đang hờn dỗi.

Khi họ về đến nhà nghỉ, Miss Lucy nói nhanh, "Mai là chủ nhật, Mariô. Tốt hơn là cậu nghỉ một ngày đi".

Cậu bắt đầu phản đối. Nhưng Lucy nhắc lại, "Không, sáng mai không, Mariô", mặt cậu xị ra như một đứa bé đang giận dỗi. Sau đó vẻ mặt cậu thay đổi, cặp mắt đen của cậu nhìn thẳng vào mắt bà với vẻ thách thức và khiêu khích.

Khi quay người đi vào nhà, Miss Lucy cảm thấy trái tim mình đang đập thành thịch nặng triu. Vẻ gần gũi riêng tư của cái nhìn đó đã công khai để lộ cái điều mà trước đó bà không dám nghĩ đến. Nhưng bây giờ thì bà hoàn toàn biết chắc.

Vì sao đó - vì một lý do nào đó mà bà không hiểu và theo một cách nào đó mà trí óc đơn giản của bà chưa bao giờ dám mơ đến - Mariô thèm muốn bà.

Cậu ta thèm muốn thân thể của bà.

Tối hôm đó, trước khi đi ngủ, Miss Lucy đã làm một điều mà trước đây bà chưa từng làm trong suốt cuộc đời. Bà ngắm mình vài phút đồng hồ trước cái gương đứng kiểu Venise trong căn phòng lộng lẫy, mình mặc chiếc áo ngủ mỏng bằng vải bông, và bà tự đánh giá mình như một người đàn bà.

Bà chẳng thấy có điều gì mới mẻ hay đáng chú ý - không có gì trong vẻ bề ngoài để cân bằng với những thay đổi rõ ràng đang diễn ra bên trong con người bà. Khuôn mặt bà không, đẹp. Nó cũng chưa bao giờ đẹp, ngay cả khi bà còn trẻ, và bây giờ nó đã là khuôn mặt của một người đàn bà đang về già. Mái tóc bà đã bắt đầu bạc cho dù chưa nhiều lắm. Chúng vẫn còn mềm và dày, và ở phía trước trán trông vẫn còn duyên dáng. Mắt bà vẫn còn sáng và trông không đến nỗi, nhưng xung quanh đã có những đường rạn chân chim và những quầng đen tự nhiên ở độ tuổi của bà. Ngực bà vẫn rắn chắc dưới lớp áo ngủ vải bông, nhưng thân hình bà rõ ràng không có gì nổi bật. Vẻ bề ngoài của bà thực sự không có gì đáng ao ước, cả khuôn mặt cũng như thân hình. Thế mà bà vẫn được thèm muốn. Bà biết điều đó. Vì một lý do nào đó mà một chàng thanh niên Mêhicô đẹp trai lại thấy bà quyến rũ.

Miss Lucy tin chắc vào điều này.

Chuyện này với Miss Lucy cũng chẳng có gì phi lý, vì bà cũng biết nhiều gã trai trẻ thường theo đuổi tán tỉnh các bà cô giàu có, với hy vọng cuối cùng sẽ kiếm được một ít tiền của họ. Nhưng Mariò, không kể đến chuyện cậu ta đã từ chối tất cả những món tiền tặng, thì cậu thậm chí cũng không biết rằng Miss Lucy giàu có hơn rất nhiều so với hai bà kia. Chỉ có viên luật sư ở Philadelphia và những thành viên trong cái cộng đồng Quaker nhỏ bé của họ mới có thể biết được Miss Lucy thực sự rất giàu. Không, nếu Mariò cân tiên thì hẳn cậu phải chú ý đến Ellen, người nắm tất cả các khoản chi tiêu trong chuyên đi, mà chẳng may may để cho người ngoài biết là bà ta thực ra đang tiêu tiền của Miss Lucy.

Chẳng có gì về Miss Lucy, Miss Lucy buồn tẻ luôn mặc đồ đen, cho thấy là bà có của. Thực ra, chiếc nhẫn hứa hôn của mẹ bà có gắn một viên kim cương khá quý giá. Nhưng chỉ một chuyên gia về kim cương mới có thể nhận thấy giá trị của nó. Còn về cái nhẫn saphia trắng lòe loẹt kia thì chẳng đáng cho ai phải phí thời gian và công sức, và Miss Lucy sẽ rất lấy làm thích thú tặng nó cho Mariò để tỏ lòng biết ơn nếu như bà có thể rút được nó ra khỏi ngón tay.

Không, còn có hàng ngàn người phụ nữ khác ở Mexico City có vẻ ngoài giàu có hơn bà rất nhiều. Còn có những người đàn bà trẻ, đẹp mà ai trong số họ cũng sẽ lấy làm hài lòng và hãnh diện nếu có Mariò là vệ sĩ, và - phải, Miss Lucy ý thức rõ ràng điều này - là một cái gì hơn thế nữa.

Và còn... đột nhiên Miss Lucy thấy hoảng sợ vì sự phi lý trong toàn bộ câu chuyện này.

Một bản năng trinh nữ mơ hồ trỗi dậy trong con người bà và cảnh báo với bà về sự nguy hiểm.

Và bởi vì điều đó không phải là không có lý với Miss Lucy, nên bà quyết phải làm một điều gì đó tối hậu đối với chuyện này. Nằm im lặng dưới tấm chăn, bà đi đến một quyết định quan trọng.

Miss Lucy và bà Vera đang chờ ở bến xe bus, cả hai choàng áo khoác quanh người, dường như họ bị lạnh. Vera thì dĩ nhiên lúc nào mà chả lạnh. Nhưng hôm nay Miss Lucy cũng thấy lạnh mặc dù xung quanh tràn đầy hơi ấm của mặt trời mùa xuân. Mắt bà - và cả mũi bà nữa - đỏ mọng lên.

Họ đang chờ Ellen, người ở lại sau để thực hiện cái coup de grâcen [2] tối hậu với Mariò. Xe bus đi Patzcuaro sẽ khởi hành trong hai mươi phút nữa.

Cuối cùng Ellen cũng xuất hiện. Mắt bà ta đỏ mọng.

“Lẽ ra cô không nên làm như thế, Lucy”, bà ta bẻ các ngón tay lục khục “Thật quá tàn nhẫn”. Bà ta nhét trả mấy tờ hai trăm pêsô vào tay Lucy. “Tôi cứ nghĩ cậu ấy định đánh tôi khi tôi đưa tiền cho cậu ấy”. Bà ta sụt sịt. “Cậu ấy bật khóc như một đứa trẻ khi đọc thư của cô”.

Miss Lucy không nói gì. Quả thực bà nói rất ít trong suốt quãng hành trình xe bus dài lê thê đến Patzcuaro.

Ba người đàn bà lại ngồi quanh chiếc bàn ăn tối ngoài gian sảnh nhìn ra mặt hồ Patzcuaro mênh mông yên bình. Ellen, vẫn liến thoắng luôn mồm, đang bàn bạc kế hoạch cho những ngày sắp tới. Miss Lucy rõ ràng là chẳng để ý gì cả. Bà còn mãi trầm ngâm nhìn mặt nước hồ xanh thẫm trong buổi chiều muộn, với những hòn đảo nhỏ rải rác, và những con chim kên kên đầu trọc ghê tởm đang quang quác và đánh nhau chí tử giành giật những con cá chết trên bờ hồ.

Sau một lúc, bà đứng dậy nói, “Trời hơi lạnh. Tôi muốn về phòng. Chúc ngủ ngon”.

Phòng của Miss Lucy cũng có một ban công nhỏ nhìn ra hồ từ một phía khác. Phía dưới chân bà, trong bóng đêm đang đổ xuống, những người đánh cá đang bơi thong thả trên những chiếc thuyền nhỏ của họ, nói chuyện với nhau với giọng trầm đầy những âm gió, hay hát những đoạn ngắn trong các bài ca vùng Michoacan.

Miss Lucy ngồi nhìn họ. Bà đang nghĩ về Mariô, đang nhớ cậu da diết đến độ gần như đau đớn. Bà luôn nghĩ đến cậu kể từ lúc rời Mexico City, và giờ đây bà thấy kinh hãi vì sự tàn nhẫn của mình trong việc phó thác cho Ellen sa thải cậu. Lẽ ra bà phải tự mình nói với cậu. Bà không muốn phải nghĩ đến cậu... Nhưng ý nghĩ vẫn cứ tiếp tục với một sự dai dẳng trêu ngươi. Bà đã cư xử không đúng với cậu, bà đã làm cậu đau lòng.

Vào một thời điểm không rõ trong giấc mơ màng của bà, bà bỗng nhận thấy một bóng người mặc đồ trắng đang chuyển động giữa những người đánh cá ở bên dưới. Mắt bà dán chặt vào anh ta và rồi tim bà bỗng đập thình thịch. Bà chồm người ra phía trước và nhìn chăm chăm vào màn đêm. Chắc chắn, hoàn toàn chắc chắn là có một cái gì đó rất quen thuộc trong những chuyển động nhẹ nhàng, duyên dáng của cái thân hình gọn ghẽ, nhỏ bé kia.

Nhưng không thể là Mariô! Bà đã bỏ cậu ta lại Mexico City và đã rời xa nơi đó mấy trăm dặm. Và Ellen đã được dặn kỹ để không cho cậu ta biết nơi họ sẽ đến.

Bóng người mặc đồ trắng rời khỏi bờ hồ và tiến đến cửa sổ của bà. Anh ta đi ngang qua một vùng ánh sáng hắt ra từ một chiếc cửa sổ để mở. Giờ thì không còn nghi ngờ gì nữa.

Đó chính là Mariô.

Bà ngả người qua ban công, trái tim bà đập loạn như con chim nhỏ đang điên cuồng vùng vẫy. Cậu đang đứng phía dưới bà, chỉ cách khoảng năm mét.

“Ôi, Miss Lucy, tôi đã tìm được bà”. Cậu nói bằng thứ tiếng Tây Ban Nha chậm rãi mà cậu vẫn thường nói với bà. “Tôi biết sẽ tìm được bà”.

“Nhưng, Mariô, làm sao mà...?”.

“Công ty xe bus đã bảo với tôi là bà đã đến đây. Tôi đã mua vé và phải chờ rất lâu”.

Bà nhìn thấy hàm răng của cậu lóe lên khi cậu cười với bà. “Miss Lucy, tại sao bà bỏ đi mà không nói adios? (tạm biệt)”

Bà không trả lời.

“Nhưng bây giờ tôi đã đến đây để chăm nom cho bà. Và ngày mai bà với tôi sẽ đi chơi trên hồ. Trước khi hai bà kia thức dậy. Bà và tôi sẽ một mình với nhau. Ta sẽ ngắm trăng và sau đó ngắm mặt trời mọc”.

“Vâng...”.

“Tôi sẽ đến lúc năm giờ sáng. Tôi sẽ kiếm một cái thuyền. Tôi sẽ chờ ở đây trước khi lũ chim thức dậy”.

“Vâng, vâng...”

“Chúc ngủ ngon, carissima (em yêu)”.

Miss Lucy trở vào phòng ngủ. Tay bà run lấy bầy khi bà cởi quần áo và chui vào giường.

Và bà vẫn còn run khi - vào lúc nửa đêm, hình như thế - có tiếng huýt sáo nho nhỏ bên dưới cửa sổ phòng bà bảo cho bà biết rằng Mariô đã đến đón bà.

Bà vội mặc quần áo, vuốt lại mái tóc mềm, choàng áo khoác qua vai và vội vàng đi xuống cầu thang. Khách sạn hoàn toàn yên lặng. Không ai nhìn thấy bà đi qua hành lang vắng vẻ và cũng không ai nhìn thấy bà đi xuống bậc thềm dốc xuống bờ hồ nơi Mariô đang chờ bà với chiếc thuyền.

Cậu cầm tay bà và ép nó lên môi. Rồi cậu nhẹ nhàng kéo bà lên thuyền.

Bà không chống lại. Ngay cho dù cậu có là hiện thân của Định mệnh đang hướng bà đến với điều không tránh khỏi.

Mariô đã đúng. Trăng đang treo trên bầu trời - tròn đầy và vàng tươi - chiếu những tia sáng lạ kỳ lên mặt nước hồ màu ngọc bích.

Miss Lucy ngồi trong lòng thuyền, ngả người trên chiếc áo khoác. Trời đêm khá lạnh, nhưng dường như bà không nhận thấy. Bà ngắm nhìn Mariô đứng trên chiếc thuyền, điều khiển nó một cách thành thạo lách qua những chiếc bè xung quanh và tiến vào vùng nước sâu trong hồ. Cậu xắn quần quá trên đầu gối và hai bắp chân cậu trông thật khỏe mạnh và có vẻ gì đó dễ sợ dưới ánh trăng. Và cậu hát.

Trước đó Miss Lucy đã không nhận thấy cậu có chất giọng mới đẹp làm sao. Bài ca dường như một nỗi buồn ngọt ngào không nói nên lời. Ánh mắt Mariô như đang vuốt ve bà khi cái nhìn của cậu lướt từ khuôn mặt xuống và dừng ở đôi bàn tay đang nắm hồ hững trên lòng bà. Viên ngọc saphia rỏ tiền lấp lánh dưới ánh trăng.

Miss Lucy không còn ý thức được thời gian cũng như nơi chốn khi chiếc thuyền di chuyển chậm chậm hướng đến một nơi bí ẩn, nơi có rất nhiều những hòn đảo nhỏ xíu giữa lòng hồ. Bà cũng không ý thức được những ngôi sao mờ mờ và mặt trăng đang nhạt nhòa dần trước lúc rạng đông. Bà chỉ cảm nhận được một sự yên tĩnh sâu lắng tốt cùng, cho dù con thuyền vẫn đang tiếp tục chuyển động nhẹ nhàng, hầu như không nhận thấy được. Bà giật mình khi nghe giọng nói của Mariô.

“Bà có nghe thấy không, tiếng chim đấy”.

Bà nghe thấy tiếng chim trong chòm đảo nhỏ đang vây xung quanh bà, nhưng bà chỉ có thể nhìn thấy những con kên kên đang im lặng bay lượn trên cao.

Mariô dừng chèo và lấy ra một cái bọc, trong đó có tortas, bơ và pho mát sữa dê. Cậu cũng lấy ra một chai vang đỏ Mêhicô.

Cậu phết bơ lên một miếng torta bằng con dao xếp to bản và đưa nó cho Miss Lucy. Bỗng nhiên bà nhận thấy rằng bà đang rất đói. Bà ăn nghiến ngấu và uống rượu vang từ cái chai. Nó bốc thẳng lên đầu và làm cho bà cảm thấy mình trẻ trung và hạnh phúc. Bà cười vang với mọi điều mà Mariô nói và cậu cũng cười trong khi ánh mắt cậu vẫn tiếp tục vuốt ve bà.

Và thế là họ cùng ăn bữa sáng giống như một cặp tình nhân đang tuần trăng

mặt, khi bình minh chiếu những tia nắng vàng đầu tiên lên mặt hồ, xung quanh mấy dặm không một bóng người, chỉ thấy bóng những con kên kên và những con chim ẩn mình đang hót làm chứng nhân cho họ.

Khi miếng torta cuối cùng đã ăn hết và chai rượu vang đã uống cạn, Mariô lại cầm mái chèo lên và đẩy chiếc thuyền sâu hơn vào giữa hồ, cậu cứ chèo, chèo mãi mà không nói lời nào.

Ngay khi nhìn thấy hòn đảo, Miss Lucy biết ngay đó chính là nơi mà Mariô đã chọn. Nó trông có vẻ hoang vắng, hiu quạnh hơn, lạnh lẽo hơn những hòn đảo khác, và có một vòng lau sậy cao mọc dày xung quanh.

Cậu lái chiếc thuyền một cách thận trọng, lách qua đám lau sậy mọc cao đến nỗi họ hoàn toàn bị che khuất trong cái thế giới nhỏ bé của riêng họ. Khi họ cập bờ, cậu nắm lấy tay bà, nâng nó lên một cách nhẹ nhàng với chỉ nói một lời "Lên đây".

Bà đi theo cậu giống như một đứa trẻ. Cậu tìm được một chỗ khô ráo và trải chiếc áo khoác lên mặt đất cho bà. Rồi, khi bà đã nằm xuống, cậu ngồi xuống bên cạnh và đặt đầu bà lên lòng cậu. Bà có thể nhìn thấy khuôn mặt cậu ở rất gần; thấy đôi mắt đen hơi quá gần nhau; có thể cảm thấy hơi thở ấm áp, vương mùi rượu vang từ đôi môi của cậu.

Bà nhắm mắt lại, biết rằng đây chính là cái khoảnh khắc mà mọi chuyện rồi sẽ dẫn đến nó - ngay từ cái ngày ở trong ngôi thánh đường Santa Prisca khi lần đầu tiên bà gặp Mariô. Bà cảm thấy hai bàn tay cậu đang khẽ khàng, rất khẽ khàng vuốt ve mái tóc của bà, khuôn mặt của bà. Bà cảm thấy cậu cầm tay bà, cảm thấy cậu chạm vào chiếc nhẫn saphia.

Cái khoảnh khắc mà cậu chạm vào chiếc nhẫn, bà liền hiểu. Bà có thể cảm thấy nó trong những ngón tay của cậu - đó là nỗi thèm khát chiếm đoạt đang trào ra. Toàn bộ những điều đó có vẻ như quá đổi phức tạp nhưng hoàn toàn rõ ràng.

Bàn tay cậu đưa dần lên trên. Những ngón tay của cậu, vẫn rất nhẹ nhàng, chạm vào cổ bà. Bà không thét lên. Bà thậm chí không còn thấy sợ hãi.

Hai bàn tay cậu xiết chặt lại, miệng cậu ghì lên miệng bà, và môi họ gặp nhau trong nụ hôn đầu tiên và duy nhất của họ.

Mariô quăng con dao vấy máu đi. Cậu không thích nhìn thấy máu, cậu thấy ghê tởm vì phải cắt ngón tay bà để lấy chiếc nhẫn.

Cậu chẳng buồn quan tâm đến chiếc nhẫn hứa hôn của bà mẹ Miss Lucy. Nó rõ ràng là thứ rẻ tiền, chẳng đẹp để gì. Còn chiếc nhẫn saphia, suốt mấy tuần nay vẻ đẹp long lanh của nó luôn hút hết hồn vía của cậu, nó làm cậu lóa mắt hơn bất cứ một thứ gì khác.

Cậu cẩn thận phủ cái áo khoác lên xác Miss Lucy. Có một lúc cậu muốn nhét cái xác vào giữa đám lau sậy, nhưng nó có thể trôi ra ngoài và những người đánh cá sẽ phát hiện ra. Còn nơi đây, trên hòn đảo tí xíu này, có thể phải nhiều năm nữa mới có người tình cờ ghé đến. Mà trong thời gian đó - cậu nhìn lên những con kên kên đang bay lượn không ngừng nghỉ trên đầu...

Không ngoái đầu nhìn lại, Mariô bước xuống chiếc thuyền và chèo đi hướng về nơi bờ hồ vắng vẻ. Khi cập bờ, cậu lật úp chiếc thuyền và đẩy nó trôi tự do để nó có thể chìm xuống ở chỗ nước sâu.

Mariô tìm về hướng đường xe lửa. Cậu sẽ đu lên một toa chở hàng và sáng mai, có lẽ, cậu đã ở Guerreros.

Cậu tin chắc là mẹ cậu sẽ rất thích chiếc nhẫn.

---

**Chú thích:**

[1] Một nhánh của Thiên Chúa giáo, không cầu nệ nghi thức, chống chiến tranh và bất bạo động.

[2] Phát súng kết liễu, làm cho tan nát.

hững chuyện mà tôi phải kể dưới đây cứ để mặc ai muốn nghĩ gì thì nghĩ; nhưng còn anh, Retief, tôi viết những điều này cho anh và anh phải tin nó, vì khi những dòng này đến tay anh thì cuộc sống của cô ấy đang bị nguy hiểm. Tôi, người đang viết đây, đã chứng kiến chuyện này, ngay từ khi nó mới chỉ bắt đầu, tôi đã thấy nó diễn tiến như thế nào, rồi bị lôi cuốn vào đó, thoát đầu chỉ như một khán giả, rồi sau đó trở thành người trong cuộc. Vì thế đây không phải là bịa đặt mà là chuyện riêng của tôi, chẳng liên quan gì đến chuyện người ta có tán thành với tôi hay không, và cuối cùng nó hầu như quá sức chịu đựng của tôi. Dĩ nhiên khi tôi đang viết đây thì vấn đề vẫn đang còn bỏ ngỏ.

Khi còn trẻ, tôi là học trò của giáo sư Le Grand nổi tiếng ở Đại học Brussels. Do một sự tình cờ may mắn, ông ấy đã chọn tôi để giúp ông trong một thí nghiệm nhỏ. Và ông thấy tôi có nhiều điều đồng cảm với ông. Tôi cũng nhìn cuộc đời theo một góc độ giống như ông. Chúng tôi cùng có cách nhìn giống nhau, dù với những cặp kính khác nhau; tầm nhìn của ông thực bao quát, bao gồm rất nhiều đối tượng rộng lớn, cứ như những dãy núi liên tiếp nhau; trong khi tôi chỉ nhìn thấy một mảnh nhỏ xíu, nhưng thay vì thế, tôi nhìn thấy rất rõ ràng và thấu suốt. Chính là sự cảm mến chứ không phải vì tôi thông minh đặc biệt gì mà ông đã chọn tôi làm phụ tá cho ông, vì thế tôi có điều kiện để cùng ông đi đến Congo để tiếp tục công việc nghiên cứu của chúng tôi.

Chúng tôi làm việc tại một vùng rừng rậm ở đất nước này. Nơi đây có rất nhiều cây to, ông Le Grand nói nhiều cây trong số đó đã có hàng ngàn năm tuổi. Ánh nắng mặt trời hầu như không bao giờ xuyên đến được mặt đất dưới gốc của chúng. Rừng rậm mở ra bên trong chúng nhiều khoảng rừng thưa, nơi đây những thổ dân thực hiện một hình thái nông nghiệp nguyên thủy. Họ trồng chuối, kê, ngô, khoai lang, bí đỏ, lạc và một số giống đậu. Đất đai ở đây rất màu mỡ, và thu hoạch luôn luôn khá; điều này thật lạ lùng vì cây trồng hầu như chẳng được chăm sóc gì cả.

Thỉnh thoảng bầy voi lại đến phá hại ruộng vườn, nhưng lũ khỉ đột gorilla mới là nỗi lo lắng chính và những người thổ dân vừa ghét lại vừa sợ hãi chúng. Sự tàn phá do chúng gây ra không thấy ngay lập tức, vì những con vật rất tinh quái này chỉ ăn trộm mỗi lần một ít, và chúng ăn trộm tài tình đến mức trừ phi anh đi đếm từng quả đậu, nếu không thì anh sẽ chẳng nhận thấy gì hết cho tới tận mùa thu hoạch.

Khi tôi nói chúng tôi, thì cần phải hiểu chúng tôi ở đây là ba người. Vì trước khi đi, Le Grand đã cưới một cô gái trẻ. Cô ấy biết đánh máy và ghi tốc ký, cô rất quen thuộc với các bản thảo của Le Grand và là một trong số rất ít người có thể đọc được chữ viết của ông ta. Tên cô gái là Helena Magrodvata. Cô có dòng máu lai Hy Lạp - Nga, có mái tóc rất đẹp, vì thiếu sắc tố nên nó có màu hầu như trắng. Khi không đeo kính thì trông cô khá xinh đẹp. Có thể đám cưới của Le Grand là một kết quả lôgích từ ước muốn của một người đàn ông muốn chiếm hữu một người đàn bà, hoặc cũng có thể chỉ là một thí nghiệm khác của ông Giáo sư; tôi không tìm thấy một ghi chép nào của ông có khuynh hướng phủ nhận giả thuyết này, và nếu thế thì đây có lẽ là thí nghiệm duy nhất mà ông không bao giờ thảo luận với tôi.

Chúng tôi ở trong một căn lều tròn làm bằng đất sét trắng. Và theo đúng quy trình, Helena sinh một cậu con trai. Chẳng có gì khó khăn trong việc này cả, vì Le Grand và tôi là các bác sĩ, còn Helena là một cô gái khỏe mạnh.

Chúng tôi phải sống và giữ sức khỏe trong cái khí hậu rất khó chịu đó cũng là vì ngài Giáo sư. Chắc chắn chúng tôi là những người da trắng đầu tiên đối mặt với vô số những con muỗi anopheles mà không lo sợ bệnh sốt rét hay bệnh ngã nước: hai căn bệnh đặc biệt nguy hiểm ở vùng này mà ngay cả thổ dân cũng chết vì chúng rất nhiều.

Chính vắcxin của Le Grand, khi được tung ra thị trường, cuối cùng đã mở ra những vùng đất rộng lớn mà cho đến nay vẫn chưa có người ở. Đó có thể là lý do thứ hai khiến ông ấy đi đến Côngô, nơi ông có thể thử những loại vắcxin còn đang thí nghiệm với ba người thuộc ba kiểu loại, giới tính và dân tộc khác nhau. Chúng tôi không chỉ khỏe mạnh mà một trong ba loại vắcxin ông sử dụng chứng tỏ có hiệu lực rất mạnh.

Đứa bé lớn rất nhanh, tăng cân hàng ngày, còn Helena vô cùng vui sướng. Tình mẫu tử trong cô lên đến mức cô không còn làm việc gì khác ngoài những báo cáo tuần, và cũng chỉ những khi khẩn cấp.

Mối quan tâm của ông Giáo sư đối với thằng bé có vẻ mang nhiều chất khoa học hơn là tình cha con, mặc dù khi thằng bé chết ông cũng có dấu hiệu đau buồn. Chúng tôi cùng đi ra rừng, đang đo đạc và cân lượng mủ cao su thì có một thổ dân chạy đến báo tin thằng bé bị rắn cắn. Khi chúng tôi chạy về đến nhà thì thằng bé đã chết, Helena gần như hóa điên. Không sao an ủi được cô ấy, cũng không thể để cô ấy ở một mình. Ngay cả Le Grand cũng phải thừa nhận điều này sau lần đầu tiên cô cố tự sát. Vì vậy cần phải sắp xếp lại lịch

làm việc. Vì chúng tôi làm việc ở những khu vực khác nhau của cánh rừng, công việc ngoài đồng cũng như ở văn phòng đều không bỏ bê được, chúng tôi cũng không thể làm thay hoàn toàn công việc của nhau. Tuy vậy, việc chậm trễ cũng không gây tác hại gì nghiêm trọng đến các thí nghiệm của chúng tôi. Vì thế chúng tôi thay phiên nhau đi, Giáo sư đi vào một ngày, còn ngày hôm sau đến phiên tôi.

Khoảng một tháng sau, một hôm khi chúng tôi đang ăn sáng thì có người báo tin có một con gorilla bị sập bẫy. Để Helena lại nhà, cô ấy vẫn đang ngủ, chúng tôi chạy đến xem.

Đường đi không xa lắm, và chúng tôi chẳng mấy chốc đã đến mảnh rẫy của thổ dân nơi người ta bắt được nó. Chiếc bẫy, giống như một chiếc lồng thú khổng lồ buộc bằng dây thép và đóng đinh đặt ở giữa ruộng ngô xanh tốt, nhưng giờ đây đã bị các thổ dân vây xung quanh dẫm nát. Mỗi nhử là mấy nải chuối, thứ trái cây mà các con thú này rất thích. Con gorilla đã bị nhiều vết thương rất nặng ở khắp nơi trên cơ thể và máu đang tuôn ra như suối; cái trò tra tấn này không hẳn chỉ là để tiêu khiển mà là một nghi lễ mê tín của thổ dân. Họ tin rằng làm như thế họ sẽ xua đuổi được ma quỷ nhập trong con thú, và vì thế sẽ giảm bớt sự phá hoại của bầy đàn nó trong một thời gian.

Chen qua đám đông, chúng tôi đến gần cái cũi. Con gorilla đang rống lên vì đau đớn và tức giận. Đó là một con gorilla cái còn trẻ và đang có mang rất to, chỉ cần nhìn thoáng qua cũng đủ thấy. Việc xem xét kỹ càng hơn cho cả hai chúng tôi thấy rằng nó đã đến kỳ sinh, và thế là Le Grand nảy ra một ý kiến.

"Harry," ông nói, "tôi sẽ mổ lấy con nó ra, nó không còn sống được lâu nữa đâu".

Điều này là rõ ràng, một mũi giáo đã đâm thủng phổi nó.

"Chạy về nhanh lên, lấy dụng cụ cho tôi, và cả thuốc mê nữa. Tôi sẽ chấm dứt cảnh tượng này". Ông nói thêm.

Đó là cái cách con gorilla con, mà sau này chúng tôi gọi là Congo, được sinh ra. Le Grand đã thành công trong việc thuyết phục các thổ dân thôi hành hạ con vật. Trong lúc tôi chạy về lấy dụng cụ, con vật nằm duỗi dài, nghiêng răng kèn kẹt trong cơn giận dữ. Trói được nó lại đã là cả một kỳ công, nhưng bước vào cái cũi nơi nó bị trói là một việc mà tôi chỉ dám làm một lần và không bao giờ định thử lại nữa. Sức mạnh của loài thú này thật là kinh khủng. Chúng có thể vặn xoắn nòng súng còn dễ dàng hơn ta uốn một cây kim.

Nó nằm đó gằm gù với chúng tôi, máu và nước dãi chảy đầy mặt. Hàm răng lởm chởm nhe ra như giồng chó đang gằm gù khi nó gào thét hết đợt này đến đợt khác. Đồng tử trong mắt nó mở rộng hết cỡ dưới hàng lông mày rậm.

Tôi đã từng nhìn thấy điều đó trước đây, trên mặt của một kẻ tâm thần sát nhân đã giết mấy mạng người. Nó là sự pha trộn giữa bản tính hung ác và sự tinh khôn. Người ta cảm thấy dù nó có vùng vẫy mạnh đến đâu, nó cũng vẫn còn chưa tung ra hết cái sức mạnh siêu nhiên của nó. Nó đã làm như vậy khi chúng tôi bước vào trong. Cả cái cũi rung lên chao đảo khi nó vùng vẫy, những cơ bắp rất khỏe của nó căng lên như dây chảo, sữa phun ra từ ngực nó. Có lúc tôi đã nghĩ nó sẽ dứt tung dây trói; mà nếu thế thì nó sẽ chẳng cần nhiều thời gian để xé chúng tôi ra thành từng mảnh. Từ trước đến giờ tôi vẫn tưởng mình đã trở nên chai lì với mọi chuyện vì tôi đã từng nhìn thấy cơ man những cảnh tượng khủng khiếp; nhưng cái con thú khổng lồ đó nằm ở đây, gào thét và ho khạc trong cơn giận dữ, thân hình nhuộm đầy máu, quả thực đã làm tôi sồn lòng. Bên cạnh nó có một cánh tay đàn ông. Chúng tôi đã đến quá muộn để cấp cứu cho anh ta và anh ta đã chết. Chắc chắn là anh ta đã đến quá gần cái cũi để nó tóm được tay, và nó đã vặn đứt tay anh ta khỏi thân người như bẻ gãy một cành nhỏ khỏi thân cây. Đây chẳng phải là một cuộc phẫu thuật được tiến hành có ngăn nắp trật tự mà là một ca xô bồ đầm máu; và giáo sư Le Grand mặc áo blu trắng, dao cầm trong tay, vẫn bình tĩnh lạnh lùng cứ như ông đang xem xét vi trùng qua ông kính hiển vi vậy.

Tôi không tin là trái tim ông ta không đập nhanh hơn, hay ông thậm chí có giây phút nào nghĩ đến khả năng xảy ra thảm họa. Với ông thì con linh trưởng dạng người khổng lồ này chỉ thuần túy là một vấn đề khoa học, nhưng tôi thì không cảm thấy như thế. Ngay từ lúc đó, có lẽ tôi đã biết điều ác sẽ đến từ cái sinh vật phi tự nhiên này.

Tôi không biết chắc là chúng tôi đã sử dụng bao nhiêu thuốc mê; chúng tôi cũng đánh đổ mất một ít, nhưng khi xong việc thì chai thuốc mê nửa lít đã chẳng còn lại bao nhiêu. Không cần phải nói, chúng tôi đã giải thoát nó vĩnh viễn khỏi sự đau đớn cực độ. Nó chẳng bao giờ thức dậy sau giấc ngủ đó nữa. Con gorilla con được lấy ra khỏi bụng mẹ và trao cho một người phụ tá nửa mùa của chúng tôi (chúng tôi đã thành lập một bệnh xá nhỏ gần nơi chúng tôi ở). Ông Giáo sư cúi người trên cái xác con mẹ với các dụng cụ đo đạc trong tay trong lúc tôi tiến hành việc phẫu tích trước khi cái xác bị cứng lại. Khi tôi tò mò quay đầu nhìn quanh, tôi thấy Helena đã đứng đó tay bế con gorilla con

trước ngực.

Chuyện xảy ra như thế nào tôi chỉ có thể đoán phỏng. Tôi nghĩ cô ấy đã nhìn thấy chúng tôi khi thức dậy, đã đến đây và lại gần người thổ dân đang bế con gorilla con. Nét mặt nhăn nhúm của nó trông cũng giống như một đứa bé mới đẻ, và theo bản năng, cô ấy bỗng lấy con vật từ tay anh ta. Có vẻ như Salomon, tên người thổ dân đó, hành động như người chăm sóc con cho cô ấy, và để cho bức tranh thêm hoàn chỉnh, con gorilla con, khỏe hơn một đức trẻ bình thường nhiều, cứ đeo riết lấy cổ cô. Dù thế nào đi nữa, khi tôi nhìn thấy cô ấy thì mọi việc đã xong xuôi.

“Nhìn xem” tôi nói với ông Giáo sư khi ông đứng dậy với một mảnh cơ bắp trong tay.

“VẬY LÀ,” ông ta nói, “cô ta đã nhận nó”.

Ông ta định làm gì tôi cũng chẳng hiểu nữa. Hay ông ta sẽ thực hiện một cuộc phẫu thuật cho thỏa trí tò mò? Tôi nghi ngờ điều đó. Hay là ông muốn giao nó cho một người phụ nữ thổ dân nuôi? Hay là ông định giết nó, giữ lại như một mẫu vật; bổ sung thêm cho bộ sưu tập vốn đã nổi tiếng của ông?

Còn Helena có biết cô ấy đang làm gì hay không? Còn nữa, chúng tôi đã biết gì về Helena, với giòng máu lai của cô, với bản năng mạnh mẽ của cô, và những chất vắcxin thử nghiệm đầy trong mạch máu của cô? Đó là vấn đề cần được giải quyết sau này, Le Grand cần phải suy nghĩ.

“Đưa cô ấy về đi,” ông nói, “và đem cho tôi mấy cái lọ”. Chúng tôi vẫn cất giữ mẫu vật trong lọ. “Và ít còn nữa”, ông kêu với theo khi chúng tôi đã rời đi.

Khi ông trở về thì mặt trời đã sắp lặn, còn Helena chỉ nói có một lần. “Nó là của em”, cô ấy nói có vậy.

Một năm sau chúng tôi quay trở về Brussels. Ông Giáo sư, trợ lý của ông, vợ ông và đứa con của cô ấy. Vì cô ấy cứ khẳng khẳng như thế. Nó không phải là một con gorilla, mà là một đứa trẻ, và nó ăn mặc như một đứa trẻ. Phải sử dụng đến những thế lực quen biết chúng tôi mới kiếm được cho nó một phòng trên tàu; công ty tàu biển chỉ coi nó là một con vật, họ chỉ nhượng bộ khi Helena giận điên lên. Cô ấy mang bữa ăn về phòng, vì con vật gây náo loạn và gào thét ầm ĩ mỗi khi cô rời nó đi đâu.

Thật khó mà miêu tả chuyến hành trình, nhất là từ những sự kiện diễn ra sau này. Helena gọi nó là Baby. Ông Giáo sư đôi khi cũng gọi thế, còn tôi cố tránh hết sức để không nhắc đến nó. Nếu cô ấy nuôi nó như một con vật cảnh thì là

một chuyện, nhưng nó ngủ cùng giường với cô, còn Le Grand và tôi ở trong cabin cạnh đó. Khi đó Helena đã hai mươi.

Tôi bỏ qua tám năm kế tiếp vì chẳng có gì đặc biệt để nói. Công việc của chúng tôi, của Giáo sư và của tôi, thành công ngoài sức tưởng tượng. Tôi sẽ không nói gì về cuộc sống chung của chúng tôi với “nó” đến nay đã gần chín năm. Tôi đã nói rằng Helena rất đẹp, còn Giáo sư thì không còn trẻ nữa, đôi khi ông đăng trí; còn tôi thì chẳng khác gì những người đàn ông khác. Tuy vậy tôi biết chắc một điều là nó ghét cả hai chúng tôi; mà nó thì còn khỏe hơn cả một người đàn ông.

Tại sao tôi lại nói vậy. Nó ăn mặc như một đứa con trai, áo thủy thủ, quần soọc và đi dép, ăn cùng bàn với chúng tôi, khuôn mặt nó giống như mặt một ông già. Nó vẫn ngủ cùng phòng với Helena còn ông Giáo sư thì ngủ ở phòng thay quần áo liền đó. Nó có một cái giường rộng trải drap và có cái chăn để trong góc. Nếu nó là một đứa trẻ thì những chuyện như thế này là không được phép, nhưng với tính cố chấp của đàn bà, Helena đôi khi đối xử với nó như những người đàn bà khác âu yếm con chó cưng của họ vậy. Nhưng nó, cái “thằng” đó, không phải là một con chó.

Congo trong chuyện yêu ghét của nó giống như một người nguyên thủy; vì nếu nó vốn là một loài linh trưởng dạng người, thì cái môi trường sống mà Helena áp đặt lên nó làm cho nó có sự tiến hóa nhảy vọt, và về mặt tâm thần nó phải tương ứng ít nhất với người vượn Neanderthal. Và nó rất yêu Helena.

Tôi dùng chữ “yêu” ở đây là có cân nhắc. Chuyện nó yêu mến Helena là điều tự nhiên, vì cô ấy là người mẹ nuôi nấng và dạy dỗ nó, nhưng chuyện còn đi xa hơn thế. Sự sớm phát triển của nó một phần có thể là vì nó được ăn uống tốt, nó ăn những thứ mà chính chúng tôi ăn, giàu chất protein hơn những thức ăn trong thiên nhiên; nhưng sự sớm phát triển đó là một điều rất đáng sợ. Nhìn bề ngoài, thái độ của nó với Helena giống một đứa trẻ được nuông chiều. Nó đeo lên tay cô, trèo lên cổ cô, quàng tay quanh cổ và hôn vào miệng cô bằng cặp môi dày của nó. Nhưng vấn đề là cái ánh mắt của nó khi nó nghĩ rằng không bị ai trông thấy; đã một vài lần tôi thấy rằng nó đang thử sức mạnh của mình. Nó không đập vỡ đồ đạc, nó đã được dạy dỗ chuyện đó từ khi còn bé, nó chỉ di chuyển chúng. Một hôm tôi bắt gặp nó đang nâng cái tủ quần áo lên khỏi đầu bằng hai tay. Vì tò mò tôi đã cân thử cái tủ, đúng 95 kilôgam. Thế mà nó nâng dễ dàng như một người đàn ông xách một gói bưu kiện nhỏ. Chúng tôi còn giữ những số đo chính xác của nó lúc đó: lồng ngực nó rộng một mét hai,

cao một mét hai, nặng một trăm chín mươi pao (khoảng chín mươi ký). Còn bây giờ nó đã lớn hơn nhiều.

Họ bảo rằng đó là một tai nạn, cho dù thoát đầu họ cho là tôi có dính líu vào đó. Họ nói động cơ giết người là ghen tuông, cả về chuyện cô vợ ông, cả chuyện địa vị trong giới khoa học, dù họ cố tử tế bảo là tôi ganh đua với ông. Thật may, tôi có thể chứng minh là vào thời điểm đó tôi đang lên lớp giảng bài, nếu không thì chẳng gì có thể cứu được tôi, nhất là khi họ phát hiện ra ông đã ủy thác cho một mình tôi trông nom tài sản cũng như công việc của ông, để lại cho tôi tất cả sách vở, mẫu vật và các bản thảo của ông. Vậy là tôi không chỉ mất đi một người bạn, mà còn suýt nữa bị tội giết người.

Chuyện Helena sẽ lấy tôi là không tránh khỏi; đó chỉ là chuyện thời gian - nhưng tại sao lại thế? Bất cứ người đàn ông nào từng sống trong ngôi nhà đó, trong một hoàn cảnh lạ lùng như thế mà lại không xử sự như tôi? Tôi nghi ngờ chuyện đó. Làm sao Helena có thể không có tôi làm bầu bạn khi ông Le Grand bất hạnh còn sống hay làm một tấm đệm giữa thế giới bên ngoài và Congo của cô sau khi ông chết? Tôi cũng nghi ngờ chuyện đó. Hay làm sao tôi có thể không hiểu và yêu Helena sau chừng ấy năm? Nhưng cô ấy vẫn còn điên đầu vì một chuyện. Đó là con khỉ đột. Không có gì, kể cả khi cô ấy yêu tôi đi nữa, có thể tách rời nó khỏi cô ấy.

Le Grand rơi xuống từ cửa sổ. Căn hộ chúng tôi ở cao trên mái lâu năm. Ông ấy còn cầm một chiếc bình tưới cây trong tay khi rơi xuống. Tôi như vẫn nhìn thấy cảnh tượng đó hàng trăm lần mỗi ngày. Ông lão đáng yêu, vì ông già đi rất nhanh, đang rờ rẫm từng chiếc lá trong cái bồn cây bên cửa sổ bằng những ngón tay hiếu kỳ. Nó lên đến gần, vì Congo có thể di chuyển yên lặng như một con mèo và sà lại trải thảm rất dày. Hai cánh tay siết lại, bầu trời đảo lộn, tiếng thét, tiếng va đập.

Tôi tin chắc là Helena đã đoán biết, nhưng cả hai chúng tôi không ai dám nói ra. Cô ấy thì vì yêu quý Congo, còn tôi thì vì tôi yêu cô ấy. Nhưng trong tiềm thức, cô biết điều đó, và cô sợ cho tôi. Bây giờ, cô ấy không bao giờ để chúng tôi ở lại một mình với nhau; nhưng cô ấy sẽ phản đối đến cùng, vì tôi đã nghĩ ra một cách khôn khéo để đầu độc nó. Làm chuyện này với thạch tín hay một thứ gì đó sẽ tố cáo tôi ngay lập tức vì Helena biết khá rành về chuyện thuốc men. Dù về mặt luật pháp cô chẳng có gì trách cứ được, nhưng về mặt đạo đức cô sẽ coi tôi như kẻ đã giết con cô. Tôi sẽ dùng lòng trắng trứng; chỉ 5cc là đủ.

Nhưng đây là một trò chơi nguy hiểm, trong đó yếu tố thời gian đóng vai trò

quyết định. Chừng nào tôi vẫn mang theo súng, lấy cớ không an toàn khi đi lại làm việc ở những khu vực hoang vắng trong thành phố thì còn được. Nhưng cô ấy bảo: “Khẩu súng bỏ trong túi áo sẽ rất bất tiện, mà tại sao lại phải đeo súng khi ở nhà? Nó sẽ làm nhàu quần áo anh”. Đó là một khẩu Browning cỡ nòng 32, nhưng tôi vẫn nghi ngờ không biết những viên đạn nhỏ xíu này có ngăn chặn được nó không. Hôm nay tôi cảm thấy một cơn khủng hoảng đang đổ lên đầu tôi; vì thế tôi viết những dòng này. Nó thật quá khủng khiếp, tay tôi đã bị số phận trói chặt. Nhưng có ai đó cần phải biết. Cô ấy, một cô bé bất hạnh, cô ấy bảo, “Nó yêu em như một đứa con yêu mẹ vậy”.

Tôi đã gác lại cuốn sách của tôi để viết những dòng này. Tôi chỉ còn biết hy vọng.

## JEREMIAH DIGGES - CHIẾC VÒNG TRINH NỮ



ôi còn nhớ, ông Thợ cả Morgan đúng là một người khổng lồ”, thợ thủy tinh Tom nói. “Cao sáu feet [1], bề ngang cũng thế - nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ là ông ấy béo cả. Với tôi, khi đó còn là một gã làm chân để ranh con lãnh lương sáu đô la một tuần, thì Shebnah Morgan khổng lồ chính là Chúa Trời hiện thân, cho dù ông ấy chỉ là một người thợ bình thường”.

Poley, thợ kéo thủy tinh, kể cho họ nghe về bông hồng trinh nữ của ông Thợ cả Morgan, một bông hoa bằng pha lê hồng ngọc. Bông hoa sẽ trong suốt như nước trong đầm Shawme khi được cầm trong tay một trinh nữ, nhưng nó sẽ mờ đục đi ngay lập tức nếu cô gái hóa ra lại là thứ gái bờ bụi. Lúc này, trước khi tiếng còi tầm gọi họ trở về làm việc, những người thợ tụ tập trong các quán ăn tồi tàn quanh khu xưởng thủy tinh Sandwich muốn già Tôm tiếp tục câu chuyện về ông già Morgan huyền thoại kia.

Ông ấy có một bộ râu quai nón trắng như cước, già Tôm tiếp tục, và nó làm cho ông ấy càng giống Chúa Trời hơn, ông ấy đi cũng giống Chúa, ăn trưa cũng giống Chúa. Điểm thiếu sót duy nhất của ông Thợ cả là ông hiền lành quá. Ông ấy chẳng làm hại ai dù đó chỉ là một con rệp. Nói năng thì nhỏ nhẹ, từ tốn.

Ai dà, nhưng họ, các ông thợ cả thời đó ấy mà, đều là những người quân tử và đáng kính hơn cái gã Truro sọc dưa với cái văn phòng khốn kiếp của gã. Vũ hội Pha lê là đêm quan trọng nhất trong năm ở thị trấn Sandwich. Đêm đó, vợ của các ông thợ cả đến dự vũ hội sẽ đeo món đồ trang sức bằng thủy tinh mà đức ông chồng đã làm cho họ. Món đồ trang sức nào nổi trội hơn tất cả sẽ được giải thưởng.

Thời đó trong xưởng thủy tinh này còn có hơn năm trăm thợ làm việc, mà ở đây có tất cả bốn mươi tám lò nấu trong những ngôi nhà cao thấp lô nhô kia. Mà ở Sandwich khi đó chẳng có ai lại so bì tiền công với Pittsburgh hay West, chẳng ai bàn chuyện bãi công, mà cũng chẳng kéo lên Quốc hội để nêu thỉnh nguyện như ở Bồ Đào Nha. Chỉ có thủy tinh, thủy tinh và đôi tay, và vẻ lộng lẫy huyền bí của những món đồ thủy tinh mà những người thợ cả đã làm; và nhiều khi họ còn làm ra những thứ kỳ lạ khác nữa.

Nhưng không có ai trong số họ có thể làm ra thứ thủy tinh mà Shebnah Morgan đã làm, không ai là người biết yêu quý thủy tinh như ông ấy, biết cách

âu yếm mài bóng các mặt thô ráp xù xì của thủy tinh như ông ấy. Thậm chí chẳng có ai nghĩ đến việc ganh đua với các món đồ trang sức mà vợ Shebnah Morgan sẽ đeo trong đêm Vũ hội Pha lê. Chuyện cứ như là cá thì phải vào lưới của người đánh cá. Đến nỗi chỉ sau khi Maria Morgan, vợ ông ấy chết và ông Thợ cả bỏ không làm những đồ vật vốn quen tay này nữa thì giải thưởng pha lê mới được chuyển tay nhau giữa những thợ cả còn lại.

Tất cả chúng tôi đều nghĩ ông Thợ cả Morgan sẽ chẳng bao giờ gượng lại được sau cái chết của vợ ông. Tôi từng biết có những người đàn ông rất sung sướng chăm lo cho hạnh phúc của bà vợ họ, nhưng tôi chưa từng nhìn thấy ai như ông ấy. Tôi cũng chưa nhìn thấy người đàn ông nào lại tan vỡ trái tim như Morgan khi ông mất bà ấy - anh không thể hiểu chuyện này đâu nếu anh không gần gũi với ông ta... Qua những chuyện nhỏ, những chuyện mà một người lạ chắc chắn sẽ bỏ qua, mà tôi có thể nói ông ấy đau khổ đến mức nào. Nếu không phải vì cậu con trai Slade thì ông ta chắc cũng biến thành đồ phế phẩm rồi.

Slade là con trai ông ấy, một bản sao y như đúc của bà mẹ cậu. Khuôn mặt đẹp, sắc nét, tính khí nóng nảy và nhẹ dạ, mà điều này cũng giống bà ta nữa. Cậu ta mới mười lăm tuổi khi mẹ cậu lìa đời, và từ ngày đó toàn bộ mục đích cuộc sống của ông già là trông vào cậu.

Shebnah sống cũng vì cậu - mà hơn nữa tôi cho đó là điều tốt cho chàng trai trẻ này. Từ ngày đó nếu ông Thợ cả có chuyện gì để nói - mà chuyện để nói của ông già còn ít hơn cả thiên thạch trên trời rơi xuống - thì thể nào cũng là chuyện về Slade, Slade thế này, Slade thế nọ.

Phải, Slade Morgan là cái thứ cậu ấm được chiều chuộng chăm bẵm, cũng đền đáp được nhiều cho sự quan tâm lo lắng của ông già đối với cậu. Cho dù tôi nghĩ là vẫn chưa đủ, cậu lẽ ra phải lo liệu những công việc của chính cậu tốt hơn những gì cậu đã làm.

Điều mà tôi định nói là nếu Slade Morgan gần gũi với Chúa hơn và tin vào Chúa hơn như ông già Shebnah cha cậu, thì lẽ ra cậu thà phải đi chèo thuyền khổ sai còn hơn là cưới cái cô Delly Hodges, cầu Chúa cứu vớt linh hồn cô ta!

Còn nữa, với tư cách và đạo đức của Delly, tôi không nghĩ anh lại sai lầm là quá khắt khe với chàng trai kia. Bất cứ ai đã nhìn Delly hai lần, và thử thêm lần thứ ba thì thể nào cũng được cô ả liếc mắt đưa tình trả lại. Rất nhiều người đã thử, và trăm lần đúng cả trăm! Chính ông già Shebnah cũng biết cô ả là loại gái hay thay lòng đổi dạ, nhưng vào thời gian đó ông chiều chuộng Slade

đến mức cậu làm mọi việc hoàn toàn theo ý cậu, ông uốn đầu óc ông theo cách nghĩ của cậu. Chuyện đó tốt thôi nếu Slade con ông nói như vậy. Những nốt rộp trên cái bình thủy tinh sẽ chẳng là gì nếu người thổi nó là Slade Morgan.

Vì thế, trái với ý nghĩ của mình, Thợ cả Morgan nói cho cả thành phố biết rằng ông ấy coi Delly là một cô gái ngoan. Ông đã nói nhiều hơn thường lệ, chỉ cốt để chắc chắn là cả Sandwich biết rõ điều đó. Một hôm ông đi ngang qua bà Thankful Stocker trên đường Sagamore và ông giữ bà lại. Bà Thankful là người đàn bà có thể đếm những cọc rào bị mất trên hàng rào nhà hàng xóm còn nhanh hơn là đếm hàng rào nhà bà; anh sẽ chẳng bao giờ thấy Shebnah Morgan chặn đường hỏi chuyện bà ta sáng hôm đó nếu ông ta không quá quan tâm đến chuyện ngăn chặn những lời ngòi lê đôi mách.

"Tôi biết bà sẽ rất hài lòng khi nghe tin thằng Slade nhà tôi sẽ cưới Delly Hodges", ông Thợ cả nói với bà ta bằng một giọng nhỏ nhẹ và mềm mỏng. "Hôm nay tôi là người hạnh phúc thứ nhì ở Sandwich này đây!".

"Ai dà, ông Thợ cả!" bà Thankful đáp, dỏng tai hết cỡ để sẵn sàng nghe thêm.

Nhưng ông Thợ cả đã bỏ đi với nụ cười trên miệng giống như tia nắng mặt trời xuyên qua đám mây dày đặc. Và bà Thankful vội vàng tìm đến một cái tai khác cho cái tin sốt dẻo vừa mới biết được.

Rồi, sau đám cưới của Slade và Delly, ông già lại trở nên ít nói. Ông còn ít nói hơn trước, và nếu hai năm sau, Delly Morgan không thổi một làn gió nhẹ vào các cánh buồm của bà Thankful Stocker và những kẻ ngòi lê đôi mách khác trong thành phố, thì anh sẽ chẳng bao giờ biết được chuyện đó để nói với ông Thợ cả. Nếu không có câu chuyện về Nat và Delly Morgan, bắt đầu từ khi Nat Maddock đến Sandwich và vào làm việc ở xưởng thủy tinh, thì anh sẽ chẳng bao giờ có dịp hé răng lấy một lời với ông già.

Nat Maddock còn trẻ, phóng túng và không đi lễ nhà thờ. Còn Delly, như tôi đã nói, vốn chán neo lâu một chỗ. Chuyện bắt đầu từ từ, và nhiều khi tôi phải tự hỏi giữa họ thực sự có chuyện gì với nhau không, hay đó chỉ là do sự đa nghi muôn thuở của Slade, hay tính khí nóng nảy lổp bốp của hắn đã đẩy họ đến với nhau.

Dù sao thì ông Thợ cả Morgan cũng biết chuyện. Tất cả những gì người ta biết thì ông đều biết. Ông biết rõ gan ruột Delly Morgan, từ xương đến da, trong khi Slade vẫn sa đà vào những chuyện rắc rối và vẫn mù tịt trước sự thay lòng đổi dạ của cô vợ.

Tôi cho rằng đó cũng là lý do tại sao mà cô ả lại ghét ông già thậm tệ. Cô ả to tiếng với ông cũng ngang với mức độ ả mê mệt Nat Maddock, ả đổ những rắc rối của ả lên đầu ông già - dù ả vẫn nói năng ỏn thót với Nat. Vì một lý do nào đó, ả quy mọi tội lỗi lên đầu ông già trong chuyện ả ngừng ngừng với con trai ông.

Vậng, ông Thợ cả Morgan hiểu phụ nữ. Ông sẵn sàng để cho cô ả trút những chuyện bực mình lên đầu ông cho hả tức, miễn là cô ả ngừng cái việc phá hoại và biến cuộc sống của con ông thành đồ phế thải. Ông chẳng bao giờ nặng lời với Delly.

Không, chính Slade mới là người làm bùng lên ngọn lửa từ đồng than đang âm ỉ. Tôi chẳng bao giờ quên được cái ngày hôm đó. Chuyện xảy ra ngay tại đây, trong xưởng thủy tinh này. Maddock là thợ lấy phôi còn Slade là thợ thổi. Chẳng ai trong hai người có cấp bậc thợ cả, và khi có một hợp đồng giao hàng bóng đèn khối lượng lớn - bình thường công việc này không cần nhiều thợ - thì cả Maddock và chàng trai Morgan được điều đến đó, và họ làm việc ở cùng một lò nấu thủy tinh.

Buổi chiều hôm đó, hoàn toàn bất ngờ, Slade giằng lấy cái ống thổi thủy tinh từ tay Maddock, đã có một cục thủy tinh lỏng sẵn sàng để thổi như vẫn luôn như vậy, nhưng thay vì thổi thành bóng đèn thì hắn quay lại và vung cái ống xung quanh Nat Maddock. Nat có lẽ đã đoán trước một chuyện gì tương tự, nên khi cái ống vừa vung lên kêu vù vù là gã đã cúi xuống rất nhanh. Thủy tinh nóng văng ra, bay vèo qua đầu hắn và đập vào bức tường gạch đối diện văng tung tóe.

Từ chỗ của mình, ông Thợ cả Morgan nhìn thấy hết tất cả và ông vội đứng dậy. Ông chạy đến vừa đúng lúc để giật cái ống khỏi tay Slade trước khi hắn có thời gian vung nó lên một lần nữa. Sau đó ông già đứng im nhìn Slade. ông thở nặng nhọc, bộ mặt nặng nề ướt đẫm mồ hôi. Slade nhìn thẳng vào mắt ông bố, sau đó quay người và chỉ vào cái lò nấu thủy tinh.

“Bố! Gã này định giết tôi”, hắn nói, “Bố nhìn đây!”.

Phải, có một vết nứt trên thân cái lò nấu thủy tinh, hướng về phía Slade đứng làm việc. Đó không phải lò kiểu mới có đai bảo vệ, và vết nứt cũng không phải là vết nứt tự nhiên, bất kỳ ai cũng có thể thấy có kẻ nào đó đã đục trên thân lò gây ra vết nứt. Vết nứt đang mở rộng dần ra, và khi nó bung ra thì sẽ có khoảng nửa tấn thủy tinh nóng chảy tuôn vào chỗ Slade.

Nat Maddock mỉm cười.

“Vậy anh nghĩ là tôi phá cái lò nơi chính tôi đang làm việc hả?” gã hỏi Slade.

“Còn mày thì né tránh cái chỗ đó suốt ngày” Slade nói “Chính vì thế mà tao mới nhìn thấy vết nứt. Và nếu nó giết chết tao...” hắn lại cố vùng ra khỏi cánh tay ông Thợ cả đang giữ chặt thẳng con, nhưng hai người thợ khác đã chạy lại giúp ông.

Mọi người ở Sandwich đều biết việc xảy ra ở xưởng thủy tinh, nhưng tôi cho rằng chẳng ai lại nghi ngờ Nat trong chuyện cái lò nứt. Vậy là một cái lò mới được thay vào, và vì Nat chứng tỏ là một tay thợ giỏi, nên toàn bộ câu chuyện này rồi cũng được bỏ qua. Riêng tôi thì tôi tin rằng Nat đã làm chuyện đó. Rõ ràng là một cơ hội tốt cho hắn khi cùng làm một chỗ với Slade, vì ai cũng biết cách làm nứt cái lò. Không có cái gì đau đớn hơn là bị bỏng vì thủy tinh lỏng, vì nó xuyên vào tận xương. Nhưng với Nat Maddock - một kẻ không đi nhà thờ, một kẻ muốn được bù đắp cho sự thiếu may mắn của mình - thì đây chính là kiểu chơi hợp với hắn.

Chiều hôm đó, ông Thợ cả Morgan không thể làm việc tiếp được nữa. Sam Dyer đưa ông ấy về nhà. Ông già đổ mồ hôi như tắm và cứ co giật từng cơn. Một ngày sau đó, trông ông giống như người mới nhận được bản án tử vậy. Dĩ nhiên đó chỉ là vì ông nghĩ là ông nhìn thấy điều gì sắp xảy ra. Ông yêu Maria Morgan, nhưng ông cũng hiểu rõ tính khí bà ấy. Tay Slade Morgan sẽ nhuộm máu - đó là điều mà ông Thợ cả sắp nhìn thấy. Và ông làm sao mà có thể chịu đựng nổi cảnh tượng đó. Chính con trai ông là kẻ giết người! Mà đó là tất cả những gì ông còn lại từ Maria! Mà trong con mắt của ông Thợ cả thì dấu hiệu sát nhân dường như đã hiện rõ trên bộ mặt Slade rồi. Hàng đêm ông như nhìn thấy những hình ảnh làm ông đau đớn mà bất lực không thoát ra được, ông như nhìn thấy những cảnh hành hình khủng khiếp mà những kẻ tội đồ thường mơ thấy, những cuộc hành hình mà kẻ tử tội không được thấy nó kết thúc như thế nào.

Nhưng, khi một người đàn ông thấy trước cái điều còn tệ hơn cả cái chết của chính mình sắp xảy ra, thì cũng có một cái gì đó khiến ông không muốn tin vào nó. Có một điểm mờ trong các khả năng chọn lựa. Sau hôm sự cố trong xưởng thủy tinh, Shebnah Morgan bận bịu suy tính để thổi gió cho cánh buồm số phận của chính mình. Vũ hội Pha lê sẽ được tổ chức sau sáu tuần nữa. Ngày hôm sau, ông bảo với Slade rằng ông sẽ làm một món đồ trang sức cho Delly trong đêm vũ hội, một thứ sẽ khiến cả thành phố một lần nữa phải choáng

váng, giống như Maria Morgan từng nhiều lần làm họ choáng váng với những món trang sức do ông làm.

“Nhưng, cha, Delly sẽ không đi dự vũ hội”. Slade sầm mặt lại.

Ông thợ cả làm bộ kinh ngạc:

“Hai đứa con sẽ không đến Vũ hội Pha lê à? Tại sao cơ chứ? Mọi người sẽ vẫn nghĩ cốc con, con và Delly sẽ đến cùng nhau đấy!”.

Slade thấy trong vẻ năn nỉ của ông già có gì đó còn hơn là sự mong muốn. Đúng, hẳn phải có mặt ở Vũ hội Pha lê dù chỉ để khóa những cái lưỡi chuyên ngồi lê đôi mách những chuyện đồn thổi bậy bạ.

“Nat Maddock cũng sẽ đến đó” Slade nói ra miệng những điều hẳn đang nghĩ trong đầu. Sau đó hẳn quay về phía ông Thợ cả. “Nếu gã cứ nhìn chăm chăm vào Delly thì, thề có Chúa, tôi sẽ giết gã!”

Ông Thợ cả Morgan đứng trước anh con trai và nhìn hẳn một lúc lâu. Sau đó ông gật đầu nói, chậm rãi và lo âu.

“Con sẽ không giết nó!”

Những lời đó không giống như mệnh lệnh, mà như một lời cầu nguyện, một lời cầu nguyện đau đớn, tuyệt vọng. Ông Thợ cả Shebnah Morgan khổng lồ đã phải cầu đến quyền lực vô hạn của Thượng đế, cầu đến một bàn tay còn khổng lồ hơn cả tay ông. Và Slade Morgan đã nghe thấy điều đó, hẳn đã nghe thấy lời cầu nguyện thay vì mệnh lệnh, lời cầu nguyện của một trái tim tan nát của một ông già vốn rất kiêu hãnh, của một ông già là cha của hẳn. Hẳn quy xuống và khóc.

Sau đó Shebnah đặt tay lên con trai và nói, “Hãy đưa cô ta đến Vũ hội, con ạ. Hãy mang nó đến đó và để cho nó đeo cái vòng mà cha sẽ làm cho nó. Nó sẽ làm cho cô ta rất vui”.

Đó là tất cả những gì ông Thợ cả Morgan đã nói với con trai ông. Nhưng ông biết Slade đã mất Delly, mất vĩnh viễn.

Đêm hôm đó ông Thợ cả ngồi làm việc. Và từ đó cứ đến đêm là ông lại ngồi làm việc. Và cứ mỗi sáng ra đi đến xưởng, ông lại như già đi trông thấy.

Phải nhiều ngày sau tôi mới biết điều gì đã làm cho ông ra nông nổi như vậy, dù đó chỉ là linh tính của tôi. Vâng, ông già Shebnah đang làm một cái gì đó bằng thứ thủy tinh của ông, một thứ thủy tinh như những giọt nước mắt chảy ra từ linh hồn bất tử của ông. Khi đó tôi còn trẻ và tôi rất ấn tượng trước nó.

Tôi thấy ông sửa đi sửa lại ngày này qua ngày khác. Tôi nhìn thấy bóng tối u ám trong cặp mắt của ông. Tôi thấy ông như đang mê mải với cái thứ mà dường như ông muốn được mang nó theo xuống dưới mồ.

Vậy ra cái vật ông làm cho cô con dâu là một cái vòng thủy tinh trắng có hình những dây hồng leo, như ông gọi thế. Chúng tôi gọi đó là vòng hoa tháng năm, nhưng ông già là người Anh và nói giọng vùng Cape, giống như hầu hết các Thợ cả thời đó, và ông gọi đó là chiếc vòng hồng leo.

Chẳng có ai trên thế gian này có thể làm được một cái vòng như thế ngoài Shebnah Morgan. Tôi chưa từng bao giờ trông thấy thứ thủy tinh gì như thế, cũng chẳng hy vọng được nhìn thấy một lần nữa.

Nó trong suốt như kim cương, không hề có tí sắc vàng nào trong đó, không hề có tí vết, và nó tỏa ra những tia sáng như kim cương. Đó là một chiếc vòng cổ lớn, nó lớn đến nỗi Delly sẽ phải giữ đầu ngẩng cao khi đeo nó và cô ta sẽ phải cẩn thận khi ngồi xuống để không làm vỡ nó khi ngã người về phía sau. Nhưng cái vòng sáng lấp lánh và đẹp cứ y như một vòng hoa tháng năm thực sự, và nó bao lấy khuôn mặt nhỏ nhắn của cô ta theo cái cách khiến cho cô ta trông cứ như tiên nữ giáng trần. Chiếc vòng được tỳ nhẹ lên vai cô ta bằng một cái khung đỡ ở bên dưới, cuốn quanh cổ cao đến sát cằm, giống như cái cổ áo xếp nếp trong các bức tranh nước Anh ngày xưa. Mỗi chiếc lá, bông hoa trên chiếc vòng đều phản chiếu ánh sáng trong gian vũ hội của Tòa Thị chính, và chiếu chúng lên khuôn mặt Delly, cho dù cô ả có đi đến đâu thì cái vầng hào quang đó cũng luôn chiếu lên cô ta, thật kỳ lạ và không thể giải thích được, và cô ta trông khác hẳn với tất cả những người đàn bà khác trong buổi Vũ hội Pha lê tối hôm đó.

Ông Thợ cả Morgan tự mình mang chiếc vòng đến Tòa Thị chính, Slade và Delly đi đằng trước. Khi đến nơi, ông già đeo chiếc vòng lên cổ cho cô ả. Chiếc vòng mở ra với một cặp bản lề thủy tinh rất đẹp và sau đó đóng lại và được khóa ở phía sau. Không có một tí kim loại nào trên chiếc vòng.

Slade Morgan trở mặt ngăm cô vợ trẻ đứng ở mặt tiền Tòa Thị chính, khoác chiếc áo choàng không tay của cô ta và tất cả trang phục của ả đều may bằng sa tanh trắng. Cô ta không đeo một thứ đồ trang sức gì khác ngoài chiếc vòng đang thu hút ánh sáng từ các cây đèn đường và chiếu nó lên khuôn mặt cô nàng. Delly sung sướng ứa nước mắt. Tuyết trên đường cao tốc King's Highway và những nhũ băng treo trên gờ mái Tòa Thị chính đang lấp lánh. Chiếc vòng cổ cũng thu hút ánh sáng của tuyết cùng với ánh sáng đèn. Nó làm cho Delly

trông giống như Nữ hoàng Băng giá trong cuốn truyện cổ tích mà thuyền trưởng Freeman mua về cho các con ông ta từ Copenhagen. Khi cô nàng cười với Slade thì đó là một nụ cười pha trộn với những sắc màu lạ lùng, với ánh bạc của thủy tinh Sandwich, một sự kết hợp kỳ lạ có một không hai.

“Em đừng mang mặt nạ! Em không cần phải đeo mặt nạ!” Slade kêu lên.

Và thế là cô ta không đeo. Cô ả đi vào trong phòng khiêu vũ mà không mang mặt nạ, khuôn mặt cô ta tự nó đã như mặt nạ với vầng ánh sáng chiếu lên đó. Ngay trước khi họ bước vào, ông Thợ cả lo lắng thì thào vào tai cô ta.

“Con nhớ đừng tháo cái vòng cổ ra” ông bảo “Đừng cố tháo nó ra mà không có cha giúp, con ạ, nếu không thì con sẽ làm vỡ nó đấy. Để tháo ra cần có người thành thạo. Cha sẽ có mặt ở nhà ngay khi các con về, và cha sẽ tháo nó cho con”. Và ông già để họ lại ở cửa vào Tòa Thị chính.

Ông giống như một người đến từ thế giới khác, lưng còng xuống, đi trên con đường cao tốc trở về nhà, và ông không nhìn thấy, không nghe thấy gì hết, trong khi cả thành phố đang cười nói, hát hò xung quanh ông trên các đường phố Sandwich trong ngày lễ hội. Tôi vẫn nhớ những điệu nhảy thời đó; chẳng có lễ hội nào khác, từ Plymouth cho đến Provincetown có thể sánh được với Vũ hội Pha lê.

Tất nhiên là Nat Maddock cũng có mặt ở đó, nhưng khi Slade đến cùng với Delly và dẫn cô nàng đi xuyên qua đám đông, khi tất cả mọi người đều há hốc mồm ngạc nhiên trước sự xuất hiện của cô nàng, thì rõ ràng hắn đã quên băng về Nat. Hắn quên hết mọi thứ chỉ trừ Delly, và tôi ngờ rằng chính cái vòng dây hồng leo là nguyên nhân. Tôi ngờ rằng có một thứ bùa mê trong cái vòng đó sai khiến những hành động của Slade!

Tất cả những gì hắn muốn là khoe Delly với cả thành phố, là để cho tất cả những gã đàn ông kia thấy cô ả xinh đẹp như thế nào. Hắn muốn thấy họ nhìn ngắm cô ả, và khi thấy họ làm vậy, hắn cười to khoái chí. Hắn như người bị bỏ bùa mê. Cặp mắt hắn theo sát cô ả, với những tia sáng kỳ dị trong đó, và khi cô ả nhảy điệu luân vũ, hắn ngồi lại với đám các ông già để ngắm nhìn cô ả.

Tôi còn thấy một bằng chứng khác, chứng tỏ rõ ràng rằng chiếc vòng được làm ra không chỉ bằng đôi bàn tay xương thịt trần tục của ông già Shebnah Morgan. Vì cả Delly cũng hành động rất lạ lùng và khác ngày thường. Cô ả luôn giữ nụ cười lạnh lẽo trên môi giống như nó đóng băng lại trên khuôn mặt trắng toát nhỏ nhắn của cô ta. Khi buổi tối mới bắt đầu có một lúc, cô ả đã tìm

mọi cách chuốc ruỢu cho Slade. Cô ả đã làm cho hắ gần như say mềm khi đêm Vũ hội vẫn còn rất dài. Và rồi bất thành lình cô ả biến mất.

Nat Maddock cũng biến mất và tôi không biết họ đã biến đi được bao lâu, nhưng cuối cùng khi Slade nhận rằng điều đó thì hắ lập tức ngừng nhảy.

“Delly!” hắ gào lên khắp phòng khiêu vũ, cứ như đang báo động có đám cháy. Hắ lung sục khắp phòng nhảy như một người điên phá phách lung tung, gọi tên cô ả, rồi sau cùng hắ chạy ra ngoài và chạy xuống con đường.

Vâng, Vũ hội Pha lê được tổ chức không phải dành cho các cặp vợ chồng trẻ, cũng không phải chỗ để tiêu khiển cho cô vợ của bất cứ ai, và dần dần điệu nhảy lại bắt đầu trở lại và tiếp tục như cũ. Các tay viôlông rời chỗ và dàn đồng ca thế chỗ, một điều gì đó nghiêm trang sắp diễn ra, được dàn chào trước bởi tiếng nhạc, và cùng với nó là dàn đồng ca của các thợ trang trí và điệu nhảy của các thủy thủ.

Khi chuyện đó xảy ra tôi không nhìn thấy. Chẳng ai nhìn thấy nó ngoài Nat Maddock. Nhưng tôi nghe thấy tiếng gã thét lên kinh hoàng. Đó là một tiếng gào man dại, vọng đến từ bờ đầm Shawme Pond đằng sau Tòa Thị chính. Nat đã dẫn Delly đến đó trong khi chồng cô ả đang tìm họ trên các đường phố Sandwich. Nat gào thét suốt quãng đường gã chạy về phòng nhảy. Bộ mặt gã tái mét và man dại, hai tay gã đỏ những máu.

Gã không thể nói năng được. Gã ú ớ cổ kể với chúng tôi, nhưng tất cả những gì gã làm được là chỉ tay về phía cái đầm trong khi những lời nói ú ớ cứ nghẹn lại trong cổ họng gã. Trước khi gã dẫn chúng tôi đến chỗ Delly, một vài người trong chúng tôi đã lục soát vệ cỏ bên bờ đầm, trong khu nghĩa địa và quanh bốn mặt, gần ngôi nhà của ông già Hoxie.

Ông Thợ cả Bardo tìm thấy cô ta trước. Ông ấy gọi to và mọi người chạy xô đến chỗ ông. Cô ta nằm đó, duỗi dài trên mặt đất, đầu cô ta ngập trong một vũng nước nhỏ đen hơn nước đầm. cổ của Delly Morgan có một vết cắt toang hoác và sắc cạnh như vết cắt của một con dao cạo.

Vâng, Nat Maddock đã lau sạch những vết đen lấm tẩm trên cổ cô ta và khi đó chúng tôi mới thấy cái gì đã gây ra nó -chiếc vòng cổ dây hồng leo của ông Thợ cả Morgan. Nó hầu như vỡ tan tành khi cô ta ngã và những mảnh trắng của nó nằm vương vãi xung quanh đầu cô ta và lấp lánh dưới ánh trăng ở những chỗ không bị dây máu. Chúng tôi đập vỡ vành thủy tinh còn lại và tìm thấy một mảnh thủy tinh dài, đẹp, rất cứng, có cạnh sắc lẹm, và trong suốt hầu như

không nhìn thấy, chính nó đã cắt sâu vào cổ cô ta.

Không có ai ở Sandwich biết nhiều chuyện như những người thợ ở xưởng Thủy tinh. Nhưng họ không biết rằng ông Thợ cả có thể thiết kế ra một chiếc vòng cổ mà không ai có thể tìm ra cái chốt được giấu kín bên trong, để có thể mở nó ra mà không làm cho con dao thủy tinh sắc lẹm kia cắt vào cổ cô trinh nữ đang đeo chiếc vòng. Họ cũng không biết rằng người đàn bà nào đã đeo chiếc vòng này thì không thể hôn ai mà cũng chẳng ai hôn được cô nàng.

**Chú thích:**

---

[1] 1 foot Anh bằng 30,48cm.



húng không phải lúc nào cũng mở mắt. Đó là một điểm mà phim ảnh đã hiểu lầm. Nhưng nếu chúng mở mắt ra, thì anh phải đâm chiếc cọc, thật trúng và thật nhanh, trước khi chúng kịp thét lên và làm những người khác tỉnh dậy.

Phim ảnh luôn luôn đơn giản hóa vấn đề. Đó là một trong những điều đầu tiên mà tôi học được sau khi tôi biết về ma cà rồng. Những con ma cà rồng thật, không phải những bóng ma trong phim ảnh mà là những tồn tại có thực, là một phần của thế giới sương khói, chúng không còn mang những dấu hiệu chữ thập và suốt đêm ẩn trong nhà kho của các cửa hiệu tạp hóa. Tôi hầu như có thể nói chúng thật sự "sống động và có máu". Tôi phải biết kiềm chế. Ma cà rồng là bất cứ thứ gì chỉ trừ chuyện đó.

Đôi mắt của Veronica, đúng hơn là đôi mắt của một thứ đã từng một thời là Veronica, mở to khi tôi đâm chiếc gậy nhọn đầu vào giữa ngực cô ta. Cô ta rất khỏe; tôi đã biết điều này từ lâu. Tôi đóng chiếc cọc bằng cái búa sắt của tôi, lái nó qua các xương sườn đâm thẳng vào trái tim trước khi cô ta có thể kháng cự lại. Trước khi cô ta có thể đè bẹp tôi bằng sức mạnh kinh khủng của cô ta. Cô ta không kịp thét lên. Đôi mắt cô ta lộ vẻ kinh hoàng, miệng cô ta há ra ngáp ngáp để lộ những chiếc răng trắng nhọn. Rồi mọi việc cũng xong. Chiếc cọc gỗ đã xuyên qua tim. Veronica giãy lên một lần cuối cùng rồi nằm yên.

Tôi lấy con dao phay từ trong hòm đồ nghề ra và cắt cái đầu rời khỏi cái xác, để cho Veronica không bao giờ có thể trở lại thành ma cà rồng được nữa. Phải làm một việc cuối cùng nữa, tôi nhét đầy tôi vào miệng Veronica. Luôn luôn phải đảm bảo an toàn tối đa trong những vấn đề như thế này.

Tôi đặt búa, dao và số tôi còn dư vào hòm đồ nghề rồi đóng chặt nắp lại. Tôi trở ra bằng lối cửa sổ mà từ đó tôi đã đi vào. Cho đến giờ tôi đã làm công việc này rất nhiều lần nên nó hầu như đã thành một thói quen. Nhưng tôi không được cho phép mình bất cẩn thêm một lần nữa. Tôi đã từng không cẩn thận một lần trước đây, và lũ ma cà rồng đã suýt nữa tóm được tôi.

Và tôi vẫn còn đang phải trả giá vì chuyện đó. Chúng đã cử Veronica đến tìm tôi. Chúng thật quá ranh ma. Tôi suýt nữa đã trở thành một con ma cà rồng như chúng. Chúng đã biết về con người tôi qua lần sai lầm đầu tiên của tôi. Tôi đã tỏ ra thương hại, và tôi đã chần chừ trong khi đáng ra tôi phải giết. Thông

điệp về tôi đã được truyền đi khắp cộng đồng ma cà rồng, được gửi đi bởi con ma cà rồng mà tôi đã để cho nó sống quá lâu trong một đêm nọ.

Bấy giờ chúng đã biết về tôi. Chúng biết tôi có tình cảm như thế nào với Veronica, rằng Veronica đã xuất hiện trong đời tôi khi tôi cần nàng nhất.

Anh đã nghe tôi nói về các bộ phim. Tôi cũng nghĩ về Veronica như thế, cứ như tôi đang gặp nàng trong một bộ phim. Tôi nhìn thấy nàng lần đầu tiên trong một nhà hàng, nàng đang lách mình giữa những dãy bàn ăn. Nàng đi về phía tôi, tưởng chừng như Ingrid Bergman đang bước ra từ trong phim Casablanca.

Lúc đó trời đã tối mịt, tất nhiên, vì chúng thường ra ngoài khi trời tối. Tôi thích đến những nơi đông người vào buổi tối. Đám đông sẽ bảo vệ tôi chống lại chúng, tôi luôn nghĩ như vậy. Tôi ngồi ăn một mình. Nàng mặc chiếc áo dài đen được cắt may rất giản dị khiến cho thân hình nàng quá đỗi quyến rũ. Tóc nàng thật dài, màu nâu sậm, và dưới mái tóc đó khuôn mặt nàng trông thật nhợt nhạt. Đôi môi đầy đặn của nàng là điều làm cho tôi chú ý đầu tiên, sau đó là gò má cao, và cuối cùng đó là màu mắt. Nàng có đôi mắt xanh, xanh như màu cỏ non và phớt ánh da trời.

Khi vừa nhìn thấy nàng, tôi đã biết ngay là tôi phải nói chuyện với nàng. Nàng chỉ nhìn tôi trong một thoáng, rồi ánh mắt nàng lướt qua. Thoạt đầu tôi đã cảm thấy sợ hãi. Tôi không còn biết làm gì hơn là để nàng tuột khỏi cuộc đời tôi.

Nhưng nàng quay lại nhìn tôi, không thấy tay hầu bàn đang đi đến. Cái khay đựng vào vai nàng. Gã hầu bàn làm nghiêng cái khay, còn Veronica thì ngã xô vào một cái ghế.

Tôi đã nhảy lên khi sự việc xảy ra. Nàng đã đứng dậy khi tôi chạm được đến nàng. Tôi hỏi xem nàng có làm sao không. Nàng mỉm cười và nói nàng không sao cả.

“Chỉ vì tôi sơ ý thôi” Nàng cười. “Mọi chuyện đều là vì tôi muốn tránh hút thuốc”.

Tôi mời nàng đến ngồi ở bàn của tôi. Nàng đồng ý và hỏi tôi có phiền không nếu nàng chỉ ngồi đây một lúc. Nàng nghĩ nàng có vấn đề, cổ chân nàng hơi bị đau.

Nếu nàng đi giống như Ingrid Bergman thì nàng hút thuốc giống như Bette Davis; chậm, rít những hơi sâu và nhìn vào những đầu ngón tay. Sau đó, nàng ngước lên nhìn tôi và mỉm cười. Nàng luôn cười với đôi môi mím chặt.

Veronica bảo tôi là nàng đang chờ một người suốt mấy tiếng đồng hồ rồi. Một người tình cũ, tôi đoán thế. Nàng nói nàng rất căng thẳng, vì thế mà nàng hút thuốc quá nhiều. Chúng tôi nói chuyện suốt cả buổi, và tối hôm đó tôi đưa nàng về nhà với tôi.

Các giác quan mới dễ lừa dối anh, làm anh mù mẫm đi những khi trí óc anh không còn làm việc! Nàng mới mềm mại, mới ấm áp, mới người làm sao khi lần đầu tiên chúng tôi ân ái với nhau. Dĩ nhiên, đó là một quyền năng của nàng. Đó là ý định của nàng. Những con ma cà rồng thực sự có thể làm thay đổi cách suy nghĩ của anh, che giấu không cho anh biết cái thân hình thực, lạnh giá như băng của chúng.

Nếu anh đủ mạnh thì đôi khi anh có thể nhìn suốt qua chúng. Và khi tôi nhìn thấy thì hầu như đã quá muộn, vì nàng đã bí mật hút máu tôi đêm này qua đêm khác.

Chúng đã xếp đặt khá hoàn hảo, để quyến rũ tôi sa vào cái bẫy của nàng. Veronica và tôi từ ngày đó không tách rời nhau. Không giống như những chị em trong bóng đêm khác của nàng, chúng bố trí cho nàng cả một gia đình, một bà mẹ và một cô em, cả hai đều là người. Hay chỉ là do tôi tưởng vậy. Nàng đưa tôi đến gặp họ, vào ban ngày! Đó lại là một điểm nữa mà phim ảnh đã sai lầm. Tuy rằng cái buồng kho trong phim Dracula là đúng. Nhưng những con ma cà rồng khỏe mạnh nhiều khi vẫn có thể đi ra ngoài phố giữa ban ngày.

Lúc đó tôi đã rất hạnh phúc, mãi cho đến ngày nàng muốn rời bỏ tôi.

Đó là sai lầm của nàng. Nàng nghĩ rằng nàng đã hoàn toàn kiểm soát được tôi. Nhưng nếu chỉ vì tôi phải nghe những lời nhĩc móc của nàng mà không phản nản gì thì thế là chưa đủ. Không, lẽ ra nàng phải sử dụng quyền năng của mình, phải làm cho tôi quẫn quại khổ sở. Nàng bảo tôi là quá ích kỷ, rằng nàng không phải là đồ vật thuộc sở hữu của tôi. Nàng nói những chuyện tôi đang quan tâm là quá ma mị, huyền hoặc, nhưng...

Lúc đó tôi nhận thấy bộ mặt nàng trở nên lạnh lẽo làm sao. Và nó cứ giữ nguyên cái vẻ lạnh lẽo như thế mãi, thực sự chỉ có quyền năng của nàng mới giữ được tôi không nhìn nó. Chúng luôn luôn sử dụng quyền năng để bắt các nạn nhân của chúng phải khuất phục. Đó lại là một điểm nữa mà phim ảnh không để ý tới: chúng cố ăn trộm không chỉ máu của bạn, mà cả linh hồn của bạn nữa.

Nhưng Veronica lại quá tự cao tự đại, quá tham lam. Tôi cuối cùng đã nhận rõ

bộ mặt tái nhợt, không chút huyết sắc kia mới là bộ mặt thật của nàng, và đã nhận ra rằng của nàng mới sắc nhọn làm sao.

Bốn phận kêu gọi tôi phải thực hiện công việc của mình một lần nữa. Như tôi đã từng làm với Carolyn, với Sandra, với Karen, và với Sally, người đầu tiên đã làm cho tôi mũi lòng bất cần. Mà có lẽ tôi cũng đang bất cần đối với mẹ và em của Veronica.

Vậy là tôi lại trèo qua cửa sổ, vào trong buồng, và nhìn vào khuôn mặt của Veronica, yên bình trong giấc ngủ, tái nhợt dưới mái tóc nâu đen. Làn da của nàng có màu trắng chết chóc dưới ánh sáng lạnh lẽo của mặt trăng tròn. Nàng nằm ngủ khỏa thân trên giường. Bộ ngực đầy đặn của nàng phập phồng theo hơi thở, khiến tôi phải mất một lúc mới tìm được vị trí chính xác để đóng cây cọc, vì tôi không dám đụng vào da nàng.

Cây cọc và cái búa phải được đặt đúng vị trí, đúng tư thế. Trong những chuyện như vậy anh phải hết sức cẩn thận. Anh phải đập thật mạnh và thật chắc tay, trước khi chúng có thời gian để kịp thét lên. Và anh phải luôn luôn nhắm thẳng vào trái tim.

V

ampire đã già, và không còn xinh đẹp nữa. Có chung một đặc tính với những sinh vật sống, bà cũng già đi, dù rất chậm, giống như những thân cây cao trong công viên kia. Mạnh khảnh, gầy guộc và trụi lá, chúng đứng đó bên ngoài những ô cửa sổ, trong một buổi sáng mưa dầm ảm đạm. Còn bà ngồi trên chiếc ghế có tựa cao quá đầu ở trong góc căn phòng, nơi có các bức rèm bằng vải ren dày màu vàng và tấm màn che màu rượu vang không để cho một tia sáng ban ngày nào lọt vào. Bà đang đọc sách dưới ánh sáng mờ mờ của cây đèn bằng bạc chạm trổ. Cây đèn này vốn từ cung điện của Sa hoàng nước Nga. Cuốn sách một thời đã là niềm hãnh diện cho thư viện của một vị giáo hoàng xấu xa, có cái tên thế tục là Roderigo Borgia. Còn lúc này, bàn tay khô héo của Vampire đang đặt trên những trang giấy của nó. Bà mặc chiếc áo dài ren màu đen đã có tuổi hơn một trăm tám mươi năm nhưng còn "trẻ" hơn bà nhiều. Bà ngồi đó, nhìn người đàn ông già, mắt nheo lại vì những tia sáng mờ mờ hắt từ chiếc cửa sổ phía xa.

"Ông nói là ông đã mệt mỏi, Vassu. Ta hiểu nó nghĩa là thế nào. Đã quá mệt mỏi, mà không thể nghỉ ngơi. Đó thực sự là một điều khủng khiếp".

"Nhưng, thưa Công chúa," ông già bình thản nói, "chuyện còn hơn thế nữa. Tôi đang chết".

Vampire khẽ cử động. Những chiếc lá bạc màu trên tay bà rơi xuống trang giấy. Bà mở to mắt, ngạc nhiên như một đứa trẻ.

"Đang chết? Sao lại thế? Ông chắc chứ?"

Ông ta, trông sạch sẽ và chỉnh tề trong bộ đồ sẫm màu, gật đầu lắc bầm.

"Vâng, thưa Công chúa".

"Ôi, Vassu," bà bảo, "ông mừng lắm phải không?"

Ông cảm thấy hơi bối rối. Cuối cùng ông nói:

"Tha thứ cho tôi, thưa Công chúa, nhưng thực sự tôi rất mừng. Vâng, rất vui mừng".

"Ta hiểu".

"Chỉ có điều," ông nói, "tôi lo lắng cho bà".

“Không, không” Vampire nói với một thái độ lịch sự hoàn hảo vốn có của đẳng cấp và loại người như bà. “Không, ông không cần phải quan tâm cho ta. ông là một người phục vụ tốt. Tốt hơn nhiều so với những gì ta từng hy vọng. Ta rất biết ơn ông, Vassu, vì tất cả những gì ông đã lo lắng cho ta. Ta sẽ nhớ ông lắm đấy. Nhưng ông cũng cần được tưởng thưởng” bà ngần ngừ “Lẽ ra ông phải được hưởng nhiều hơn là chỉ sự yên bình...”

“Nhưng bà...” ông nói.

“Ta sẽ Ổn thôi. Hiện giờ, nhu cầu của ta rất ít. Những ngày ta là kẻ săn mồi đã qua rồi, và những đêm nữa. Ông còn nhớ không, Vassu?”

“Tôi nhớ chứ, thưa Công chúa”.

“Khi đó ta rất đói, lại còn nghiệt ngã nữa. Mà cũng rất đẹp. Khuôn mặt ta đã từng soi qua ngàn vạn tấm gương sang trọng. Biết bao đôi hài lụa của ta đã lấm bẩn vì sương đêm và biết bao người tình của ta thức dậy trong buổi sáng mai lạnh lẽo ở những nơi heo hút tối tăm mà ta đã bỏ họ lại. Nhưng giờ đây, ta không ngủ nữa, ta cũng rất hiếm khi đói. Ta chẳng còn đam mê. Ta chẳng còn yêu. Đó là những điều an ủi của tuổi già. Chỉ có duy nhất một điều sẽ không bao giờ đến với ta. Nhưng ai mà biết được. Một ngày nào đó có lẽ ta cũng sẽ...” bà mỉm cười với ông ta. Hàm răng của bà vẫn tuyệt đẹp, nhưng bây giờ chúng đã hầu như bằng phẳng, những chiếc răng nanh sắc nhọn đã mòn đi hoàn toàn. “Hãy rời bỏ ta lúc nào ông thấy cần” bà nói “Ta sẽ thương khóc cho ông. Ta ghen tỵ với ông đấy. Nhưng ta sẽ không đòi hỏi gì ở ông nữa, người bạn tốt bụng của tôi ạ”.

Ông già cúi đầu.

“Tôi còn một vài ngày, và chỉ một vài đêm. Còn có một vài chuyện mà tôi muốn thử làm trong thời gian này. Tôi sẽ cố tìm một người có thể thay thế cho tôi”.

Vampire lại nhìn ông ta, lần này với vẻ tò mò. “Nhưng Vassu, ông bạn trung thành của ta, việc này không cần đâu”.

“Vâng. Nếu tôi còn nhanh nhẹn”.

“Thế giới này không còn là nó nữa” bà nói, với một vẻ thông thái nghiệt ngã và lạnh lùng.

Ông ngẩng đầu lên, ông đáp với vẻ e dè:

“Thế giới vẫn luôn luôn như thế, thưa Công chúa. Chỉ có cảm nhận của chúng

ta về nó là chính xác hơn. Trí tuệ của chúng ta khó chấp nhận được nó hơn”.

Bà gật đầu.

“Phải, chắc là như vậy. Làm sao mà thế giới lại có thể thay đổi khủng khiếp đến thế được? Chắc là chính chúng ta đã thay đổi thì đúng hơn”.

Ông sửa lại sợi bắc đèn trước khi rời đi.

Ở ngoài kia, nước mưa rơi xuống không ngừng từ các thân cây.

\* \* \* \* \*

Thành phố trong cơn mưa không giống chút gì với rừng cây. Nhưng ông già, người đã từng sống ở nhiều rừng cây và nhiều thành phố, ông không cảm thấy gì đặc biệt trong chuyện đó. Tình cảm của ông, cảm giác của ông đã được dành cho những việc khác.

Tuy nhiên, ông vẫn ý thức được bộ dạng kỳ dị và lỗi thời của ông khi ông đi trên các đường phố trong bộ trang phục của một thời đại đã qua, biết được ông không hòa hợp với khung cảnh xung quanh, cũng không đáp ứng được chút nào sự kính sợ của họ. Thậm chí có vài lần lũ trẻ con hay bọn thanh niên chê giễu và gọi ông bằng những cái tên ngớ ngẩn mà ông vẫn quen nghe bằng hai mươi thứ tiếng, ông không sợ hãi mà cũng không để ý. Ông chẳng quan tâm gì đến những chuyện như vậy. Ông đã sống ở quá nhiều nơi, nhìn thấy quá nhiều cảnh tượng; những thành phố bị thiêu hủy hay rơi vào cảnh điêu tàn, những thanh niên già đi, cũng như ông đã già, và chết đi, như ông cuối cùng cũng sẽ chết. Ý nghĩ về cái chết an ủi ông, cổ vũ ông, và cùng với nó là một nỗi buồn lớn lao, một sự ghen tuông lạ lùng. Ông không muốn rời bỏ bà. Dĩ nhiên là ông không muốn. Cứ nghĩ về sự yếu ớt dễ bị tổn thương của bà trong cái thế giới hỗn tạp này, với sự tàn bạo vốn có từ cổ xưa của nó - dù được nhìn nhận một cách mới hơn - là ông đã thấy khiếp sợ choáng váng. Đó là một nỗi buồn. Và ghen tuông... bởi vì ông đang phải cố tìm ra một người khác để thay thế cho ông. Và cái người khác đó sẽ vì bà, cũng như ông đã từng như vậy.

Ký ức cứ chập chờn trong đầu óc ông, giống như những giấc mơ thức dậy, mỗi một lần ông đi ra phố. Khi ông bước lên những bậc thang của các viện bảo tàng và ga tàu điện ngầm thì ông lại nhớ đến những bậc thang bằng đá cẩm thạch và đá hoa cương ở các miền đất khác. Và mỗi khi nhìn ra ngoài từ ban công nhà cao tầng, nhìn thành phố thu nhỏ lại như trên tấm bản đồ, ông lại nhớ đến các tháp nhà thờ và những đỉnh núi vút lên tận trời cao. Và rồi cuối cùng, dường như đang lật ngược các trang sách từ dưới lên, ông lại đến điểm

khởi đầu.

Nàng đứng ở đó, giữa hai ngôi mộ cao màu trắng, tòa lâu đài nằm phía sau nàng, mọi vật đều lấp lánh như có ánh bạc trong làn sương mờ trước lúc rạng đông. Nàng mặc chiếc áo dài vũ hội, và chiếc choàng trắng dài. Và ngay từ ngày đó, tóc nàng đã uốn theo kiểu của một thế kỷ trước; mái tóc đen nhánh, giống như những bông hoa đen.

Từ một năm trước ông đã biết rằng ông sẽ phục vụ nàng. Đó là cái lúc mà ông nghe người ta nói về nàng trong thị trấn. Họ không lo lắng mà là kính sợ nàng. Nàng không săn bắt những người dân ở thị trấn của nàng, không như những kẻ khác giống như nàng vẫn làm.

Khi ông có thể đứng dậy được, ông liền đi theo nàng. Ông đã quỳ xuống và lắp bắp những lời gì đó; khi đó ông mới chỉ mười sáu tuổi, còn nàng cũng không già hơn ông. Nhưng nàng chỉ bình thản nhìn ông và nói: "Ta biết. Ta đón chào anh". Những lời này được nói ra bằng một thứ ngôn ngữ mà bây giờ họ rất ít khi nói với nhau. Nhưng sau này, bao giờ cũng vậy, mỗi khi nhắc lại lần gặp gỡ đó là bà lại nói bằng đúng cái giọng đó và cùng một ngữ điệu nhẹ nhàng tương tự.

Tất cả những bóng người mơ hồ cứ đến rồi đi trong cái quán nhỏ bé nơi ông nghỉ chân ngồi uống cà phê. Chẳng có gì làm ông chú ý, cũng chẳng có gì hữu dụng cho bà. Suốt buổi sáng chẳng có gì báo động cho ông. Ông sẽ biết. Ông sẽ biết vì ông đã từng biết nó từ chính ông.

Ông đứng dậy và rời quán cà phê, và giấc mơ đang thức tỉnh cùng đi với ông. Một chiếc xe hơi đen bóng loáng lướt qua và ông bắt được một dáng hình như đá tạc qua làn tuyết trắng.

Có tiếng bước chân quét trên vỉa hè, có lẽ khoảng hai mươi bước sau lưng ông. Ông già không lưỡng lự. Ông vẫn bước tiếp và đi vào một ngõ nhỏ giữa hai tòa nhà cao tầng. Tiếng bước chân vẫn bám theo ông; ông không nghe được hết mà chỉ một trong bảy hay tám bước. Một dây thần kinh nhỏ bắt đầu căng thẳng trong ông, nhưng ông không biểu lộ gì hết. Nước bắn lên trên các hàng gạch bên cạnh ông, và tiếng ồn ào của thành phố bỗng im bật.

Thình lình, một bàn tay đặt lên phía sau cổ ông, một bàn tay thành thạo, ấm nóng và chắc chắn, nhưng không gây hại gì cho ông, gần như sự đụng chạm của một người tình.

"Thế chứ, ông già. Cứ đứng yên. Tôi sẽ không làm ông đau đâu nếu ông làm

những gì tôi bảo”.

Ông đứng lại, bàn tay ấm nóng và đầy sức sống vẫn đặt trên cổ ông. Ông chờ đợi.

“Được rồi” một giọng nói đàn ông, trẻ trai và có cái gì hơi lạ lùng trong đó “Nào, hãy đưa tôi cái ví của ông”.

Ông già nói bằng một giọng ấp úng như người ngoại quốc, ra dáng sợ hãi. “Tôi... ví... không có”.

Bàn tay lập tức thay đổi tính chất, xiết lại một chút.

“Đừng nói láo. Tôi có thể làm ông đau đấy. Tôi không muốn, nhưng tôi có thể. Đưa cho tôi bất cứ thứ tiền gì ông có”.

“Vâng,” ông ấp úng, “vâng... vâng...”

Và luồn khỏi cái gọng kìm chắc chắn và không thương xót kia như một dòng nước, ông quay lại, tóm lấy cổ gã và quăng gã đi - tất cả chỉ trong một thoáng. Kẻ tấn công ông già va mạnh vào bức tường xám ẩm ướt và ngã lăn dưới đất. Hắn nằm ngửa trên những viên đá lát đường ướt nước mưa và trô mắt lên, hắn quá đổi kinh ngạc nhìn con người kỳ dị kia.

Chuyện này đã xảy ra rất nhiều lần trước đây. Một vài kẻ cho là ông già dễ xơi, nhưng ông có tất cả những sức mạnh sắt thép của cái đang là bản thể của ông. Ngay cả lúc này, ngay cả khi đang chết, ông vẫn mạnh khủng khiếp. Và còn nữa, dù chuyện này vẫn xảy ra thường xuyên, nhưng lần này thì khác. Sự căng thẳng vẫn không mất đi.

Mau lẹ, thận trọng, ông già xem xét gã thanh niên.

Có điều gì đó trúng đích ngay lập tức. Thậm chí còn hơn thế nữa, đối thủ có một vẻ đẹp đặc biệt, vẻ đẹp của một sự hòa hợp thể chất hoàn hảo. Sự đụng chạm của bàn tay, thân nhiên và chắc chắn, cũng có một sức mạnh ở đây. Và giờ là cặp mắt. Phải, cặp mắt bình thản, thông minh, với một vẻ hóm hỉnh khác thường, một cặp mắt vô tội...

“Đứng lên” ông già bảo. Ông đã chờ đợi một gã quý tộc. Hắn sẽ trở thành chính ông, và sẽ rất ấn tượng. “Đứng lên. Ta sẽ không đánh mi nữa đâu”.

Gã thanh niên cười nhả nhỏ, ý thức được sự trớ trêu của tình cảnh. Một tia hài hước chiếu ra từ cặp mắt. Trong cái ánh sáng ảm đạm của con ngõ hẹp, chúng có màu của con báo - không phải mắt của loài báo, mà là bộ da của

chúng.

“Vâng, và ông sẽ không, phải không, thưa ông nội!”

“Tên ta là Vasyelu Gorin” ông già nói “Ta không phải là cha của ai cả. Và những đứa con không tồn tại của ta cũng không có con. Còn mi?”

“Tên tôi là Snake”. Gã thanh niên nói.

Ông già gật đầu. Ông cũng chẳng quan tâm lắm đến cái tên.

“Đứng dậy, Snake. Mi đã ăn cướp bởi vì mi nghèo, không có việc làm và cũng không muốn làm việc. Ta sẽ mua thức ăn cho mi. Đi nào”.

Gã trai vẫn tiếp tục nằm trên mặt đất.

“Nhưng tại sao?”

“Vì ta muốn một thứ ở mi”.

“Hả? Ông nói đúng. Tôi sẽ làm hầu như mọi thứ nếu ông trả cho tôi kha khá. Ông cứ bảo tôi đi”.

Ông già nhìn gã trai có tên Snake, và biết rằng tất cả những điều hăn nói là sự thực. Biết rằng đây là một tên đã ăn trộm và sa đọa, và lại ăn trộm khi những cơ thể lười biếng cả đàn ông và đàn bà kia đang ngủ, kiệt sức vì thứ tình dục cưỡng bức mà hăn cung hiến cho họ, rút những linh hồn lạc lối của họ khỏi những lỗ chân lông cũng như sau đó hăn sẽ rút những đồng tiền từ ví đầm và túi quần họ. Phải, một con dơi hút máu. Có lẽ là một tên sát nhân. Rất có thể là một kẻ sát nhân.

“Nếu mi sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì,” ông già nói, “thì ta cũng không cần bảo trước mi làm gì. Dù thế nào thì mi cũng sẽ làm mà”.

“Hầu như mọi thứ, tôi nói thế đấy”.

“Vậy hãy nói cho ta nghe xem,” Vasyelu Gorin, người hầu của Vampire nói, “có điều gì mà mi sẽ không làm. Để sau này ta sẽ không yêu cầu mi”.

Gã trai trẻ cười, bằng một cử động nhẹ nhàng, gã đứng dậy. Và khi ông già bước đi thì gã bước theo.

Để thử thách gã, ông già dắt Snake vào một nhà hàng đắt tiền nằm trên một ngọn đồi trắng phía xa của thành phố, nơi những khối kính cứ như chọc thẳng lên trời xanh. Phớt lờ những vết bùn dính trên chiếc áo khoác bằng da tả tơi rách nát, Snake trở nên một hình mẫu không khiếm khuyết một kiểu người

luôn được nể sợ, nhưng gã cũng chẳng quan tâm. Ông già cũng chẳng quan tâm, đánh giá cao cử chỉ đó, nhưng biết gã cũng chẳng còn gì hơn. Snake đã học được cách để là một hoàng tử. Nhưng gã chỉ là một gã đi đực với một lớp vỏ da bao kín. Nhưng từ giờ trở đi, cặp mắt báo có đốm luôn sục sạo, cảnh giác kia sẽ còn đưa gã đi xa.

Sau bữa ăn ngon lành với một chai vang tuyệt hảo, rượu cô nhắc và xì gà được mang ra trong chiếc hộp bằng bạc - Snake đã ăn cắp ba điếu, nhưng, với một phong thái không úp mở, hắn gài mấy điếu thuốc lên túi ngực giống như những chiếc bút lông. Họ trở ra đường và lại bước đi trong mưa.

Bóng đêm đang ập xuống, và Snake ra vẻ ân cần đỡ tay ông già. Vasyelu Girin đẩy hắn ra, bức mình vì cái cử chỉ rẻ tiền sau khi phải chấp nhận chuyện mấy điếu xì gà.

“Ông không thích tôi nữa hay sao?” Snake nói. “Tôi có thể đi ngay nếu ông muốn. Nhưng ông phải trả công tôi vì số thời gian lãng phí”.

“Im đi”. Vasyelu nói. “Đi tiếp đi”.

Mỉm cười, Snake đi theo ông ta. Họ đi giữa các khối kim tự tháp mờ mờ của những cửa hàng, qua những đường ống tối tăm, những vỉa hè ướt đầm. Khi những đường phố lớn đã lùi xa và những bãi cỏ của các khu vườn lớn bắt đầu, Snake thấy căng thẳng hơn. Cảnh vật nơi đây rõ ràng không quen thuộc với gã. Khu vực này của rừng cây còn chưa ai biết đến.

Cây cối ngả bóng trên con đường họ đi.

“Tôi có thể giết ông ở đây” Snake nói. “Hãy giữ lấy tiền của ông rồi chạy đi”.

“Mi có thể thử xem” ông già nói, nhưng ông đã cảm thấy chán chường. Ông không còn tin chắc nữa, nhưng ông biết rằng sự ghen tuông của ông có hàm lẫn sự căm ghét. Nếu gã trai trẻ ngu xuẩn mà chồm vào ông, thì bằng hai cánh tay gầy gò không có thịt này, ông có thể bẻ gãy cái cổ cứng như cẩm thạch, có màu như hổ phách nhợt nhạt kia, một cách thật quá dễ dàng. Nhưng sau đó bà sẽ biết. Bà sẽ biết ông đã tìm được cho bà và đã phá hủy cái đã tìm được. Bà sẽ rộng lượng tha thứ, và ông sẽ rời bỏ bà mà biết rằng ông đã thất bại với bà.

Khi những cánh cổng đồ sộ xuất hiện Snake không nói năng gì. Từ lúc đó, dường như gã đã chấp nhận tình thế. Ông già đi vào khu vườn, bây giờ ông đi rất nhanh, để vượt qua những tình cảm của chính ông. Snake chạy lóc cóc bên cạnh ông.

Ba cửa sổ có ánh đèn ở tầng trên tòa nhà. Những cửa sổ phòng bà. Và khi họ đến bậc thang lên nhà, phía dưới vòm dây trường xuân, bước vào trong mái vòm, thì cái bóng cao gầy khẳng khiu của bà đổ xuống trong ánh sáng đèn, giống như một làn khói hay một bóng ma.

"Tôi cứ nghĩ ông sống một mình" Snake nói. "Tôi cứ nghĩ ông là người độc thân".

Ông già không nói một lời nào nữa. Ông bước lên bậc thang và mở cánh cửa. Snake vào theo sau ông rồi đứng yên, chờ Vasyelu tìm cây đèn trong hốc tường cạnh cửa và thắp nó lên. Những tấm kính đã ố màu không tự nhiên gắn trên các ô cánh cửa, những hốc tường ở cả hai bên các cửa sổ, những con cú và những bông sen, những ngôi đèn trông xa cuộn lẫn vào nhau và phát sáng, lạnh lẽo một cách kỳ lạ.

Vasyelu đi đến chiếc cầu thang bên trong nhà.

"Khoan đã" Snake nói. Vasyelu dừng lại, không nói gì. "Tôi chỉ muốn biết," Snake nói, "ông có bao nhiêu bạn bè ở đây, và bạn ông định làm gì, còn tôi phải làm gì với họ".

Ông già ra hiệu.

"Có một người đàn bà ở buồng trên. Ta sẽ dẫn người lên gặp bà ấy. Bà ấy là một Công chúa. Tên bà ấy là Darejan Dracula". Ông bắt đầu bước lên bậc thang.

vẫn đứng trong bóng tối, vị khách hỏi khẽ:

"Cái gì?"

"Người nghĩ là đã từng nghe cái tên này rồi. Người đúng đấy. Nhưng đó là một chi khác".

Ông chỉ nghe được tiếng bước chân đầu tiên khi nó chạm vào bậc thang phủ thảm. Bằng một bước nhảy, cái sinh vật kia đã chồm lên ông, cây đèn rời khỏi tay ông. Snake nhảy nhót phía sau cây đèn, phản chiếu ánh sáng lung linh và không thật.

"Dracula", gã nói.

"Dòng họ Dracula. Một chi khác".

"Một ma cà rồng".

“Người tin vào những chuyện như vậy à?” ông già nói. “Người vẫn sẽ sống như người đang sống, cầu nguyện như người đang cầu nguyện”.

“Tôi không bao giờ cầu nguyện” Snake nói.

“Hãy cầu nguyện đi” ông già bảo. “Cầu nguyện đi. Người thậm chí còn không thể cầu nguyện bằng tiếng mẹ đẻ của người. Đưa ta cây đèn, hay để ta phải lấy nó? Bậc thang dốc đấy. Lần này người có thể ngã gãy cổ. Chuyện đó sẽ không hay chút nào cho công việc của người đâu”.

Snake khẽ cúi chào và trả lại cây đèn.

Họ tiếp tục đi lên cầu thang trải thảm, lên đến sàn trên, đi qua một hành lang và đến cửa phòng bà.

Những đồ vật của tòa nhà rõ ràng rất quý giá, dù chỉ cần nhìn thoáng qua trong ánh đèn dầu. Ông già đã quen với chúng, chỉ có Snake mới để ý. Thêm nữa, nghĩ đến kích thước và vẻ đồ sộ của cánh cổng vào vườn, gã ăn trộm trẻ tuổi có lẽ phải đoán được trước sự sang trọng giàu có này.

Và ở đây rõ ràng không có sự bỏ bê, không có một hạt bụi, không có mùi mốc ẩm, hay, nói thẳng ra, không có mùi hăm mộ. Những người phụ nữ từ thành phố thường xuyên đến đây quét dọn theo những mệnh lệnh nghiêm khắc của Vasyelu Gorin; hoa được bày biện trong phòng khách vào những dịp Công chúa xuống tầng dưới. Chuyện này giờ khá hiếm hoi. Bà đã quá mệt mỏi. Không phải vì tuổi tác, mà vì buồn chán cuộc sống. Ông già lại ra hiệu, và gõ cánh cửa phòng bà.

Bà đáp lại nhẹ nhàng. Vasyelu liếc nhìn phản ứng của gã trai trẻ, tai gã vểnh lên như tai mèo.

“Chờ ở đây” Vasyelu bảo gã và đi vào trong phòng, đóng cửa lại, để gã kia bên ngoài trong bóng tối.

Những ô cửa sổ được chiếu sáng từ phía ngoài nhưng ở bên trong thì tối đen. Các cây nến được thắp lên, đỏ và trắng trông như những bông hoa cắm chướng.

Vampire ngồi trước cây đàn clavio. Có lẽ bà đang gảy đàn, âm thanh của nó khẽ đến nỗi ở phía ngoài cửa hầu như không nghe thấy được. Trước đây, từ rất lâu, ông đã từng được nghe nó. Đã rất lâu...

“Thưa Công chúa,” ông nói, “tôi mang một người về với tôi”.

Ông không biết chắc bà sẽ làm gì hay nói gì về sự việc này. Bà có thể sẽ phản đối, thậm chí sẽ nổi giận, dù ông ít khi thấy bà nổi giận. Nhưng lúc này ông thấy bà đã đoán biết, theo một cách tinh tế nào đó, là ông sẽ không trở về một mình, và bà đã chuẩn bị trước cho mình. Khi bà đứng dậy, ông nhìn thấy chiếc áo dài bằng sa tanh đỏ, cây thánh giá bằng bạc nạm kim cương trên cổ, đôi hoa tai lông lánh buông thành dòng hai bên. Trên hai bàn tay gầy guộc là những chiếc nhẫn lớn tỏa ra những màu sắc ảm đạm. Mái tóc bà, vốn không bao giờ mất đi màu đen nhánh, buông xõa trên vai và được uốn theo kiểu cách chỉ hai mươi năm trước, bao lấy bộ mặt giờ xương của bà với một vẻ hoang dã. Bà trông thật lộng lẫy khác thường. Hốc hác, già khom, sắc đẹp đã tàn phai, trái tim đã chùn lút, nhưng vẫn lộng lẫy, vẫn kỳ lạ.

Ông nhìn bà khúm núm, sẵn sàng bước ra ngay, vì trong khoảnh khắc, ông đã nghi ngờ.

“Thôi được” bà ban cho ông một nụ cười thoáng qua, như một cái vuốt ve chớp mắt. “VẬY thì ta sẽ gặp hẳn, Vassu”.

Snake ngồi vắt chân trong hành lang cách cánh cửa một quãng ngắn. Trong bóng tối, gã đã phát hiện thấy một chiếc bình sứ dương thái Trung Hoa, gã cầm nó bằng hai tay, tỳ cằm vào miệng chiếc bình.

“Liệu tôi có làm vỡ nó không?” gã hỏi.

Vasyelu không nói gì. ông chỉ tay vào cánh cửa mở.

“Bây giờ anh có thể vào”.

“Tôi có thể à? Ông làm tôi căng thẳng quá”.

Snake đứng lên. vẫn giữ cái bình trong tay, gã bước qua cửa đi vào căn phòng của Vampire. Ông già cũng vào theo gã, tựa thân mình mặc đồ đen, giống như một bóng ma, cạnh cánh cửa sổ mà lúc này ông đã mở nó ra. Ông già theo dõi Snake.

Nhẹ nhàng xoay người, có lẽ là vô ý thức, gã tiến đến khoảng một phần ba chiều dài căn phòng hướng về phía người đàn bà. Theo dõi gã từ phía sau, Vasyelu Gorin có thể nhìn thấy tất cả những cử động của các cơ bắp căng thẳng trên tấm lưng, giống như cơ bắp của một con thú đang sẵn sàng phóng tới hay sẵn sàng chạy trốn. Nhưng không nhìn được bộ mặt của gã, cặp mắt gã - ông chưa hài lòng. Ông chuyển sang chỗ khác để có thể nhìn được rõ hơn.

“Xin chào” Vampire nói với Snake. “Anh có nghĩ nên đặt cái bình xuống không?”

Hay, nếu anh thích, thì cứ đập nó đi. Cứ lưỡng lự thế sẽ khó chịu lắm đấy”.

“Có lẽ tôi cứ giữ cái bình”.

“Ồ, vậy thì cứ giữ lấy đi. Nhưng ta đề nghị anh để cho Vassu gói nó lại cho anh trước khi anh đi. Không thì sẽ có ai đó cướp giật anh trên phố đấy”.

Snake xoay một vòng, nhẹ nhàng như một vũ công, và đặt chiếc bình lên cái bàn nhỏ. Xoay mình trở lại, gã mỉm cười với bà.

“Ở đây có bao nhiêu là đồ đặc quý giá. Tôi có thể lấy cái gì được? Còn cái thánh giá bằng bạc mà bà đang đeo kia thì sao?”

Vampire cũng mỉm cười.

“Đó là của gia bảo. Ta rất thích nó. Ta không định để anh lấy nó đâu”.

Mắt Snake mở lớn. Gã kinh ngạc một cách ngây thơ.

“Nhưng tôi nghĩ, nếu tôi làm cái điều mà bà muốn, nếu tôi làm cho bà hạnh phúc -thì tôi có thể có bất cứ thứ gì tôi thích chứ. Không phải ta đã mặc cả như vậy sao?”

“Thế anh có thể làm gì để cho ta được hạnh phúc đây?”

Snake tiến đến gần bà; gã thận trọng lượn quanh bà, rất chậm. Ghê tởm, bị mê hoặc, ông già quan sát gã. Snake đứng đằng sau bà, ngả vào người bà, hơi thở của gã làm rung động những sợi tóc mềm mại của bà. Gã lướt bàn tay trái dọc bờ vai trơ xương của bà, từ lớp sa tanh đỏ đến làn da khô héo không màu sắc ở cổ bà. Vasyelu nhớ lại sự đụng chạm của bàn tay, như có điện, vô cùng nhạy cảm, những ngón tay của một nghệ sỹ hay một phẫu thuật gia.

Vampire vẫn không thay đổi. Bà nói: “Không, anh không làm cho ta hạnh phúc được đâu, cậu bé ạ”.

“Ồ” Snake thì thào vào tai bà. “Bà không thể chắc chắn thế đâu. Nếu bà thích, nếu bà thực sự thích, tôi sẽ cho bà uống máu của tôi”.

Vampire cười. Nghe thực đáng sợ. Một sức mạnh kinh khủng nào đó vẫn đang ngủ yên dường như sống lại khi bà cười, nó như một ngọn lửa bùng lên từ đồng tro tàn. Cái âm thanh, cái sức sống đáng sợ khiến cho gã trai trẻ giật mình tránh xa ra. Trong khoảnh khắc ông già nhìn thấy vẻ sợ hãi trong cặp mắt báo có đốm, một sự sợ hãi như vốn có trong bản thể của Snake, cũng giống như nguồn gốc gây ra sự sợ hãi đó vốn có trong bản thể của Vampire.

Và dường như vẫn còn kích động với sức mạnh mới thức dậy trong người, bà

quay sang gã. "Anh nghĩ ta là cái gì?" bà nói, "Một mụ già khom xấu xí thêm khát được cọ xát mớ da khô này với da thịt mượt mà của anh chẳng; một mụ già mà anh, bằng cái thân xác của mình, chẳng cần phải mưu mĩ gì cũng có thể lừa bịp được với những chuyện hảo huyền, với đồ thừa canh cặn, rồi sau đó sẽ giết mụ, dùng răng cạy những viên kim cương trên ngón tay mụ chẳng? Hay ta là mụ già trụy lạc, muốn được liếm láp cái vị trẻ trung ngọt ngào của anh. Ta là thế phải không? Nói xem". Ngọn lửa trong bà đã hạ xuống, thích thú với tác động của nó, với mọi thứ trong vòng kiểm soát của bà, tiếng nói của bà như phóng ra một cây kim dài, rất dài, găm cái gã ngợm mà bà đang nói đến vào bức tường đằng xa. "Nói xem. Làm sao ta có thể là cái thứ ma quỷ đeo thánh giá trên ngực như vậy chứ? Bộ ngực cổ lổ, héo quắt, xệ xuống, trống rỗng của ta. Nói xem. Nó gọi là cái gì vậy?"

Khi lời nói của bà ngừng lại, cái kim nhọn cũng dường như ngắt ngang, gã trai trẻ nhẩy bật ra khỏi bức tường. Trong một thoáng gã hầu như hoảng loạn. Gã vốn chỉ quen với những hạng người trong thế giới của gã. Những ông già đi lại rón rén trong ngõ hẹp dưới mưa chẳng cần cố gắng gì cũng có thể đập văng đi với hai cánh tay thép. Những người đàn bà thiêu thân, chỉ bị đốt chứ không đốt người ta; giọng của họ là khoa trương, màu mè, van vỉ chứ không phải những lưỡi dao cạo.

Snake run lên từng đợt. Sau đó cơn hoảng loạn của gã qua đi. Theo bản năng, gã kể chuyện gì đó từ chỗ tranh tối tranh sáng của căn phòng. Sống theo kiểu của gã, nói chung gã đi đến chỗ tin cậy vào bản năng của gã.

Gã len lén đến gần người đàn bà, không gần quá, lần này không gần hơn hai yard.

"Cái người của bà đến đó," gã nói, "ông ấy dẫn tôi đến một nhà hàng sang trọng. Ông ấy cho tôi uống say. Tôi không biết tôi nói những gì khi tôi say. Bà hiểu không? Tôi là một kẻ thô lỗ. Tôi không nên ở đây trong tòa nhà đẹp đẽ của bà. Tôi không biết phải nói chuyện ra làm sao với những người như bà. Với một mệnh phụ. Bà hiểu không? Nhưng tôi chẳng có đồng xu nào. Chẳng có gì. Bà cứ hỏi ông ấy xem. Tôi đã giải thích tất cả. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì để có tiền.

Còn cái cách tôi nói ấy. Nhiều người thích thế. Bà hiểu không? Nó làm cho tôi có vẻ đáng sợ. Họ thích thế. Nhưng đó chỉ là đóng kịch thôi". Gã khúm núm nói với bà, gặp người chào bà với ánh mắt sùng bái đến vô lý, gã cũng đã bước lui và hầu như đã ra đến cửa phòng.

Vampire không cử động. Giống như một pho tượng thần, bà ngự trị căn phòng, đỏ trắng và đen, và ông già chỉ còn là một bóng ma trong góc.

Snake nhảy lên rồi bỏ chạy. Trong bóng tối mờ mịt, gã lướt qua hành lang, nhảy qua các bậc thang, rồi chạy đến gian sảnh trống dẫn ra ngoài. Một vài ánh sao mờ chỉ ra chỗ những ô cửa bằng kính ố vàng. Khi các cánh cửa đột ngột mở toang, gã biết rõ rằng gã được thả cho đi. Rồi cửa đóng lại sau lưng gã và gã cầm đầu chạy qua vòm dây trường xuân, xuống các bậc tam cấp, và xuyên qua khoảng trống giữa các thân cây cao ướt đầm nước mưa.

Bản năng đã mách bảo gã rất nhiều, luôn luôn như vậy. Thật lạ lùng, ngay khi gã ra khỏi cánh cổng cao dẫn ra con đường trống vắng, và cầm đầu chạy về phía trung tâm thành phố, chúng cũng chẳng bảo gã rằng gã được tự do.

"Ông có nhớ," Vampire nói, "ngay từ phút đầu, ông đã hỏi ta về cây thánh giá không?"

"Tôi còn nhớ, thưa Công chúa. Khi đó đối với tôi nó có vẻ rất kỳ quặc. Tôi đã không hiểu, dĩ nhiên".

"Còn ông," bà nói, "làm sao ông tìm được nó sau khi ông...", bà ngừng lại một chút, rồi nói tiếp, "sau khi ông rời ta?"

Ông cảm thấy an ủi vì cái chết của ông có thể sẽ làm cho bà đau khổ đôi chút. Giờ đây ông chẳng còn làm gì được nữa. Ông đã nhìn thấy ngọn lửa thức dậy trong bà, bùng lên và sôi sục trong bà, điều mà suốt nửa thế kỷ nay ông không thấy, nó cháy lên khi có mặt tên ăm trộm, tên đĩ đực, tên ăn bám kia.

"Gã trẻ trung và khỏe mạnh," ông già nói, "và gã có thể đào một cái huyệt cho tôi".

"Mà không có lễ tang à?" Bà lơ đi về giằng dỗi của ông, dĩ nhiên, và sự tế nhị của bà làm ông phải xấu hổ.

"Chỉ đào sâu chôn chặt là đủ," ông nói, "nhưng xin cảm ơn, thưa Công chúa, vì đã quan tâm đến tôi. Tôi không cho nó là vấn đề đâu. Dù còn lại cái gì hay chẳng có gì đi nữa thì tôi cũng sẽ rất vui mừng".

"A, bạn tôi ơi. Ông không tự coi thường mình quá đấy chứ?"

"Không" ông nói "Không, không". Và ngay lập tức xuất hiện một nỗi đam mê trong giọng nói của ông, một ngọn lửa cuối cùng của chính ông dâng lên cho bà. "Tôi đã được hưởng ân sủng trong cuộc đời mà bà đã ban cho tôi".

Bà nhắm mắt lại, và Vasyelu Gorin thấy ông đã làm tổn thương đến bà với tình yêu của ông. Và ông không còn tức giận nữa, nhưng theo cách thức của một tình nhân, ông rất vui mừng.

Ngày hôm sau, khoảng quá ba giờ chiều một chút, Snake quay lại.

Một cơn gió đang thổi, và dường như nó đã thổi gã đến cánh cổng trong cơn mưa lá vàng. Tóc gã cũng bị gió thổi rối bời, và khuôn mặt gã rạn rở và vẻ tươi tỉnh lạ lùng. Tuy vậy, mắt gã vẫn nặng nề, thâm quầng, mờ đục. Cặp mắt cho thấy rằng suốt đêm, và suốt buổi sáng nay hẳn đã có một công việc khác. Họ có thể kéo tấm rèm nặng lên để cho một chút ánh sáng chiếu ra, nhưng dù vậy thì cũng chẳng giúp gì cho gã. Các giác quan của Snake tinh tường gấp đôi trong bóng tối, gã có thể nhìn được trong bóng tối giống như một con linh miêu.

“Anh đấy à?” ông già nói trong khi nhìn gã với vẻ thờ ơ, như nhìn một tay lái buôn.

“Tôi đây” Snake nói và đi theo ông già vào trong nhà.

Vasyelu không ngăn hẳn lại. Dĩ nhiên là không. Ông để cho gã trai, và toàn bộ hàm răng trắng lóe và cặp mắt phóng đảng đáng ghét, thông thả đi qua các cánh cửa phòng khách vào bên trong. Vasyelu bước theo gã.

Những tấm rèm màu ngà voi sậm đã buông xuống và những cây đèn được thắp lên; trên chiếc bàn sạch bóng là những bông hoa nhà kính tỏa hương trong chiếc bình bằng ngọc. Cánh cửa phụ dẫn vào một thư viện nhỏ, ánh sáng mờ đục nhẹ nhàng của cây đèn tỏa lên những gáy sách mạ vàng đương im lặng, hết dãy này đến dãy khác, những cuốn sách vô giá.

Snake bước vào và đi một vòng quanh thư viện, rồi gã đi ra.

“Tôi không lấy thứ gì cả”.

“Anh cũng biết đọc kia à?” Vasyelu Gorin mĩa mai, nhớ lại khi ông còn chưa biết đọc; ông, con trai thứ mười lăm của một người đồn gỗ, một kẻ ngổ ngẩn dần độn và nghiện rượu, ăn trên đường, ngủ trên đường, suốt đời không có một mái nhà trên đầu mà cũng chẳng có ý nghĩ gì về tương lai, một kẻ sinh ra do lầm lẫn và buồn chán. Đã lâu lắm rồi. Trong cái thị trấn nhỏ đó, họ đã gặp nhau dưới rừng cây. Và tòa lâu đài với những ánh đèn rực rỡ của nó, những chiếc xe ngựa chạy trên con đường có những hàng cây tối sẫm hai bên.

Snake ngồi xuống, dựa người thoải mái vào lưng ghế. Nhưng gã không thoải

mái, ông biết thế. Gã đã tự nói với mình những gì nhỉ? Rằng ở đây chắc chắn có tiền, để có thể giữ được một lối sống khác thường. Rằng gã sẽ tóm được bà, cái mụ già ấy, bằng cách này hay cách khác. Luôn luôn có những lý do mà người ta sẽ tìm ra cho chính họ.

Khi Vampire đi vào trong phòng, Snake, gã điểm đực thành thạo bò đến bên chân bà. Và Vampire đã cười với gã, lần này nhẹ nhàng hơn. Bà mặc một chiếc áo choàng màu trắng gợi từ Paris sang năm ngoái. Bà chưa từng mặc nó bao giờ. Đính trên cổ áo là một bông hoa hồng nhung màu đen, có một giọt sương long lanh trên cánh hoa: một viên ngọc trai lấy từ vương miện của một vị Sa hoàng. Sự tế nhị của bà, sự tế nhị vô song. Tất nhiên, viên ngọc trai đang nói, là mi sẽ quay trở lại. Tất nhiên, ở đây không có gì phải sợ hãi cả.

Vasyelu để họ ở lại. Ông quay lại sau một lúc với những cái chai và ly thủy tinh. Đồ nguội đã được những người từ thành phố mang tới, paté, tôm hùm, gà, những lát chanh như những bông hoa, lát cam như mặt trời, cá chua, rau diếp và đá lạnh. Ông rót rượu vang. Ông bày bộ đồ uống cà phê bằng bạc, những hộp xì gà các loại. Buổi tối mùa đông đã trùm xuống ngôi nhà. Được đánh thức bởi ánh đèn rực rỡ trong căn phòng, một con bướm đêm vỗ cánh chập chờn giữa các cây nến và những trái cây đủ màu. Ông già bắt nó bằng một cái ly pha lê, mang nó ra ngoài thả vào đêm tối. Đã hơn một trăm năm nay ông không hề giết bất kỳ một thứ gì.

Thỉnh thoảng ông lại nghe tiếng họ cười. Tiếng cười của gã trai trẻ thoát đầu quá ấn tượng, quá đẹp, quá hư ảo. Nhưng sau đó nó trở nên lả lơi, chòng ghẹo, náo nhiệt; nó không còn giả tạo nữa.

Gió thổi lạnh lùng. Vasyelu tưởng tượng con bướm đêm đang đập đôi cánh chống chọi với đôi cánh khổng lồ của thần gió, rơi xuống mặt đất nó sẽ được nghỉ ngơi.

Khoảng nửa giờ trước lúc rạng đông, bà yên lặng rời khỏi phòng khách và lên trên lầu. Ông già biết bà đã nhìn thấy ông đang đứng chờ trong bóng tối. Bà không nhìn ông hay gọi ông, đó là một cố gắng của bà để tránh cho ông khỏi phải nhìn thấy cái ánh sáng lấp lánh đột ngột trên con người bà, tránh phải nhìn ông với lòng thương hại. Vì vậy ông chỉ nhìn thoáng qua, không hơn. Thân hình nhợt nhạt, thẳng băng của bà bước lên, mảnh mai và trong suốt như thân hình của một cô gái. Cặp mắt bà trẻ trung, đầy vẻ hoang sơ mới tìm thấy lại, đầy sự mới mẻ thanh tân.

Trong phòng khách, Snake đắp chiếc áo jacket nằm ngủ trên chiếc ghế tràng

kỷ màu trắng. Khi thức dậy, không hiểu gã có xem xét cẩn thận cái cổ của mình trong gương không nhỉ?

Ông già nhìn gã trai trẻ đang ngủ. Bà đã dạy Vasyelu Gorin biết nói năm thứ tiếng và đọc được ba thứ tiếng khác. Bà đã cho phép ông ta khám phá âm nhạc nghệ thuật, lịch sử và thiên văn; đạt được sự uyên thâm và lòng khoan dung. Ông đã biết được cách mở cái hầm mộ cuộc đời bị đóng kín mở ra từ mọi hướng những quang cảnh không thể tin được, không thể diễn đạt được. Và còn nữa, còn nữa. Nhưng cuộc hành trình nào rồi cũng phải có lúc kết thúc. Bị rách nát tới tả vì những lúc xuất hồn và trải nghiệm, quá mệt mỏi để có thể tiếp tục vui cười với niềm hân hoan. Để lại mọi thứ. Và nằm yên. Chỉ có bà là có thể tiếp tục, vì chỉ có bà mới có thể tái sinh vinh viễn. Với Vasyelu, một lần đã là quá đủ.

Ông rời khỏi gã trai đang ngủ. Năm giờ sau, Snake đã ra về không một tiếng động. Gã lấy đi tất cả các điều xì gà, không chừa lại điều nào.

Snake bán các điều xì gà rất nhanh. Ở một quán cà phê mà có thời gã thường ghé vào, gã gặp những kẻ đánh hơi được có sự thay đổi trong vận may của hắn, họ cố ép hắn lộ chuyện. Snake không hé môi, vẫn còn vẻ mệt mỏi, lưỡng lự, cau bần. Đó là một người đỡ đầu mới. Một ông già thích cho hắn những thứ đó. Ông già đó sống ở đâu? Ô, một tòa nhà tuyệt vời, ở phía bắc thành phố.

Vài bữa sau gã lại đi.

Là một người đi săn, gã không tin cậy vào đồng cỏ rộng giữa ban ngày. Có quá ít chỗ để ẩn nấp, và cũng có quá nhiều chỗ cho những thứ mà gã đang rình rập ẩn nấp. Vào buổi chiều, gã ngồi trong khu vườn của một nhà bảo tàng. Các sinh viên đến rồi đi. Snake quan sát họ. Họ trẻ hơn hắn nhiều, nhưng hắn là một loại khác. Giờ là một cô gái, bắt được ánh mắt gã, cô hơi mỉm cười, rồi làm một cử chỉ nấn ná để khiến hắn để ý. Snake không đáp lại. Để tiết kiệm sức lực cho công việc của mình, gã gạt bỏ tất cả những bạn tình như vậy. Sự quyến rũ của họ, tuổi trẻ của họ, đó là những thứ hàng hóa vô giá trị đối với gã. Họ sẽ không trả tiền cho gã.

Tuy vậy, gã sẽ không gạt bỏ bà già kia. Bà ta đã bao nhiêu tuổi rồi? Sáu mươi, có lẽ thế - không, phải già hơn nhiều. Chín mươi thì đúng hơn. Nhưng bộ mặt bà ta, cái cổ bà ta, đôi tay bà ta lại mịn màng lạ lùng, không một nếp nhăn. Có lúc trông bà ta như chỉ mới năm mươi. Còn mái tóc nhuộm, có lẽ làm cho bà ta trông khêu gợi hơn, khiến cho người ta có ấn tượng về một người phụ nữ trẻ.

Phải, bà ta đã làm gã choáng váng. Có thể bà ta đã từng là một nghệ sĩ. Người ngoại quốc, nghệ sĩ kịch trường - giàu có. Nếu bà ta muốn bao gã, lăm lăm mà coi gã như con mèo quý của bà ta thì tạm thời gã sẽ đồng ý. Gã sẽ khoảng sạch của bà ta khi bà ta đã thấy chán gã và khi gã quyết định rời đi.

Nhưng, có cái gì đó trong những ý nghĩ chẳng lấy gì làm phức tạp này cứ quấy rầy gã. Lần đầu tiên khi gã bỏ chạy, cho đến giờ gã vẫn không hiểu là vì cái gì. Không phải vì cái họ của ma cà rồng, chắc chắn thế, đó chỉ là một cái tên sân khấu - Dracula - có gì đâu? Mà vì một cái gì đó - một sự thức tỉnh về định mệnh mà vốn từ vựng nghèo nàn của gã không diễn đạt được, không giải thích được. Một lần nó khiến gã bỏ chạy, sau đó nó khiến gã quay lại, chẳng phải là chuyện đùa cợt. Và bà ta biết cách đối xử với gã. Thật là lịch thiệp, thật là độ lượng. Bà ta đáng được kính trọng, vì lúc nào cũng tỏ ra tử tế. Quen tiêu tiền vào những thứ họ muốn, họ cũng chẳng ngần ngại gì trong việc mua người. Họ chẳng bao giờ quên rằng món thịt tươi cũng có một cái giá, vì gốc rễ của họ đã ăn sâu vững chắc cả thế kỷ khi ở đây còn có những người nô lệ.

Nhưng. Nhưng gã sẽ không tới đó tối nay, gã tự bảo mình. Không. Bà ta sẽ không thể dựa vào gã, điều đó có lẽ cũng hay. Có lẽ gã sẽ đến vào ngày mai, hay ngày kia, nhưng tối nay thì không.

Thế giới đang rời bỏ ánh mặt trời để đi vào bóng đêm trong một chiều hoàng hôn mùa đông. Snake rất vui khi ánh mặt trời đã tắt, và thứ ánh sáng giả tạo kia đang sáng lên từ các tòa nhà, các tiệm cà phê.

Gã di chuyển trên vỉa hè rộng rãi của một đường phố, một người đàn ông đến bên cạnh và tóm lấy tay phải của gã, một người khác tóm lấy tay trái.

"À, đây là anh chàng, anh chàng có tên là Snake".

"Có phải anh không?" người kia hỏi gã.

"Dĩ nhiên là hửn" người đầu tiên bóp mạnh bàn tay gã. "Chúng ta có bản nhận dạng chính xác đây chứ? Có phải hửn trông đúng như bản nhận dạng không?"

"Và đúng chỗ nữa". Người kia đồng ý. "Đúng khu vực này".

Những người này mặc thường phục. Bộ mặt họ vàng bủng, tươi cười và chăm chú. Chỉ là những thủ tục mà cả hai đã quen thuộc. Snake không biết chúng, nhưng gã biết cái cung cách đụng chạm, giọng nói, nụ cười như tạc trên những cái mặt nạ của chúng. Gã đã căng thẳng. Nhưng bây giờ gã chùng xuống, để cho chúng có thể nhìn và cảm thấy là mọi chuyện đã xong xuôi.

“Các anh muốn gì?”

Người đàn ông đang giữ tay gã chỉ mỉm cười.

Người kia nói “Chỉ kiếm ăn thôi mà”.

“Chúng mày định làm gì?”

Hai bên vỉa hè đều có người qua lại. Họ đi tiếp, đến một góc phố, ở đó có một khu đất trống mở ra sau bức tường vỡ, họ ngoặt vào bóng tối.

“Hình như mày chọc giận ai đó” tên thứ hai bảo gã. “Và họ tức giận lắm đấy”.

“Tao chọc giận rất nhiều người” Snake nói.

“Tao biết. Nhưng có vài người không chịu nổi chuyện đó”.

“Ai vậy? Tao có thể gặp họ mà”.

“Không. Họ không muốn gặp mày. Họ cũng không muốn mày gặp ai cả”. Bóng đen đã cách xa vài bộ.

“Tao có thể sửa chữa mà”.

“Không. Sửa chữa - đó là chuyện bọn tao được thuê làm đấy”.

“Nhưng nếu tao không biết...”. Snake nói, và ngã về phía tên đang giữ tay gã, gã giáng một cú đấm thẳng vào chỗ bụng mềm. Tên này buông gã ra và ngã quay lơ. Snake bỏ chạy. Gã chạy qua khu đất, vào một đường phố sáng đèn khác, và gã đã sắp bật cười to khi một con dao bay tới cắm vào lưng gã.

Các ngọn đèn vụt tắt. Có cái gì đó cứng và lạnh đập vào ngực, vào mặt gã, Snake nhận ra đó là vỉa hè đường. Có những tiếng động mơ hồ, đến rồi đi, có lẽ dân chúng đang xúm lại. Có ai đó đứng bên cạnh gã rút con dao ra. Và cơn đau đón bắt đầu.

“Nó đấy hả?” một giọng nói hoảng hốt đâu đó phía trên đầu gã: chính là cái tên bị gã giáng một đấm vào bụng.

“Một cú đẹp đấy”. Một giọng khác kêu lên. Một chiếc ô-tô trườn đến lề đường và rồ máy. Cửa ô-tô sập lại và có tiếng bước chân trên nền xi-măng. Snake nghe thấy hai tên kia đang vội vã bỏ đi.

Snake định đứng dậy, nhưng gã ngạc nhiên khi thấy mình không thể.

“Có chuyện gì thế?” có ai đó hỏi, dường như từ trên cao, rất cao.

“Tôi không biết”.

Một người đàn bà nói khẽ, “Nhìn xem, có máu này...”

Snake không để ý. Sau một lúc, gã lại cố đứng dậy và lần này gã đã quỳ được lên. Gã đau đốn, và đó là tất cả. Gã có thể cảm thấy cơn đau, không còn rõ rệt, mà mơ hồ, như những âm thanh đến rồi lại đi mà gã đã nghe thấy. Gã mở mắt ra. Ánh đèn nhạt nhòa đi, rồi lại trở lại thành những quầng sáng dài, rồi lại nhạt nhòa đi. Hình như chỉ có năm sáu người vây quanh gã. Khi gã đứng dậy, những hình người đứng gần đều lui cả lại.

“Anh ta không được cử động” có ai đó vội nói.

Một bàn tay chạm vào vai gã, khẽ đập, như một con côn trùng.

Ánh sáng nhạt đi thành màu tối, còn tiếng động thoảng qua giống như thủy triều lấp đầy tai gã. Làm gã choáng váng. Có cái gì đó đỡ gã, và gã đẩy nó ra - một bức tường...

“Tỉnh lại đi, anh bạn”, một người đàn ông gọi. Những ngọn đèn lại sáng trở lại gợi nhớ đến một bộ phim. Sau một lúc, gã cảm thấy khỏe lại. Gã thất thểu lê đi rời xa đám đông mà không nhìn họ. Kính cận, và khiếp sợ, họ để gã đi, nhận thấy máu nhỏ thành vết dọc vĩa hè sau lưng gã.

Chiếc đồng hồ kiểu Pháp gõ chuông êm ái trong phòng khách; đã bảy giờ tối rồi. Ngoài cửa sổ, khu vườn đã tối đen. Trời lại bắt đầu mưa.

Ông già đứng quan sát từ mái hiên cửa sổ đã hơn một giờ. Thỉnh thoảng, ông lại bước đi với vẻ sốt ruột, vòng quanh căn phòng, sửa lại bức tranh, nhặt một cánh hoa rơi. Rồi ông lại quay ra cửa sổ, nhìn ra ngoài đường, nhìn mưa và nhìn màn đêm.

Chưa đến một phút sau khi chuông đồng hồ điểm, bóng tối im lìm trôi tới và bắt đầu chuyển động, rất chậm, hướng về phía ngôi nhà.

Vasyelu đi ra gian sảnh. Trong khi đi, ông nhìn về phía cầu thang. Cây đèn ở đầu cầu thang đang cháy, và bà đứng đó trong vầng ánh sáng của nó, hai cánh tay buông thõng, thanh thoát như không có trọng lượng, đầu bà ngẩng cao.

“Công chúa?”

“Phải, ta biết. Hãy mau lên, Vassu. Còn ít thời gian lắm”.

Ông già vội mở cửa. Ông lao xuống các bậc thang một cách nhẹ nhàng như một chàng trai ở tuổi mười tám. Cơn mưa tối tăm quất vào mặt ông, gợi lại hàng nghìn hồi ức, ông chạy qua một vườn cây ở Burgungy, qua một sườn đồi

ở Tuscany, dọc con đường của khu vườn hoang gần St. Petersburg, ông chạy cho đến khi bắt gặp cái xác của gã trai trẻ nằm dưới một gốc cây.

Ông già cúi xuống, một con mắt đại đờ mở trừng trừng trong đêm tối nhìn ông.

“Chúng... đâm tôi” Snake thều thào. “Tôi... đã lê... suốt... quãng đường...”

Vasyelu Gorin vác Snake lên. Thân hình hằn oặt ẻo, nặng nề, không giúp gì được cho ông. Nhưng chuyện đó không thành vấn đề. Vì ông khỏe khủng khiếp, ông đứng lên, ôm gã trai trước ngực, quay mình chạy về.

“Tôi... không biết”. Snake thều thào, “không biết... ai cử... chúng tới. Khỏi kẻ... muốn... Nó... tệ... lắm không? Tôi... không nghĩ... nó tệ... thế?”

Những dây trường xuân vượt qua mặt Snake và mắt gã nhắm lại.

Khi Vasyelu đi vào gian sảnh, Vampire đã có mặt ở tầng dưới. Vasyelu mang gã trai đang hấp hối đến gần bà và đặt gã xuống chân bà. Sau đó ông quay người bỏ đi.

“Chờ đã” bà nói.

“Không, thưa Công chúa. Đây là chuyện riêng tư. Giữa hai người... như đã từng xảy ra giữa chúng ta. Tôi không muốn thưa Công chúa. Tôi không muốn nhìn thấy chuyện đó với người khác”.

Bà nhìn vào mặt ông, lúc này trông ông như một đứa trẻ, bà lấy làm buồn vì đã làm ông đau đớn, và không muốn ép ông nữa. Rồi bà gật đầu. “Vậy thì ông đi đi, ông bạn thân mến”.

Ông bỏ đi ngay lập tức. Vì vậy ông không chứng kiến chuyện đó khi bà quỳ xuống bên cạnh Snake trên tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ đã nhuộm đầy máu. Ông dường như nghe thấy tiếng váy áo của bà sột soạt như tiếng lật của các trang sách mỏng, và tiếng con dao nhỏ kêu xoẹt xoẹt khi nó cắt trên da thịt bà, và sau đó là sự im lặng kéo dài.

Ông đi qua gian phòng và bước vào gian nhà bếp đầy những đồ điện hiện đại sạch bóng và mát lạnh. Ông ngồi ở đây, nhớ lại khu rừng cây gần thị trấn, nhớ những bó đuốc của đám quý tộc đang hò hét săn đuổi ông chỉ vì ông đã ăn trộm một hộp thức ăn, những đòn tra tấn khi chúng bắt được ông. Ông nhớ lại, mà không còn cảm thấy đau đớn bất công, cái giờ phút lâm tử của ông nó như thế nào, một cơn cuồng nộ lộn xộn, những hình người mờ ảo đến rồi lại đi, những cú đòn đau đớn kinh khủng thực tại xen kẽ với những thung lũng sâu thẳm đen ngòm hư ảo. Và rồi là quãng đường lê lết đau đớn không thể tin

được, những ngón tay quờ quạng cắm vào đất, kéo thân mình lên trước, lao đảo đứng lên, rồi lại ngã dúi xucing, rồi những người qua đường bị người khác kéo đi. Trong khu nghĩa địa cạnh thị trấn, ông nằm im bất động. Ông không còn bò tiếp được nữa. Mặt đất lạnh ngắt, những ngôi mộ trắng, những cành cây bất động lạ lùng trên đầu ông, dường như hút cả bầu trời vào mình, chúng mới tắm tối làm sao, còn bầu trời mới nhợt nhạt làm sao.

Nhưng khi bầu trời đổ cơn mưa máu của nó, thì rạng đông bắt đầu. Khoảng một giờ trước khi mặt trời mọc. Ông đã nghe thấy tên của nàng, và ông biết cuối cùng ông sẽ đến để phục vụ nàng. Cái cách mà qua đó ông biết, cả với ông cũng như với gã trai trẻ kia, là trong niềm triêu về một cái chết bất đắc kỳ tử, bởi bạo lực đau đớn và hung tàn.

Suốt trong những lần sục sạo đây đó trong các thành phố, ông vẫn không tìm thấy ai có cái dấu hiệu đen tối đó trên mình. Cho đến ngày nọ, trong cái ngõ hẹp khi cái bàn tay ấm nóng động vào cổ ông cho đến khi ông nhìn vào cặp mắt có đốm như da con báo. Vậy là Vasyelu đã nhìn thấy cái dấu hiệu, đã ngửi thấy mùi của nó như mùi xương cháy xém.

Làm sao mà Snake, dở sống dở chết vì một vết thương chí mạng, mất máu và nửa tỉnh nửa mê, lại có thể lết đi một quãng đường xa như vậy, qua những đường phố, qua những khu trang viên rộng lớn của bọn nhà giàu, qua những cánh cổng khổng lồ, qua những hồ nước, những đồng cỏ sập tối, để rồi nằm đó hấp hối, ông già không cần phải hỏi cũng không cần phỏng đoán. Chính ông cũng đã làm một việc như vậy, hơn hai thế kỷ trước đây. Và ở đó nàng đã tìm thấy ông, giữa hai ngôi mộ trắng cao vút. Khi ông bắt đầu tỉnh lại, ông nhìn lên và thấy nàng, một tạo vật đẹp đẽ nhất đời mà ông từng thấy. Nàng đã cho ông uống máu của nàng. Ông đã uống máu của Darejan Dracula, một công chúa, một ma cà rồng. Thứ thần dược độc nhất vô nhị, nó đã cứu mạng ông. Tất cả các vết thương đều lành lặn. Cái chết đã rời khỏi ông như một bộ da rách nát, và mọi thứ mà ông đã từng là - kẻ bớ rác, kẻ trộm, kẻ phá phách, nghiện rượu, và một gã điếm vì một vài đồng - mỗi một trong những con người này lần lượt tiêu biến đi. Khi đứng dậy, ông đã đập lên chúng và bỏ chúng lại đằng sau. Ông bước đến gần nàng và quỳ phục xuống, giống như một lúc trước đó nàng đã quỳ cạnh ông, đỡ lấy ông và cho ông cuộc sống từ mạch máu lấp lánh như bạc của nàng.

Và chuyện này, tất cả chuyện này, bây giờ là cho một người khác. Cho dù là máu của nàng, nhưng dường như nó cũng không thể đem lại sự bất tử, mà chỉ

trường thọ, cuối cùng điểm dừng cũng đến với Vasyelu Gorin. Và cũng vậy, nhiều thế kỷ sau kể từ cái đêm hôm nay, một kẻ khác rồi cũng sẽ đi đến một kết cục tương tự. Snake rồi cũng sẽ nhớ đến cái giây phút khi gã tỉnh lại, lại ý thức một kẻ khác đang trải qua sự xúc động đến mù mị của nó, và tất cả sẽ lại bắt đầu sau đó.

Cuối cùng, với một chút hồi lỗi, ông già rời căn bếp sạch tinh và bước tới vùng ánh sáng mờ mờ ở tầng trên, lặng lẽ lẩn vào bóng tối ngoài rìa ánh đèn.

Ông hiểu rằng bà sẽ cảm nhận được ông đang ở đây, sẽ không phiền hà gì với sự có mặt của ông - bà không định để ông ở lại?

Việc đã xong.

Chiếc áo dài của bà trải ra như một bông hồng đang nở, gã trai trẻ nằm trước mặt bà, cặp mắt mở to đang nhìn thẳng vào bà. Và bà sẽ là điều đẹp đẽ nhất đời mà gã chưa từng nhìn thấy. Tất cả những lớp da vô hình của đời gã đã rơi rụng đi, những lớp vỏ mà gã sắp giẫm lên không thương tiếc dưới chân. Còn bà?

Đầu Vampire đang nghiêng về phía Snake. Mái tóc đen mềm mại đổ xuống. Khuôn mặt hồng lên dưới ánh đèn, thật trẻ trung, tràn đầy sức sống, hoạt bát, yên bình và tràn đầy tình yêu. Mọi điều đã trở lại với nàng, Nàng đã tái sinh.

Có lẽ đó chỉ là một ảo ảnh.

Ông già cúi đầu, đứng yên trong bóng tối. Ghen tuông, tiếc hận thay đều đã qua. Xét cho cùng, cuộc đời của ông với nàng cũng chỉ là một lớp da khác mà ông phải mang. Ông sẽ có sự yên bình vĩnh viễn mà nàng không bao giờ có được, và ông phải vui mừng vì điều đó. Gã trai trẻ sẽ phụng sự cho nàng, và một lần nữa nàng sẽ săn đuổi, sẽ khiêu vũ, sẽ lướt qua các tấm gương trong thành phố như một bóng ma lấp lánh, tại thành phố này và các thành phố khác, giữa thế giới thực thể và thế giới của các linh hồn.

Vasyelu run rẩy trên bến đỗ của cuộc đời của ông. Ông sẽ ra đi bây giờ, có thể rất sớm; ông đã nghe thấy tiếng rì rầm của con tàu đang tiến đến gần. Lần này sẽ rất đơn giản, hoàn toàn không giống như lần trước. Ra đi nguyện ý, đạt được mọi thứ, trong trật tự. Khi biết nàng đã an toàn.

Ông già chờ cho đến khi họ đứng lên và lặng lẽ cùng nhau đi vào phòng khách, rồi ông rời khỏi bóng tối và bước xuống cầu thang. Ông nghe thấy sự im lặng, sự im lặng của họ, giống như sự im lặng của những người tình mới.

ở cuối cầu thang, phía ngoài ánh đèn, bóng đêm thật êm ái, thật nhẹ nhàng, như mái tóc của Vampire. Vasyelu nhẹ bước vào bóng đêm, trong lòng không chút nghi ngờ.

Ông đã yêu nàng biết bao.

## WILLIAM HOPE HODSON - TIẾNG GỌI TRONG ĐÊM

D

ó là một đêm tối mịt, không trăng không sao. Bầu không khí im ắng khác thường, và thuyền của chúng tôi đang thả trôi trên một vùng biển phía bắc Thái Bình Dương. Tôi không biết chính xác chúng tôi đang ở đâu; vì trong suốt một tuần lễ đứng gió, mặt trời luôn bị che khuất bởi một màn mây dày đặc luôn treo lơ lửng trên đầu.

Vì không có gió nên chúng tôi phải cố định bánh lái thả trôi, và tôi là người duy nhất có mặt ở trên boong. Thủy thủ đoàn, gồm hai người lớn và một cậu nhỏ, ngủ trong khoang mũi, còn Will - anh bạn tôi, và là chủ chiếc thuyền buồm nhỏ bé của chúng tôi - ngủ ở đằng sau trên chiếc giường xếp trong cabin.

Đột nhiên, từ trong bóng tối mịt mùng vây quanh con thuyền vang lên tiếng kêu: “Thuyền buồm, ahoy! [1]”

Tiếng kêu bất ngờ đến nỗi tôi không thể đáp lại ngay vì quá kinh ngạc.

Tiếng kêu lại vang lên - với giọng cổ thật lạ lùng, không giống tiếng người, nó gọi từ một nơi nào đó trong bóng tối cách mạn thuyền chúng tôi khá xa.

“Thuyền buồm, ahoy!”

“Ơi!” Tôi kêu lên. “Ông là ai? Ông muốn gì?”

“Các anh đừng sợ”, âm thanh kỳ cục đáp lại, có lẽ nhận thấy vẻ bối rối trong giọng nói của tôi. “Tôi chỉ là một người... già thôi”.

Sự ngập ngừng dễ dàng nhận thấy và có vẻ lạ lùng; nhưng chỉ sau này chúng tôi mới hiểu ra được đôi chút.

“Thế tại sao ông không bơi đến đây?” Tôi cất vắn và cảm thấy hơi bức mình, vì tôi không thích ông ta nghĩ rằng tôi đang sợ.

“Tôi - tôi - không thể. Như thế không an toàn. Tôi...” - Tiếng nói dứt quãng rồi sau đó là sự im lặng.

“Ông định nói gì?” Tôi hỏi, mỗi lúc lại tò mò hơn. “Cái gì không an toàn? Ông ở đâu?”.

Tôi lắng nghe một lúc, nhưng không có câu trả lời. Và rồi đột nhiên, một mối nghi ngờ mơ hồ mà tôi cũng không rõ là gì đến với tôi. Tôi bước vội vào buồng

lái và lấy cây đèn. Đồng thời tôi gõ mạnh gót giày vào boong để đánh thức Will. Sau đó tôi quay lại thành tàu, chiếu một luồng ánh sáng vào khoảng mênh mông yên lặng phía ngoài mạn thuyền. Khi làm thế, tôi nghe thấy một tiếng kêu khẽ, nghèn nghẹn, và sau đó là một tiếng động dường như ai đó đang vội ẩn mái chèo xuống nước. Tôi không thể nói rằng tôi nhìn thấy cái gì chắc chắn cả; chỉ có điều, tôi có cảm tưởng như khi ánh sáng mới lóe lên thì ở đó dường như có một cái gì nổi trên mặt nước, nhưng giờ thì lại chẳng thấy gì hết.

“Này, ai đằng kia ơi!” Tôi gọi. “Chuyện kỳ cục gì vậy!”.

Nhưng vẳng đến chỉ có tiếng động mơ hồ của một con thuyền đang bơi vào bóng đêm.

Rồi tôi nghe thấy tiếng của Will từ phía sau chạy lại. “Có chuyện gì thế, Georger?”.

“Đến đây, Will”. Tôi nói.

“Chuyện gì thế?” anh hỏi khi chạy lên boong.

Tôi kể cho anh nghe về câu chuyện kỳ cục vừa xảy ra. Anh hỏi vài câu; rồi sau một lúc im lặng anh khum tay lên miệng làm loa gọi, “Này thuyền, ahoy!”.

Từ một khoảng cách khá xa vẳng lại phía chúng tôi một tiếng đáp yếu ớt. Rồi sau một lúc im lặng, tai chúng tôi dường như nghe thấy có tiếng mái chèo ngập ngừng; Will lại gọi về hướng đó.

Lần này chúng tôi đã nghe rõ có tiếng đáp: “Tắt đèn đi”.

“Tắt đèn là thế nào”. Tôi lăm bằm; nhưng Will bảo tôi cứ làm như tiếng nói đã bảo, và tôi chúc cây đèn xuống sàn tàu.

“Đến gần đây nào”, anh nói, và tiếng mái chèo khua nước lại tiếp tục. Rồi khi đến cách chúng tôi chắc khoảng năm sáu sải, tiếng động lại ngừng lại.

“Đến sát đây nào” Will kêu lên “Không có gì đáng sợ ở đây đâu!”.

“Hãy hứa là các anh sẽ không chiếu đèn đi?”

“Có chuyện gì với ông thế”, tôi bùng lên, “Vì sao ông lại sợ ánh sáng thế?”.

“Vì...” tiếng nói bắt đầu, rồi lại ngưng.

“Vì cái gì?” Tôi hỏi nhanh.

Will đặt tay lên vai tôi. “Im đi một lúc, anh bạn ạ” anh hạ giọng “Để tôi nói

chuyện với ông ta”.

Anh ngả người qua mạn thuyền. “Nghe này, thưa ông,” anh nói, “chuyện này khá kỳ quặc, ông cứ như từ giữa biển đến chỗ chúng tôi vậy. Làm sao biết được ông sẽ không giở trò gì với chúng tôi? Ông nói ở đây chỉ có một mình ông, nhưng làm sao chúng tôi biết được chuyện đó nếu không nhìn thấy ông, hả? Mà vì sao ông lại không cho chiếu đèn?”.

Khi anh nói xong, tôi nghe thấy tiếng mái chèo vang trở lại; nhưng bây giờ lại ở một khoảng cách xa hơn, và một âm thanh nghe thật thương tâm, tuyệt vọng.

“Tôi - tôi xin lỗi - xin lỗi! Tôi sẽ không làm phiền các anh nữa, chỉ có điều tôi đang đói, mà - mà cô ấy cũng vậy”.

Tiếng nói lại tắt đi, và tiếng mái chèo rời rạc lại vang đến chỗ chúng tôi.

“Dừng lại!” Will kêu lên. “Tôi không muốn đuổi ông. Quay lại đây! Chúng tôi sẽ cắt đèn đi nếu ông không thích”.

Anh quay về phía tôi. “Quái quỷ thật đấy. Nhưng tôi nghĩ chẳng có gì phải sợ cả, hả?”

Đó là một câu hỏi, cứ theo giọng của anh. Vì thế tôi đáp. “Không, tôi nghĩ cha nội này chắc bị đắm tàu đâu quanh đây, rồi sợ quá hóa điên”.

Tiếng mái chèo đến gần hơn.

“Quay đèn vào trong buồng lái” Will bảo tôi, rồi anh ngả người qua mạn thuyền lắng nghe. Tôi đặt lại cây đèn rồi trở lại bên anh. Tiếng mái chèo khua nước lại ngừng ở khoảng cách năm sáu sải.

“Giờ ông cũng không thể đến sát đây được hay sao?” Will hỏi bằng một giọng bình thường. “Tôi đã quay đèn vào buồng lái rồi”.

“Tôi - tôi không thể” tiếng nói đáp lại “Tôi không dám đến gần hơn. Tôi thậm chí không dám trả cái gì cho ông để đổi lấy thức ăn”.

“Thôi được” Will nói và lưỡng lự “Xin mời ông cứ ăn thỏa thích...” Anh lại lưỡng lự.

“Anh thật tốt quá” tiếng nói lại vang lên “Lạy Chúa, Ngài biết mọi việc, Ngài sẽ đền bù cho anh...” Tiếng nói vỡ ra nghèn nghẹn.

“Thế bà ấy... bà ấy thì sao?” Will cắt ngang. “Có phải bà ấy...”

“Tôi để cô ấy lại trên đảo”, tiếng nói đáp.

“Đảo nào thế?” tôi cắt ngang.

“Tôi cũng không biết tên”, giọng nói lại đáp “Tôi cầu Chúa...!” nó bắt đầu rồi lại tắc nghẹn thành linh.

“Chúng tôi có thể đưa thuyền đến cứu bà ta được không?” Will hỏi ngay.

“Đừng!” giọng nói đáp, nhấn mạnh một cách lạ lùng. “Lạy Chúa! Đừng!” Một thoáng ngập ngừng; sau đó nó nói thêm, trong giọng nói dường như có sự trách cứ. “Vì đói mà tôi phải đi, vì sự khổ sở của cô ấy làm tôi đau đớn”.

“Tôi thật là một gã cục súc vô tâm” Will kêu lên “Chờ một chút, dù ông là ai, tôi sẽ mang cho ông chút gì ngay lập tức”.

Vài phút sau anh quay lại, hai tay đầy thức ăn. Anh chần chừ bên mạn thuyền.

“Ông có thể đến đây lấy chúng không?” anh hỏi.

“Không - tôi không dám” giọng nói đáp lại, tôi cảm thấy trong giọng nói đó có sự cầu khẩn cực độ, dường như người nói cố che giấu một mong ước ghê gớm. Rồi sau đó tôi lóe lên một ý nghĩ rằng cái tạo vật già nua khốn khổ trong bóng tối kia đang suy sụp vì thực sự cần những thứ Will đang giữ trong tay; và còn nữa, vì nỗi kinh sợ không thể hiểu được, mà phải bắt mình ở xa mạn thuyền chúng tôi khi nhận nó. Và với lòng tin như một tia sáng, tôi biết rằng người Vô hình kia không điên; nhưng đang phải tỉnh táo đối mặt với một nỗi khủng khiếp không thể chịu đựng nổi.

“Mẹ kiếp, Will!” tôi nói, trong lòng tràn ngập một nỗi thông cảm vô bờ. “Lấy một cái thùng. Chúng ta sẽ thả những thứ này đến chỗ ông ta”.

Chúng tôi làm như vậy - dùng sào đẩy cái thùng khỏi mạn thuyền cho nó trôi vào bóng tối. Vài phút sau, một tiếng kêu nhẹ nhõm từ phía người Vô hình vắng đến, chúng tôi biết ông ta đã vớt được cái thùng.

Một lúc sau, ông ta gọi to chào chúng tôi, với những lời cầu nguyện đầy chân thành cho chúng tôi. Sau đó không có gì nữa, chúng tôi nghe thấy tiếng mái chèo trong đêm đen.

“Chuồn nhanh nhỉ” Will nhận xét có vẻ hơi bị tổn thương.

“Cứ chờ xem” tôi đáp “Tôi nghĩ ông ta sẽ quay lại. Ông ta hẳn phải rất cần thức ăn”.

“Và bà ấy nữa” Will nói. Anh im lặng một lúc, sau đó tiếp tục “Thật là một chuyện kỳ quặc nhất mà tôi từng trải qua, từ khi tôi biết đánh cá”.

“Phải”, tôi đáp và suy nghĩ rất lung.

Thời gian cứ thế trôi đi - một giờ, rồi một giờ nữa, Will vẫn ở lại với tôi; câu chuyện kỳ quặc vừa qua đã khiến anh hết cả muốn ngủ.

Sang giờ thứ ba được chừng bốn mươi lăm phút thì chúng tôi lại nghe thấy tiếng mái chèo khua nước xuyên qua màn đêm yên lặng.

“Nghe kìa!” Will nói với giọng thì thào lộ vẻ kích động.

“Ông ta lại đến, đúng như tôi nghĩ” tôi thì thầm.

Tiếng mái chèo nghe gần hơn, và tôi nhận thấy rằng các nhịp chèo mạnh và dài hơn. Thức ăn rõ ràng đã có công hiệu.

Tiếng mái chèo đến gần và dừng lại ở một khoảng cách không xa mạn thuyền, và cái giọng kỳ cục lại vọng đến xuyên qua màn đêm.

“Thuyền buồm, ahoy!”

“Ông đấy à?” Will hỏi.

“Vâng” giọng nói đáp. “Tôi bỏ đi thành lính; nhưng điều đó là rất cần”.

“Bà ấy à?” Will hỏi.

“Cô ấy rất biết ơn các anh, lúc còn trên mặt đất. Cô ấy sẽ còn biết ơn các anh nhiều hơn ở... ở trên trời, chẳng bao lâu nữa...”.

Will đã đáp lại, với một giọng bối rối, nhưng rồi anh lúng túng và ngừng lại nửa chừng. Tôi không nói gì. Tôi cứ ngờ ngợ về những khoảng ngập ngừng lạ lùng này, và từ sự ngờ ngợ đó, tôi thấy đầy lòng thương cảm với ông ta.

Giọng nói tiếp tục. “Chúng tôi... cô ấy và tôi đã nói chuyện khi chúng tôi chia nhau món quà từ tình thương của Chúa và của các anh...”.

Will lẩm bẩm ngắt lời, nhưng không rõ ràng lắm.

“Xin anh đừng coi nhẹ việc làm đầy tình thương Thiên Chúa của các anh tối nay”, giọng nói tiếp tục, “chắc rằng Chúa Trời cũng sẽ ghi nhận việc làm của các anh”.

Giọng nói dừng lại, im lặng suốt một phút đồng hồ. Sau đó nó trở lại.

“Chúng tôi đã nói với nhau về chuyện... chuyện... đã xảy ra cho chúng tôi.

Chúng tôi đã nghĩ là sẽ không nói cho bất kỳ ai về nỗi khủng khiếp xảy đến cho cuộc đời chúng tôi. Cô ấy tin rằng chuyện xảy ra tối nay là do một quyền lực đặc biệt, rằng chính Chúa Trời muốn chúng tôi phải kể mọi chuyện mà chúng tôi đã lâm vào từ khi... từ khi...".

"Sao?" Will nhẹ nhàng hỏi.

"Từ khi tàu Albatross bị đắm".

"A!" tôi bất giác kêu lên. "Nó đã rời cảng Newcastle đến Frisco sáu tháng trước, và từ đó đến giờ không nghe tin tức gì".

"Phải", giọng nói trả lời "Nhưng nó bị chệch vài độ về phía bắc, rồi gặp phải một cơn bão biển khủng khiếp và mất điều khiển. Khi trời sáng, nó bị nghiêng rất mạnh, và dường như sắp lật úp. Các thủy thủ liền thả thuyền cứu sinh và rời khỏi tàu, bỏ lại một người phụ nữ trẻ - vị hôn thê của tôi - và tôi trên con tàu đắm".

"Chúng tôi lúc đó đang ở dưới tàu thu thập vài thứ đồ dùng thì họ bỏ đi. Bọn họ hết thấy đều là lũ người nhẩn tâm lại thêm hèn nhát. Khi chúng tôi lên boong tàu thì họ đã bơi xa chỉ còn là những bóng mờ. Tuy vậy chúng tôi vẫn không tuyệt vọng, chúng tôi bắt tay vào việc, làm một cái bè nhỏ. Chúng tôi bỏ lên đó một ít thứ có thể chở được, gồm thùng nước và mấy thùng bánh bích quy lấy ở trên tàu. Chiếc tàu đang ngập rất sâu trong nước, chúng tôi leo lên bè và chèo đi.

Sau này tôi mới phát hiện ra rằng chúng tôi hình như đang nằm trên luồng hải lưu hay thủy triều gì đó, nó đưa chúng tôi trôi đi theo một góc sao đó mà sau ba tiếng đồng hồ chúng tôi không còn nhìn thấy con tàu nữa. Sau đó, tối đến trời nổi sương mù và cứ như thế suốt cả đêm. Ngày hôm sau chúng tôi vẫn phải đi trong sương mù.

Sau bốn ngày chúng tôi trôi qua một vùng sương mù lạ, rồi cho đến tối hôm thứ tư, bên tai chúng tôi bỗng vọng lên những tiếng ì ầm của những cơn sóng lớn từ đằng xa. Dần dần nó trở nên rõ ràng hơn, và khoảng sau nửa đêm, tiếng sóng dường như ở sát ngay bên cạnh chúng tôi. Chiếc bè vài lần bị những cơn sóng lớn tóm lấy, nhưng sau đó đột nhiên chúng tôi bị hút vào một vùng nước lặng và tiếng sóng đã lùi lại đằng sau.

Khi trời sáng, chúng tôi thấy mình đang ở trong một thứ giống như một cái hồ có một vành bờ san hô bao quanh; nhưng vào lúc đó chúng tôi chẳng biết được gì nhiều; ngay gần trước bè của chúng tôi qua lớp sương mù phủ kín dày đặc là

thành mạn của một chiếc tàu lớn. Cả hai chúng tôi cùng quỳ xuống để cảm tạ Chúa, vì như chúng tôi nghĩ thì đây sẽ là điểm kết thúc cho những hiểm nguy của chúng tôi. Chúng tôi còn phải học nhiều.

Chiếc bè trôi sát mạn con tàu, chúng tôi kêu to lên để họ cho chúng tôi lên boong. Nhưng không có ai trả lời. Sau đó, chiếc bè chạm vào mạn con tàu, và tôi nhìn thấy một sợi thừng thả xuống, tôi liền tóm lấy nó và bắt đầu leo lên. Tôi đã phải cố hết sức vì có một thứ nắm hay rêu màu xám, phủ đầy sợi thừng, nó còn làm cho phía ngoài vỏ tàu có màu xanh xám.

Tôi trèo đến lan can thành tàu, leo qua nó và bước lên boong. Tại đây tôi nhìn thấy boong tàu phủ đầy những mảng lớn thứ nấm mốc gì đó màu xám, đôi chỗ chúng mọc lên thành những khối u phồng lên cao tới cả mét; nhưng lúc đó tôi không nghĩ nhiều lắm về chuyện này mà chủ yếu về khả năng có người trên tàu. Tôi kêu lên, nhưng không có ai trả lời. Sau đó tôi đi đến cánh cửa dẫn xuống khoang tàu. Tôi mở nó ra và nhìn vào trong. Một mùi mốc meo xông ra khó chịu đến mức ngay lập tức tôi hiểu rằng không thể có sự sống gì ở trong đó, và khi biết như vậy tôi vội đóng cánh cửa lại. Bỗng nhiên tôi cảm thấy thật cô độc.

Tôi đi đến thành tàu nơi tôi đã leo lên. Vợ... vợ chưa cưới của tôi vẫn đứng yên trên bè. Thấy tôi nhìn xuống, nàng gọi với lên để biết xem có ai trên đó không. Tôi đáp lại rằng con tàu dường như đã bị bỏ không từ rất lâu rồi; nhưng nếu nàng chờ một chút thì tôi sẽ tìm xem có cái thang dây nào không để nàng có thể leo lên tàu. Rồi sau đó chúng tôi có thể tiến hành xem xét cùng với nhau. Chỉ một lát sau, tôi tìm thấy chiếc thang dây ở thành mạn bên kia. Tôi mang nó sang bên này và một phút sau nàng đã ở bên cạnh tôi.

Chúng tôi cùng nhau thám thính khoang lái và gian công thất ở phía sau con tàu; nhưng không ở đâu có bất kỳ một dấu hiệu nào của sự sống cả. Đây đó ngay trong cabin chúng tôi phải đi qua những đám nấm mốc kỳ quặc với hình thù quái dị; nhưng thứ đó, như người yêu tôi nói, sẽ dọn sạch chẳng mấy chốc.

Cuối cùng sau khi chắc chắn rằng phần đuôi con tàu hoàn toàn trống rỗng, chúng tôi mở đường đi ra phía trước len qua giữa những khối u màu xám quái gở của một thứ cây lạ lùng; và ở đây chúng tôi lại tiếp tục tìm kiếm, và rốt cuộc chúng tôi biết được rằng trên con tàu này hoàn toàn không có ai khác ngoài chúng tôi.

Điều đó giờ đây đã không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi quay trở lại phía đuôi tàu và thu xếp cho mình một chỗ nghỉ tử tế hơn. Chúng tôi cùng quét dọn và

lau chùi hai phòng nhỏ; và sau đó tôi đi tìm kiếm thật kỹ xem trên tàu có gì ăn được không. Và tôi đã sớm tìm được chúng, tôi thành tâm cảm ơn Chúa đã từ tâm đối với chúng tôi. Ngoài thực phẩm, tôi còn tìm được một thùng nước ngọt, và khi uống thử, tôi thấy nước uống được mặc dù có vị hơi khó chịu một chút.

Suốt mấy ngày liền chúng tôi ở trên boong tàu, không hề tìm cách bơi vào bờ. Chúng tôi đang bận bịu thu xếp chỗ ở. Nhưng rồi chúng tôi cũng sớm biết rằng nơi ở mới của chúng tôi thật không đáng mong muốn như chúng tôi hình dung; và dù ngay từ đầu chúng tôi đã cạo sạch những đám nấm mốc lạ đời mọc đầy trên sàn và tường các cabin và phòng khách, nhưng lập tức chúng lại mọc lên với kích thước y như cũ chỉ trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, nó không chỉ làm chúng tôi nản chí mà còn đem lại cho chúng tôi một cảm giác khó chịu mơ hồ.

Chúng tôi vẫn chưa chịu thua, và lại cạo sạch chúng, mà không chỉ cạo sạch đám nấm mốc, mà còn khử trùng bằng carbolic, một thùng đầy mà tôi tìm thấy trong gian bếp. Nhưng chưa đến cuối tuần chúng đã mọc trở lại y như cũ, thêm nữa chúng lại lan ra cả những nơi khác, cứ như việc chúng tôi chạm vào chúng đã mang mầm mống của chúng đi gieo rắc khắp nơi vậy.

Vào buổi sáng ngày thứ bảy, người yêu tôi thức dậy đã thấy một đám nấm nhỏ mọc ngay dưới gối, gần sát mặt nàng. Và thế là nàng đến phòng tôi, ngay sau khi mặc xong quần áo. Khi đó tôi đang ở trong gian bếp đốt lửa để làm bữa sáng.

‘Lại đây, John’, nàng bảo và kéo tôi theo sau. Khi nhìn thấy đám nấm mốc trên gối của nàng, tôi phát rùng mình, rồi ngay tại đó chúng tôi đồng ý rằng phải đi ngay khỏi con tàu, và xem ra không còn nơi nào cho chúng tôi sống tốt hơn là mấy hòn đảo nhỏ kia.

Chúng tôi vội vàng thu nhặt những thứ đồ đạc ít ỏi của mình, trong đó tôi cũng thấy một số thứ có nấm đang mọc. Trên chiếc khăn quàng của nàng cũng có một vệt nấm đang mọc ở một góc. Tôi ném toàn bộ những thứ đó sang một bên mà không nói với nàng lời nào.

Chiếc bè của chúng tôi vẫn còn ở đó, nhưng nó rất khó điều khiển, vì thế tôi hạ xuống một chiếc thuyền treo ngoài mạn tàu, rồi chúng tôi lên thuyền và bơi vào một hòn đảo. Nhưng khi chúng tôi đến gần nó thì dần dần mới nhận thấy rằng cái thứ nấm ghê tởm đã đuổi chúng tôi ra khỏi con tàu kia cũng đang mọc loạn xạ ở đây. Một vài chỗ chúng mọc thành những cái ụ kỳ quái, khủng khiếp, chúng dường như đang lắc lư, lắc đảo như những con vật sống, giống như

những bụi cây mỗi khi có làn gió thổi qua. Ở đâu đó, chúng có hình dạng những cánh tay khổng lồ, còn ở những chỗ khác chúng lại trải ra như tấm thảm, trơn mượt và đầy bất trắc. Những chỗ kỳ quặc nhất thì trông cứ như những thân cây kỳ dị uốn éo, vặn xoắn và nổi mấu nổi u rất lạ thường - chỉ vừa nhìn thấy là phải rùng mình kinh sợ ngay lập tức.

Thoạt đầu chúng tôi có cảm tưởng rằng không có lấy một chỗ nào trên cái vòng san hô kia mà không phải là nơi ẩn náu của đám năm mồi; nhưng rồi tôi thấy là mình đã lầm; cách đó xa hơn một chút, chúng tôi phát hiện thấy một dải trắng muốt trông như cát trắng, và chúng tôi đưa thuyền vào đó. Nhưng đó không phải là cát. Nó là gì thì tôi cũng không biết. Tất cả những gì mà tôi xác định được là năm mồi không mọc ở trên đó; trong khi ở những nơi khác ngoài vùng trông như cát này thì chúng mọc dày đặc không có lối mà đi. Ở đó không có gì ngoài một màu xám xịt đáng sợ.

Thật khó làm cho các anh hiểu chúng tôi đã vui mừng như thế nào khi tìm được một chỗ hoàn toàn thoát khỏi cái thứ cây kỳ quặc kia, và chúng tôi lập tức mang đồ đạc lên đó. Sau đó chúng tôi trở lại con tàu để lấy theo những thứ chúng tôi sẽ cần đến. Ngoài những thứ khác tôi còn mang đi một tấm buồm và tôi dùng nó để làm hai cái lều nhỏ. Chúng tôi ở trong một chiếc lều còn chiếc kia để cất đồ dùng. Rồi sau đó là bốn tuần lễ trôi qua yên ổn và không có gì đặc biệt xảy ra. Tất nhiên là tôi nói chúng tôi rất hạnh phúc vì được ở bên nhau.

Năm xuất hiện đầu tiên là ở trên ngón tay cái bàn tay phải của nàng. Thoạt đầu đó chỉ là một vết tròn nhỏ, rất giống túm lông chuột màu xám. Chúa ơi! Tim tôi thắt lại vì sợ hãi khi nàng chỉ nó cho tôi. Chúng tôi vội tẩy sạch nó đi, rửa chỗ đó bằng carbolic và nước. Buổi sáng ngày hôm sau, nàng lại giơ tay cho tôi xem. Cái mụn cơm màu xám kia đã trở lại. Chúng tôi nhìn nhau im lặng một lúc lâu. Sau đó, vẫn không nói một lời, chúng tôi lại tẩy nó đi. Trong khi đang còn làm chưa xong thì nàng bỗng nói:

‘Có cái gì ở bên cạnh mặt anh thế, anh yêu?’ giọng nàng khản đi vì lo lắng. Tôi bất giác giơ tay lên sờ mặt.

‘Chỗ này này! Phía dưới tóc, ngay cạnh tai ấy. Phía trước một chút’. Ngón tay tôi dừng lại ở chỗ đó, và thế là tôi hiểu.

‘Hãy lo cho ngón tay của em trước đã’ tôi nói. Và nàng đồng ý, chỉ vì nàng sợ ngón tay sẽ chạm vào tôi khi chưa được chùi rửa sạch. Tôi kết thúc công việc chùi rửa và tẩy trùng ngón tay nàng, và sau đó đến lượt nàng lo cho tôi. Sau

khi xong việc, chúng tôi ngồi bên cạnh nhau và nói chuyện một lúc về nhiều chuyện; những suy nghĩ rất khủng khiếp thành linh chen vào giữa cuộc sống của chúng tôi. Ngay lúc đó chúng tôi đã lo sợ một điều gì đó còn đáng sợ hơn cả cái chết. Chúng tôi nói đến việc chất thức ăn và nước lên chiếc thuyền và lên đường ra biển; nhưng chúng tôi bất lực vì nhiều lý do, và lũ năm mốc đã thực sự tấn công chúng tôi, chúng đã xâm nhập vào cơ thể chúng tôi rồi. Vậy là chúng tôi quyết định ở lại. Hãy để cho Chúa làm với chúng tôi những gì Ngài muốn. Và chúng tôi sẽ chờ đợi.

Một tháng, hai tháng rồi ba tháng trôi qua, và lũ năm mốc vẫn mọc ở khắp nơi, còn trên thân thể chúng tôi chúng vẫn tiếp tục lan rộng. Chúng tôi vẫn cố gắng chống chọi, nhưng vô cùng lo sợ khi thấy chúng đã ăn sâu vào thân thể chúng tôi mà không có cách gì trừ bỏ đi được.

Đôi khi chúng tôi lại bơi ra con tàu để tìm những thứ chúng tôi cần. Ở đó chúng tôi thấy năm mốc vẫn mọc không ngừng. Một số khối năm mốc trên boong chính chẳng bao lâu đã cao ngang đầu tôi.

Giờ đây chúng tôi đã bỏ mọi ý nghĩ và hy vọng rời hòn đảo. Chúng tôi nhận ra rằng mình không thể được phép trở về sống giữa loài người khỏe mạnh với những gì mà chúng tôi đang phải gánh chịu.

Với nhận thức và quyết định đó trong đầu, chúng tôi thấy cần phải dè sẻn thức ăn và nước uống của mình; vì lúc đó chúng tôi còn không biết gì khác ngoài việc chúng tôi sẽ còn phải sống ở đây nhiều năm nữa.

Điều này nhắc tôi nhớ một điều mà tôi đã bảo anh rằng tôi là một ông già. Cứ theo tuổi tác thì không phải vậy. Nhưng... nhưng..."

Ông ta ngắt ngang; rồi sau đó lại đột ngột nói tiếp.

"Như tôi đã nói, tôi biết rằng chúng tôi phải lo vấn đề thực phẩm. Nhưng chúng tôi không nghĩ là mình lại còn ít lương thực đến thế. Một tuần sau tôi phát hiện ra rằng tất cả các thùng bánh mì khác mà tôi vẫn nghĩ là đầy hóa ra lại trống rỗng và (ngoài mấy hộp rau và thịt và một vài thứ khác) chúng tôi không còn gì để trông mong vào nữa, ngoài cái thùng bánh mà chúng tôi đã mở ra.

Sau khi biết điều này, tôi bận rộn lo làm những gì có thể, và thử đi câu cá trong hồ nhưng không thành công. Thất bại này làm tôi nản lòng chỉ đến khi tôi chợt nghĩ là tại sao không bơi ra ngoài biển để đi câu.

Lần này, tôi câu được một con cá lạ ngoài biển; nhưng dẫu có câu được thường xuyên hơn thì việc đi câu cũng không giữ được chúng tôi khỏi cái đói đe dọa.

Tôi mừng tưởng được rằng cái chết của chúng tôi sẽ là chết đối trước khi cơ thể của chúng tôi bị thứ nấm mốc khủng khiếp kia gặm nhấm hết.

Chúng tôi đang trong tình trạng tinh thần như thế thì tháng thứ tư đã trôi qua. Khi đó tôi phát hiện ra một điều rất kinh khủng. Một buổi sáng, khoảng trước buổi trưa một tý, tôi từ chiếc tàu quay về sau khi lấy được một hộp bánh quy mà chúng tôi còn bỏ sót. Tôi thấy cô ấy đang ngồi ăn cái gì đó.

‘Em đang ăn cái gì thế?’ tôi gọi nàng trong khi nhảy lên bờ. Nhưng, nghe thấy tiếng tôi gọi nàng hình như có vẻ bối rối, nàng quay đi và vội nhổ cái gì đó trong miệng ra. Một sự nghi ngờ mơ hồ trỗi dậy, tôi bước đến gần và nhặt nó lên. Đó là một cục nấm mốc màu xám.

Khi tôi bước tới ôm nàng vào lòng, nàng trông nhợt nhạt như người chết, rồi sau đó mặt nàng đỏ lựng. Tôi cảm thấy choáng váng lạ lùng và hoảng sợ nữa.

‘Ôi em yêu, em yêu!’ tôi không còn biết nói gì nữa. Nghe tôi kêu, nàng khụy xuống và bật khóc cay đắng. Dần dần nàng bình tĩnh lại. Nàng kể cho tôi nghe là nàng đã thử ăn nó ngày hôm trước, và thấy nó rất lạ! Tôi bắt nàng phải hứa là sẽ không động đến nó, cho dù đối như thế nào đi nữa. Sau khi hứa, nàng bảo với tôi rằng ước muốn ăn nó đến rất thành linh, và rằng trước đó nàng chưa từng thèm khát thứ gì khác ghê gớm như thế.

Vào cuối ngày, cảm thấy mệt mỏi lạ lùng, và quá bị sốc với điều mà tôi mới phát hiện được. Tôi đi thơ thẩn dọc theo dải đường quanh co làm bằng cái thứ trắng như cát, nó chạy vào giữa đám nấm mốc đang mọc cao hai bên. Trước đây tôi đã một lần đi vào đó nhưng không đi xa. Lần này, mãi miên man nghĩ ngợi, tôi đi xa hơn nhiều vào bên trong.

Thành linh, tôi sức tỉnh vì một âm thanh khàn khàn kỳ cục ở phía bên trái tôi. Tôi quay ngoắt người lại và nhìn thấy một khối nấm mốc có hình thù kỳ dị đang chuyển động ngay sát bên hông tôi. Nó lắc lư một cách khó nhọc, nhưng dường như nó có một linh hồn sống của chính mình. Dột nhiên, tôi phát hoảng, một ý nghĩ chợt đến trong đầu tôi rằng cái khối hình thù quái dị kia chính là thân hình của một con người đã bị nấm mốc làm cho méo mó vẹo vọ đi như thế. Ngay khi cái ý nghĩ đó lóe lên trong đầu tôi, thì có một tiếng nứt nở khe khẽ như chìm trong nước mắt, và tôi nhìn thấy một thứ như nhánh cây có hình thù hao hao như cánh tay tách ra khỏi các khối nấm xung quanh và chìa về phía tôi. Cái đầu của nó - một quả bóng méo mó màu xám không ra hình thù gì - ngả về phía tôi. Tôi bất giác bước lui lại, và cánh tay dưới dạng thân cây sống quét qua mặt tôi. Tôi kêu thét lên sợ hãi và chạy giật lùi vài bước. Có một

vị ngọt trên môi tôi nơi mà cái vật kia quẹt vào. Vô tình, tôi liếm môi, và ngay lập tức tôi cảm thấy hơi choáng váng, một ước muốn kinh khủng, không giống của con người xâm chiếm lấy tôi. Tôi quay lại và vồ lấy một cục nấm mốc. Sau đó lại một cục, rồi một cục nữa. Tôi vẫn còn chưa thỏa mãn. Giữa lúc đang ngẫu nhiên, trí nhớ về sự việc phát hiện hồi sáng quét qua bộ não đang điên dại của tôi. Chính Chúa đã gửi nó đến cho tôi. Tôi ném cục nấm đang cầm trong tay xuống đất. Rồi, bất hạnh cùng cực và vô cùng hối hận, tôi quay trở về nơi dựng lều của chúng tôi.

Tôi nghĩ là nàng biết ngay khi nàng đưa mắt nhìn tôi, bởi một linh cảm kỳ lạ mà tình yêu đã đem lại cho chúng ta. Sự cảm thông yên lặng của nàng làm cho tôi thấy dễ chịu hơn, và tôi kể cho nàng nghe về giây phút yếu đuối bất ngờ của tôi. Nhưng tôi không nhắc gì đến cái sinh vật quái dị kia. Tôi không muốn làm cho nàng phải kinh khủng một cách không cần thiết.

Nhưng với bản thân mình thì tôi đã biết thêm được một điều khó mà chịu đựng nổi, nó sẽ nuôi dưỡng một sự khủng khiếp thường trực trong trí óc tôi. Vì tôi không nghi ngờ gì rằng tôi đang chứng kiến đoạn kết bi thảm của một trong những người lên đảo từ con tàu đậu trong hồ kia; và trong cái đoạn kết quái gở đó tôi cũng nhìn thấy cái kết cục không tránh khỏi của chính mình.

Từ đó về sau chúng tôi cứ phải cố gắng giữ mình tránh xa cái thức ăn ghê tởm đó, mặc dù sự thèm muốn nó dường như đã ngấm vào máu chúng tôi. Chúng tôi không thể làm gì để kiềm chế được nó, và cứ thế, cứ thế, chúng tôi - vốn là những con người - đã trở thành... Phải, cứ mỗi ngày chúng tôi lại ít còn hình hài người thêm một chút. Chỉ có điều, còn có điều chúng tôi vẫn là một người đàn ông và một người đàn bà!

Ngày lại ngày cuộc đấu tranh lại càng kinh khủng hơn, để đứng vững được trước cơn thèm khát cái thứ mốc meo kinh sợ đó.

Một tuần trước chúng tôi đã ăn đến cái bánh quy cuối cùng, và từ bữa đó đến giờ tôi chỉ bắt được có ba con cá. Tối này tôi bơi ra đây câu cá và bắt gặp chiếc thuyền buồm của các anh từ trong đám sương mù trôi đến đây. Tôi đã gọi các anh, và chuyện sau đó thì các anh đã biết rồi. Cầu Chúa thương xót các anh vì lòng tốt mà các anh đã dành cho hai... hai linh hồn khốn khổ bị ruồng bỏ này".

Một thoáng im lặng rồi chúng tôi nghe thấy tiếng mái chèo quạt nước. Sau đó giọng nói lại vọng đến, lần cuối cùng, xuyên qua đám sương mù bàng bạc, ảm đạm và ma quái kia.

“Cầu Chúa thương xót các anh! Vĩnh biệt!”

“Vĩnh biệt”, chúng tôi cùng kêu lên, trong lòng đầy những xúc cảm lạ lùng.

Tôi liếc nhìn quanh. Tôi đâm ra cảnh giác với cái màn đêm đang bủa vây chúng tôi.

Mặt trời còn chưa mọc, nhưng những tia sáng đầu tiên của nó đã phản chiếu trên mặt nước, xuyên qua đám sương mù ảm đạm, chiếu lờ mờ vào chiếc thuyền nhỏ đang lùi xa. Trong một thoáng tôi như nhìn thấy một cái gì đó đang gập gù giữa các mái chèo. Tôi nghĩ đến một khối bot biển hay một con bạch tuộc khổng lồ màu xám. Các mái chèo vẫn khua nước. Tất cả đều màu xám, cả chiếc thuyền cũng thế. Tôi căng mắt ra nhìn, cố phân biệt giữa đôi cánh tay và mái chèo, nhưng không thể. Mắt tôi nhìn trở lên cái đầu. Nó đang gập gù mỗi khi mái chèo bổ xuống mặt nước. Con thuyền cũng bơi đi theo nhịp giật cục và biến vào màn sương mù ma quái kia.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

**Chú thích:**

---

[1] Ahoy: tiếng kêu “hê” của thủy thủ.

*Kho ebook online*  
*<http://isach.info>*